

Số: *4307* /QĐ-BNN-BVTV

Hà Nội, ngày *24* tháng *10* năm 2016

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa  
thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  
trong lĩnh vực bảo vệ thực vật**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC ngày 11/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 28 thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực bảo vệ thực vật gồm:

- Thủ tục hành chính cấp Trung ương: 22;
- Thủ tục hành chính cấp tỉnh: 05;
- Thủ tục hành chính cấp xã: 01.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Công thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, PC, BVTV.

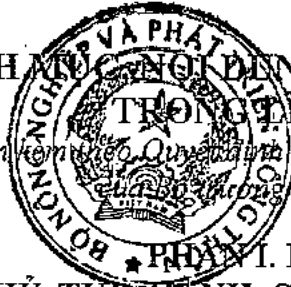
**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Lê Quốc Doanh**

DANH MỤC CÔNG ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA  
TRONG KHU VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV ngày 24 tháng 10 năm 2016  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP TRUNG ƯƠNG**

TT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1.	Cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật để đăng ký chính thức	- Điều 56 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 9, 10 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT	Cục Bảo vệ thực vật	
2.	Cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật để đăng ký bổ sung	- Điều 56 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 9, 10, 11 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT	Cục Bảo vệ thực vật	
3.	Cấp lại Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	- Điều 57 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 12 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT	Cục Bảo vệ thực vật	
4.	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	- Điều 59 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 6 Nghị định 66/2016/NĐ-CP - Điều 21 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT	Cục Bảo vệ thực vật	
5.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	- Điều 51 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 13 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT	Cục Bảo vệ thực vật	
6.	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật.	- Điều 52 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 14 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT	Cục Bảo vệ thực vật	
7.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trường hợp mất, sai sót, hư hỏng	- Điều 53 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 15 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT	Cục Bảo vệ thực vật	
8.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trường hợp đổi	- Điều 53 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 16 Thông tư số	Cục Bảo vệ thực vật	

thuc

	tên thương phẩm, thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	21/2015/TT-BNNPTNT		
9.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trường hợp thay đổi nhà sản xuất.	- Điều 53 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 17 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT	Cục Bảo vệ thực vật	
10.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	- Điều 61, 65, 66 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 3 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP - Điều 25, 30 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT	Cục Bảo vệ thực vật	
11.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	- Điều 61, 65, 66 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 3 Nghị định 66/2016/NĐ-CP - Điều 31 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT	Cục Bảo vệ thực vật	
12.	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	- Điều 67 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 40 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT - Điều 24 Thông tư 04/2015/TT-BNNPTNT	Cục Bảo vệ thực vật	Nhập 02 THC số 02 và 14 trong Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC
13.	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu	- Điều 67 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 44 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT	Cục Bảo vệ thực vật	
14.	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền Trung ương)	- Điều 70 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 61, 62 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT - Điều 10, 12 Nghị định 181/2013/NĐ-CP	Cục Bảo vệ thực vật	
15.	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu	- Điều 33 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 6, 7 Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT	Các cơ quan kiểm dịch thực vật (bao gồm các Chi cục Kiểm dịch thực vật Vùng I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII và IX; các trạm kiểm dịch	

			thực vật tại cửa khẩu)	
16.	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu	- Điều 33 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 9, 10 Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT	Các cơ quan kiểm dịch thực vật (bao gồm các Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII và IX; các trạm kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu)	
17.	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quá cảnh	- Điều 33 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 11, 12 Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT	Các cơ quan kiểm dịch thực vật (bao gồm các Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII và IX; các trạm kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu)	
18.	Cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	- Điều 38 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 5 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP - Điều 5 Thông tư 05/2015/TT-BNNPTNT	Cục Bảo vệ thực vật	
19.	Cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	- Điều 39 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 6 Thông tư 05/2015/TT-BNNPTNT	Cục Bảo vệ thực vật	
20.	Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	- Điều 37 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 5 Nghị định 66/2016/NĐ-CP - Điều 8 Thông tư 05/2015/TT-BNNPTNT	Cục Bảo vệ thực vật	
21.	Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	- Điều 37 Luật bảo vệ và kiểm dịch TV; - Điều 9 Thông tư 05/2015/TT-BNNPTNT	Cục Bảo vệ thực vật	
22.	Cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu	- Điều 28 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 24 Thông tư 04/2015/TT-BNNPTNT	Cục Bảo vệ thực vật	

*thư*

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP TỈNH

TT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1.	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	- Điều 68 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 23, 35, 36 Nghị định số 14/2015/NĐ-CP - Điều 5, 18, 19 Nghị định số 104/2009/NĐ-CP - Điều 54, 55 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT	Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	
2.	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh).	- Điều 70 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 10, 12 Nghị định số 181/2013/NĐ-CP - Điều 61, 62 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT	Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	
3.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- Điều 63, 65, 66 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 4 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP - Điều 35 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT	Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.	
4.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- Điều 63, 65, 66 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 36 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT	Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.	
5.	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	- Điều 43 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 7, 8 Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT	Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.	

## C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP XÃ

TT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1.	Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật	- Điều 23 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật - Điều 4, 5 Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bổ sung so với Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP TRUNG ƯƠNG

#### I. TTHC Cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật để đăng ký chính thức

**Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

##### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cục Bảo vệ thực vật.
- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ

- + Cục Bảo vệ thực vật thẩm định hồ sơ trong thời hạn 10 ngày làm việc.
- + Hồ sơ đề nghị cấp trên 03 cây trồng hoặc 03 đối tượng sinh vật gây hại, thời hạn thẩm định hồ sơ không quá 15 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu, Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 4: Thẩm tra hồ sơ

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường) thẩm tra hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc.

- Bước 5: Cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT): Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Bộ trưởng.

Trường hợp không cấp, Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

##### 2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ

- Trực tiếp
- Bưu điện
- Trực tuyến

##### 3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Giấy tờ chứng minh tổ chức, cá nhân được đăng ký thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam:

+ Bản chính hoặc bản sao chứng thực văn bản xác nhận là nhà sản xuất trong đó có thuốc bảo vệ thực vật đề nghị cấp giấy phép khảo nghiệm do cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại cấp (đối với nhà sản xuất nước ngoài).

+ Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu)

giấy phép thành lập công ty, chi nhánh công ty hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (đối với nhà sản xuất nước ngoài đăng ký lần đầu).

+ Bản chính giấy ủy quyền của nhà sản xuất cho tổ chức, cá nhân đăng ký (trường hợp ủy quyền đứng tên đăng ký). Giấy ủy quyền của nhà sản xuất nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

+ Bản sao chụp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (đối với tổ chức, cá nhân trong nước được ủy quyền đứng tên đăng ký lần đầu);

- Tài liệu kỹ thuật thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

Số lượng hồ sơ: 01 bản giấy và 01 bản điện tử định dạng PDF.

#### **4. Thời hạn giải quyết:**

- 19 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- 24 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp trên 03 cây trồng hoặc 03 đối tượng sinh vật gây hại.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Bảo vệ thực vật

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (Có giá trị trong thời hạn 05 năm).

#### **8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục I, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

#### **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Tài liệu kỹ thuật thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

#### **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.





**Phụ lục I**  
**MAU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI**  
**GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**APPLICATION FOR PESTICIDE FIELD TRIAL PERMIT**

**Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật**  
*To Plant Protection Department*

TÊN, ĐỊA CHỈ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ/ *Name and address of applicant:*

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC TẠI VIỆT NAM/ *Contact address in Vietnam:*

TEL:.....FAX:.....EMAIL: .....

**ĐỀ NGHỊ/ apply for**

CẤP / *pesticide field trial permit*

CẤP LẠI / *re-issuance of pesticide field trial permit*

Số giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật / *Permit No.:* .....

TÊN THƯƠNG PHẨM/ *Trade name:*

HOẠT CHẤT/ *Active ingredient:*

HÀM LƯỢNG HOẠT CHẤT/ *Active ingredient content:*

DẠNG THÀNH PHẨM/ *Type of formulation:*

TÊN NHÀ SẢN XUẤT THÀNH PHẨM/ *Name of manufacturer:*

ĐỊA CHỈ NƠI SẢN XUẤT/ *Address where manufactured:*

Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật/ *Certificate of pesticide manufacturer*

No.: .....Ngày cấp/ *issuing date*.....

(Đơn vị sản xuất trong nước/ *for domestic manufacturer only*)

Tình trạng bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ/ *Status of intellectual property rights protection*

(Ghi cụ thể tên giấy, tổ chức cấp, số hiệu, ngày cấp, thời hạn hiệu lực/ *write in detail: name of IP certificate, issuing organization, number, issuing date, validity period*):

MỤC ĐÍCH KHẢO NGHIỆM/ *Trial purpose:*

<b>Đề đăng ký chính thức/</b> <i>for full registration</i>	<input type="checkbox"/>	Thuốc BVTV đã được đăng ký sử dụng <input type="checkbox"/> tại nước ngoài/ <i>Pesticide registered abroad</i> (Ghi cụ thể tổ chức cấp, số đăng ký, ngày cấp, thời hạn hiệu lực/ <i>write in detail granting organization, registration</i>
---	--------------------------	---

		<i>number, issuing date, validity period</i> - Thuốc BVTV sáng chế trong nước/ <input type="checkbox"/> <i>Pesticide invented in Vietnam</i> (Ghi cụ thể tổ chức cấp, số đăng ký, ngày cấp, thời hạn hiệu lực/ write in detail granting organization, registration number, issuing date, validity period)
Để đăng ký bổ sung/ <i>for supplementary registration</i>	<input type="checkbox"/>	- Phạm vi sử dụng/scope of application <input type="checkbox"/> - Dạng/formulation <input type="checkbox"/> - Thay đổi hàm lượng hoạt chất/content of a.i. <input type="checkbox"/> - Cách sử dụng/method of application <input type="checkbox"/> - Liều lượng/dose <input type="checkbox"/> - Tên thương phẩm/generic registration <input type="checkbox"/>

**ĐỐI TƯỢNG KHẢO NGHIỆM/ Trial subjects**

Cây trồng/ Crop	Sinh vật gây hại/ Pest (ghi cả tên tiếng Việt và tên khoa học/ Vietnamese and systematic name)

**TRƯỜNG HỢP CẤP LẠI/ Re-issuing case:**

- Thay đổi tên thương phẩm/ change of trade name;  
 Thay đổi thông tin tổ chức, cá nhân đăng ký/ change of applicant's informations;  
 Các trường hợp khác/ other cases.

**NỘI DUNG CẤP LẠI/ Re-issuing contents:**

**TÀI LIỆU KÈM THEO/ Accompanying documents**

- 1.....  
 2.....  
 3.....

Tôi xin cam đoan lời khai trong đơn, tài liệu cũng như mẫu vật kèm theo là đúng sự thật/ I declare that all the information contained in this application and accompanying documents are true and correct.

Tại/at ....., ngày/on date .....

Ký tên, đóng dấu/ Signature and seal

**Lưu ý:** Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy phép khảo nghiệm do thay đổi tổ chức, cá nhân được ủy quyền đăng ký thì trong đơn phải có xác nhận của nhà sản xuất ghi trong Giấy phép khảo nghiệm về việc thay đổi ủy quyền. Trường hợp thay đổi thông tin tổ chức, cá nhân đăng ký có văn bản chứng minh sự thay đổi.

**Note:** In case of application for reissuing a Field Trial Permit due to changes in the organization/individual authorized to register the pesticide, the application form must be accompanied with a written document certified by the manufacturer named in the present FTP for the change in authorization. In case of changes in registration organization/individual there must be written document certifying such changes.

*[Handwritten signature]*

**Phụ lục III**  
**TÀI LIỆU KỸ THUẬT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**Mục 1**  
**HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ TÀI LIỆU KỸ THUẬT**  
**THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**I. NHỮNG YÊU CẦU VỀ HÌNH THỨC TÀI LIỆU KỸ THUẬT**

1. Tài liệu kỹ thuật đăng ký thuốc bảo vệ thực vật gồm 01 bản tóm tắt và các báo cáo, phụ lục chi tiết liên quan đến nghiên cứu kèm theo.

2. Bản tóm tắt in trên giấy khổ A4, đóng thành quyển, có trang bìa, đánh số trang từ trang mục lục ngay sau trang bìa.

Cỡ chữ phần nội dung là 12 đến 14 point, font chữ Times New Roman.

Trang bìa ghi các thông tin sau:

**“BẢN TÓM TẮT TÀI LIỆU KỸ THUẬT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT -  
SUMMARIZED TECHNICAL DETAILS OF PESTICIDE”**

Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân đăng ký/ *Name and address of applicant*

Tên thương phẩm/ *Trade name:*

Dạng thành phẩm/ *Formulation type:*

Hoạt chất/ *Active ingredient (a.i):*

Nhà sản xuất thành phẩm / *Manufacturer:*

3. Tài liệu kỹ thuật đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trình bày bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

**II. NHỮNG YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG TÀI LIỆU KỸ THUẬT**

1. Nội dung tài liệu kỹ thuật thuốc bảo vệ thực vật phải phù hợp và trình bày đầy đủ các mục quy định tại Mục 2 của Phụ lục này. Trường hợp mục nào không có nghiên cứu phù hợp, ghi “không phù hợp” ví dụ: chất rắn không bay hơi nên không có áp suất hóa hơi. Mục không có thông tin, ghi “chưa có thông tin”.

2. Tóm tắt các nghiên cứu độc học, độc môi trường thể hiện đầy đủ các nội dung: Loài sinh vật, đường dùng, thời gian dùng, nêu ngắn gọn về phương pháp nghiên cứu, nhấn mạnh các kết quả quan trọng như bản chất, liều gây độc, các liều không ghi nhận tác dụng gây hại, mức độ nguy hiểm của chất nghiên cứu.

3. Phương pháp và quy trình phân tích chất lượng: nêu chi tiết phương pháp phân tích hàm lượng hoạt chất, tạp chất độc hại, bao gồm: nguyên tắc, dụng cụ, thuốc thử, các bước tiến hành, điều kiện thiết bị, tính toán kết quả.

4. Phương pháp và quy trình phân tích dư lượng phải nêu chi tiết phương pháp phân tích dư lượng bao gồm: nguyên tắc, dụng cụ, thuốc thử, các bước tiến hành, điều kiện thiết bị, tính toán kết quả, giới hạn xác định (LOQ), hiệu suất thu hồi (R).

5. Chỉ tiêu chất lượng: phải đạt tiêu chuẩn Việt Nam hoặc hướng dẫn của FAO nếu các tiêu chuẩn của Việt Nam chưa được xây dựng.

6. Độc tính của thuốc thành phẩm do phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn GLP hoặc ISO 17025:2005 thực hiện, có báo cáo thử nghiệm kèm theo được tổ chức thực hiện xác nhận. Trong báo cáo phải ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ email của phòng thí nghiệm; họ tên, chức vụ người phụ trách thực hiện các thử nghiệm tại phòng thí nghiệm đó.

7. Đối với thuốc bảo vệ thực vật hóa học (đăng ký chính thức, đặt tên thương phẩm) phải nộp 02 (hai) gam (g) chất chuẩn cho mỗi hoạt chất của thuốc đăng ký cho Cục Bảo vệ thực vật khi nhận Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật. Chất chuẩn phải có giấy chứng nhận phân tích của phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương và có thời hạn sử dụng từ 02 (hai) năm trở lên.

## Mục 2

### NỘI DUNG TÀI LIỆU KỸ THUẬT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

#### I. THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT HOÁ HỌC ( Chemical pesticide)

Phần I/ Part 1 HOẠT CHẤT, THUỐC KỸ THUẬT / active ingredient, technical grade	
A	DỮ LIỆU LÝ - HOÁ/ <i>Physico - chemical data</i>
A.1.	Nhận diện hóa chất/ <i>chemical identity</i>
1.1	Số CAS/ <i>chemical abstract service number</i>
1.2	Tên thông thường/ <i>common name</i>
1.3	Tên hóa chất theo IUPAC/ <i>chemical name</i>
1.4	Công thức cấu tạo/ <i>structural formula</i>
1.5	Công thức phân tử/ <i>empirical formula</i>
1.6	Khối lượng phân tử/ <i>molecular mass</i>
1.7	Họ hóa chất/ <i>chemical family</i>
A.2	Đặc tính lý hóa của hoạt chất/ <i>physical and chemical properties of pure a.i</i>
2.1	Ngoại dạng/ <i>appearance</i>
2.2	Điểm nóng chảy, sôi, phân huỷ/ <i>melting point, boiling point, decomposition</i>
2.3	Áp suất hơi/ <i>vapor pressure</i>
2.4	Tỷ trọng (với chất lỏng)/ <i>density (for liquid only)</i>
2.5	Khả năng hoà tan trong nước và dung môi hữu cơ/ <i>solubility in water and organic solvents</i>
2.6	Hệ số phân tán giữa nước và dung môi không trộn lẫn/ <i>partition coefficient between water and non-miscible solvent (Kow)</i>
2.7	Thủy phân/ <i>hydrolysis</i>
2.8	Quang phân/ <i>photolysis</i>
A.3	Thuốc kỹ thuật/ <i>technical grade active ingredient</i>
3.1	Nguồn cung cấp; tên và địa chỉ nhà sản xuất; địa chỉ nơi sản xuất/ <i>source; name and address of manufacturer and address where manufactured.</i>
3.2	Ngoại dạng / <i>appearance</i>
3.3	Hàm lượng tối thiểu và tối đa của hoạt chất trong thuốc kỹ thuật/ <i>the minimum and</i>

	<i>maximum a.i content</i>
3.4	Nhận diện và hàm lượng các đồng phân, tạp chất/ <i>identity and amount of isomers, impurities, ...</i>
3.5	Chi tiêu chất lượng của 5 mẻ/ <i>analytical test report of specifications (5 batches)</i> Lưu ý: Chi yêu cầu đối với trường hợp thay đổi nhà sản xuất. (quy định rõ đơn vị nào kiểm tra, hay chỉ đơn vị thứ ba)
3.6	Quy trình sản xuất/ <i>manufacturing process</i>
3.7	Thời hạn sử dụng/ <i>shelf life</i>
3.8	Phương pháp và quy trình phân tích xác định hàm lượng hoạt chất/ <i>analytical method for a.i</i>
B	<b>DỮ LIỆU ĐỘC HỌC/ Toxicological data</b>
B.1	<b>Độc cấp tính/ acute toxicity</b>
1.1	Độc cấp tính qua miệng (LD <sub>50</sub> )/ <i>acute oral toxicity</i>
1.2	Độc cấp tính qua da (LD <sub>50</sub> )/ <i>acute dermal toxicity</i>
1.3	Độc cấp tính qua hô hấp (LC <sub>50</sub> )/ <i>acute inhalation</i>
1.4	Khả năng kích thích mắt/ <i>eye irritation</i>
1.5	Khả năng kích thích da/ <i>skin irritation</i>
1.6	Khả năng gây dị ứng/ <i>allergy/ sensitization test</i>
B.2	<b>Độc cận mãn tính (tên gọi khác: độc bán trường, độc bán mãn tính)/ subchronic toxicity</b>
B.3	<b>Độc mãn tính/ chronic toxicity</b>
B.4	<b>Khả năng gây ung thư/ carcinogenicity</b>
B.5	<b>Khả năng gây đột biến gen/ mutagenicity</b>
B.6	<b>Độc tính với sinh sản và sự phát triển (bao gồm cả khả năng sinh quái thai)/ reproductive and developmental toxicity</b>
B.7	<b>Độc thần kinh đối với các chất nhóm lân hữu cơ/ neurotoxicity (for organophosphorus)</b>
B.8	<b>Các nghiên cứu độc tính khác, nếu có/ other toxicity studies, if any</b>
B.9	<b>Dữ liệu y khoa, triệu chứng ngộ độc, thuốc giải độc nếu có/ medical data, poisoning symptom, antidote, if any</b>
B.10	<b>Mức hấp thụ hàng ngày cho phép/ acceptable daily intake (ADI)</b>
C	<b>DỮ LIỆU DƯ LƯỢNG/ Residue data</b>
C.1	<b>Chuyển hóa trong thực vật / metabolism in plant (identity and quantity of metabolites and distribution, use of radio labelled material, dosage rate, identification &amp; characterization of residues)</b>
C.2	<b>Chuyển hóa trong vật nuôi/ metabolism in farm animal</b>
C.3	<b>Mức dư lượng tối đa cho phép/ maximum residue levels (MRLs)</b>
C.4	<b>Phương pháp phân tích dư lượng trong cây trồng / analytical method for residue on crops</b>
C.5	<b>Dữ liệu nghiên cứu dư lượng từ các nước khác/ residue data from local or foreign countries</b>
D	<b>CHUYỂN HÓA VÀ ẢNH HƯỞNG MÔI TRƯỜNG/ Environmental fate and effects</b>
D.1	<b>Chuyển hóa trong môi trường/ environmental fate</b>
1.1	Trong đất/ <i>in soil</i>
1.2	Trong nước / <i>in water</i>
1.3	Trong không khí/ <i>in air</i>
D.2	<b>Độc tính sinh thái/ ecotoxicity</b>
1.1	Độc tính với chim/ <i>bird</i>

1.2	Độc tính với cá và các loài thủy sinh/ <i>fish and aquatic organisms</i>
1.3	Độc tính với ong/ <i>honey bee</i>
1.4	Độc tính với các sinh vật không phải đối tượng phòng trừ/ <i>non-target organisms</i>
E	PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT CỦA THUỐC KỸ THUẬT NHẬP KHẨU / <i>Material safety data sheet for technical grade active ingredient import (MSDS)</i>
Phần 2/ <i>Part 2</i> THÀNH PHẨM / <i>finished product</i>	
A	DỮ LIỆU LÝ - HOÁ/ <i>Physico - chemical data</i>
A.1	Nhận diện thành phẩm/ <i>finished product identity</i> .
1.1	Tên và địa chỉ nhà sản xuất thành phẩm/ <i>name and address of manufacturer/formulator</i>
1.2	Tên thương phẩm/ <i>trade name</i>
1.3	Loại thuốc/ <i>use category</i>
1.4	Dạng thuốc/ <i>type of formulation</i>
A.2	Thành phần/ <i>composition</i>
1.1	Hàm lượng hoạt chất thuốc kỹ thuật/ <i>content of technical grade a.i</i>
1.2	Hàm lượng các chất phụ gia/ <i>content of adjuvant</i>
1.3	Dung môi, chất mang/ <i>solvent, carrier content</i>
A.3	Đặc tính lý hoá thuốc thành phẩm/ <i>physical, chemical properties of the product</i>
3.1	Ngoại dạng/ <i>appearance</i>
3.2	Tỷ trọng với chất lỏng/ <i>density (for liquid only)</i>
3.3	Khả năng bắt lửa, điểm chớp/ <i>flammability, flash point</i>
3.4	Khả năng ăn mòn (nếu có) / <i>corrosiveness, if any</i>
3.5	Độ bền bảo quản/ <i>storage stability</i>
3.6	Độ acid, kiềm hoặc pH/ <i>acidity/alkalinity/pH</i>
A.4	Thuộc tính vật lý của thành phẩm tương ứng dạng sử dụng / <i>physical properties of product related to use (where relevant)</i>
4.1	Độ thấm nước với dạng bột phân tán/ <i>wettability (for dispersible powders)</i>
4.2	Độ bền của bọt đối với dạng dùng trong nước/ <i>persistent foam (for formulation applied in water)</i>
4.3	Độ lơ lửng đối với dạng bột phân tán và SC/ <i>suspensibility (for dispersible powders and SC)</i>
4.4	Thử rây ướt/ <i>wet sieve test (for DP, SC)</i>
4.5	Thử rây khô/ <i>dry sieve test (for G, D)</i>
4.6	Độ bền nhũ/ <i>emulsion stability (for EC)</i>
4.7	Khả năng hỗn hợp với thuốc bảo vệ thực vật, phân bón/ <i>compatibility with other pesticides fertilizers</i>
A.5	Thời hạn sử dụng/ <i>shelf life</i>
A.6	Phương pháp và quy trình phân tích/ <i>analytical method for A.1 in formulation</i>
A.7	Quy trình sản xuất thuốc thành phẩm/ <i>process of formulation</i>
B	ĐỘC TÍNH/ <i>Toxicity</i>
B.1	Độc cấp tính qua miệng (LD <sub>50</sub> ) / <i>acute oral toxicity</i>
B.2	Độc cấp tính qua da (LD <sub>50</sub> ) / <i>acute dermal toxicity</i>
B.3	Độc cấp tính qua hô hấp (LC <sub>50</sub> ) / <i>acute inhalation</i>
B.4	Khả năng kích thích mắt/ <i>eye irritation</i>
B.5	Khả năng kích thích da/ <i>skin irritation</i>
B.6	Khả năng gây dị ứng/ <i>allergy/ sensitization test</i>

C	ANH HƯỞNG SỨC KHỎE CON NGƯỜI/ <i>Human Health Exposure</i>
C.1	Dữ liệu về phơi nhiễm đối với người sử dụng (qua da, hít, giám sát sinh học) khi sử dụng trên đồng ruộng/ <i>operator exposure data (dermal exposure/ inhalation exposure, biological monitoring) – field application.</i>
C.2	Phơi nhiễm đối với người ở gần (qua da/hít), giám sát sinh học), khi sử dụng trên đồng ruộng/ <i>bystander exposure data (dermal exposure/ inhalation exposure, biological monitoring) – field application</i>
D	ĐỘC TÍNH SINH THÁI/ <i>Ecotoxicity</i>
D.1	Độc tính với chim/ <i>bird</i>
D.2	Độc tính với cá và các loài thủy sinh/ <i>fish and aquatic organisms</i>
D.3	Độc tính với ong / <i>honey bee</i>
D.4	Độc tính với các sinh vật không phải đối tượng phòng trừ/ <i>non-target organisms</i>
E	HIỆU LỰC SINH HỌC/ <i>Bio-efficacy</i>
E.1	Cơ chế tác động của thuốc bảo vệ thực vật/ <i>mode of action</i>
E.2	Sử dụng ở nước ngoài/ <i>application in foreign countries</i>
E.3	Thông tin về sinh vật gây hại và cây trồng/ <i>pest and crop information</i>
3.1	Sinh vật gây hại/ <i>pest</i>
3.2	Cây trồng/ <i>crop</i>
3.3	Liều lượng/ <i>dosage</i>
3.4	Số lần áp dụng/ <i>number of application</i>
3.5	Thời điểm áp dụng/ <i>timing of application</i>
3.6	Phương pháp sử dụng (phun, rải...)/ <i>application method</i>
3.7	Thời gian cách ly/ <i>pre-harvest interval</i>
F	PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT CỦA THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT/ <i>Material safety data sheet (MSDS)</i>

## II. THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT SINH HỌC ( biological pesticide)

### 1. Thành phần hữu hiệu là vi sinh vật

Phần 1/ Part 1 VI SINH VẬT/ <i>Microorganism</i>	
A	DỮ LIỆU SINH HỌC/ <i>Biological data</i>
A.1	Nhận diện vi sinh vật / <i>identity of microorganism</i>
1.1	Tên thông thường/ <i>common name</i>
1.2	Tên khoa học/ <i>scientific name</i>
1.3	Tên đồng nghĩa/ <i>synonyms</i>
1.4	Vị trí phân loại/ <i>taxonomical position (class/order/family/sub-family)</i>
1.5	Chủng/kiểu huyết thanh/kiểu sinh học/ <i>strain/serotype/biotype</i>
A.2	Đặc điểm nhận diện của vi sinh vật/ <i>identification characteristics of microorganism</i>
2.1	Đặc điểm hình thái/ <i>morphological characteristics</i>
2.2	Đặc điểm nuôi cấy/ <i>cultural characteristics</i>
2.3	Đặc điểm hóa sinh/ <i>biochemical properties</i>
2.4	Nhận diện huyết thanh (nếu phù hợp)/ <i>serological identification (where appropriate)</i>
2.5	Chẩn đoán phân tử (nếu phù hợp) / <i>molecular diagnosis (where appropriate)</i>
2.6	Các phương pháp phân tích/ phép thử để nhận diện và xác định đặc điểm của vi sinh vật/ <i>analytical methods/biological assay for identification and characterization of microorganism</i>
2.7	Nhận diện plasmid hoặc vật liệu di truyền nằm ngoài nhiễm sắc thể khác có khả năng trừ dịch hại hoặc gây bệnh hoặc gây độc ... (nếu phù hợp)/ <i>identification of plasmids or</i>

	<i>other extra chromosomal genetic material responsible for pesticide activity or pathogenicity or toxicity, etc., (where appropriate)</i>
2.8	Làm rõ vi sinh vật biến đổi gen hay tự nhiên/ <i>Whether wild type or genetically altered microorganism?</i>
2.9	Vi sinh vật trong tự nhiên và mối liên hệ của nó với các loài liên quan/ <i>natural occurrence of microorganism and its relation to other related species</i>
A.3.	<b>Đặc tính sinh học của vi sinh vật/ <i>biological properties of microorganism</i></b>
3.1	Đặc tính sinh học của vi sinh vật (đối tượng phòng trừ, ký chủ của vi sinh vật có ích, vòng đời, cơ chế tác động của vi sinh vật có ích, khả năng gây hại (như lây nhiễm) tới động vật có vú (bao gồm cả người), môi trường và các loài không là mục tiêu/ <i>biological properties of active agent (target pest, microbial agent host range, life cycle, and mode of action of microbial agent, potential hazards (such as infectivity) to mammals (including human beings), environment and other non-targeted species, if any</i>
3.2	Mô tả các kiểu hình thái của vi sinh vật và bất kỳ đặc điểm bất thường về hình thái, sinh hóa, tính kháng của vi sinh vật so khác với mô tả thông thường/ <i>description of morphological types of microorganism and any unusual morphological, biochemical, resistance characteristics of the organism that is different from classic description of organism</i>
3.3	Xác định hàm lượng độc tố và hiệu lực của độc tố bằng phương pháp xét nghiệm sinh học/ <i>determination of toxin content and potency of toxin by bioassay method</i>
3.4	Nếu vi sinh vật được biến đổi gen, phải trình bày phương pháp DNA finger print, xác định các điểm thêm vào hoặc xóa, xác định các khu vực kiểm soát gen, xác định các dấu hiệu di truyền (nếu phù hợp)/ <i>If the organism in question is genetically altered one, method of DNA finger printing and identification of inserted or deleted transcripts, identification of gene control regions, identification of genetic markers, etc.), where appropriate</i>
A.4	Các chỉ tiêu kỹ thuật / <i>specifications</i>
A.5	Thời hạn sử dụng/ <i>shelf life</i>
A.6	Xuất xứ (nguồn gốc)/ <i>source or origin</i> Tên, địa chỉ nhà cung cấp/ <i>name and address of supplier</i>
A.7	Phương pháp nuôi cấy/ <i>manufacturing practice</i>
A.8	Tạp chất và chất lây nhiễm (vi sinh vật khác không được lớn hơn $10^4$ /g) / <i>impurities and contaminants (other microorganisms, not more than <math>10^4</math>)</i>
B	<b>KHẢ NĂNG TRUYỀN NHIỄM VÀ GÂY BỆNH HOẶC ĐỘC TÍNH TỚI SINH VẬT KHÔNG PHẢI ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ/ <i>Infectivity and pathogenicity or toxicity to non-target organisms</i></b>
B.1	Độc tính hoặc khả năng truyền nhiễm và gây bệnh qua đường miệng/ <i>oral toxicity/ infectivity and pathogenicity</i>
B.2	Độc tính hoặc khả năng truyền nhiễm và gây bệnh qua da/ <i>dermal toxicity/ infectivity and pathogenicity</i>
B.3	Độc tính hoặc khả năng truyền nhiễm và gây bệnh qua đường thở/ <i>inhalation toxicity/ infectivity and pathogenicity</i>
B.4	Gây kích thích da sơ cấp/ <i>primary skin irritation</i>
B.5	Ngứa màng nhầy/ <i>mucous membrane irritation</i>
B.6	Dị ứng/ mẫn cảm/ ngăn cản miễn dịch/ <i>allergy/sensitization/immuno supression</i>
C	<b>PHỐI NHIỄM Ở NGƯỜI, DỮ LIỆU ÁNH HƯỞNG VÀ CHUYỂN HOÁ MÔI TRƯỜNG / <i>Human health exposure/ environmental fate and effects data</i></b> Lưu ý: chỉ yêu cầu nếu các dữ liệu mục B cho thấy cần tiếp tục đánh giá thêm/ <i>If any results from section B suggest further risk assessment</i>
C.1	Ảnh hưởng phơi nhiễm tới sức khỏe của người/ <i>human health exposure effects</i>
1.1	Dữ liệu về phơi nhiễm đối với người sử dụng (qua da, hít, giám sát sinh học) khi sử



	dùng trên đồng ruộng/ <i>operators exposure data (dermal exposure/ inhalation exposure, biological monitoring) – field application.</i>
1.2	Phơi nhiễm đối với người ở gần (qua da/hít), giám sát sinh học), khi sử dụng trên đồng ruộng/ <i>bystander exposure data (dermal exposure/ inhalation exposure, biological monitoring) – field application</i>
C.2	Ảnh hưởng và chuyển hóa môi trường/ <i>environmental fate &amp; effects</i>
2.1	Dữ liệu sơ cấp về môi nguy tiềm năng (khả năng lây nhiễm) tới động vật có vú (gồm cả người)/ <i>primary data on potential hazards (infectivity) to mammals (including humans)</i>
2.2	Dữ liệu sơ cấp về độc tính đối với sinh vật không phải đối tượng phòng trừ (chim, ong...)/ <i>primary data on toxicity to non-targeted organisms (bees, birds, pollinators, etc.)</i>
2.3	Dữ liệu thực nghiệm lây nhiễm đối với các loại cây trồng (ví dụ: vi sinh vật dùng để phòng trừ cỏ dại)/ <i>experimental data on infectivity to crop plant species (e.g. microbial agents used for control of weed species)</i>
<b>Phần 2/ Part 2</b>	
<b>THÀNH PHẨM /finished product</b>	
A	<b>ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC VÀ HÓA HỌC/ Biological characteristics and chemistry</b>
A.1	Nhận diện thành phẩm/ <i>product identity</i>
1.1	Tên và địa chỉ nhà sản xuất thành phẩm/ <i>formulator's name and address</i>
1.2	Tên thương phẩm/ <i>trade name</i>
1.3	Loại thuốc/ <i>use category</i>
1.4	Dạng thuốc/ <i>type of formulation</i>
A.2	Tiêu chuẩn kỹ thuật/ <i>specifications</i>
2.1	Ngoại dạng và hình thức/ <i>form and appearance</i>
2.2	pH, kích thước hạt, tính huyền phù, khả năng trộn lẫn.../ <i>pH, particle size, suspensibility, miscibility, etc.</i>
A.3	Thành phần của thuốc thành phẩm/ <i>composition of the product</i>
3.1	Hoạt chất/ <i>active ingredients</i>
3.2	Các thành phần khác như chất bám dính, chất trải.../ <i>other ingredients, e.g. stickers, spreaders, etc.</i>
3.3	Tạp chất và chất lây nhiễm (vi sinh vật khác không được lớn hơn $10^4$ /g) / <i>impurities and contaminants (other microorganisms, not more than <math>10^4</math>/g)</i>
A.4	Quy trình thử nghiệm và các tiêu chí xác định/ <i>test procedures and criteria for identification (including method(s) of analysis/biological assay)</i>
A.5	Thời hạn sử dụng/ <i>shelf life claim</i> Không dưới 6 tháng (kèm theo dữ liệu để khẳng định về thời hạn sử dụng)/ <i>not less than 6 months (with data in support of shelf life claim)</i>
B	<b>KHẢ NĂNG TRUYỀN NHIỄM VÀ GÂY BỆNH HOẶC ĐỘC TÍNH TỚI SINH VẬT KHÔNG PHẢI ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ/ Infectivity and pathogenicity or toxicity to non-target organisms</b> Lưu ý: chỉ yêu cầu nếu liên quan đến lây nhiễm hoặc độc tính của thành phần khác trong thuốc thành phẩm/ <i>If reasons for concern (e.g. contaminants, toxic properties of formulating compound, etc.)</i>
B.1	Độc tính hoặc khả năng truyền nhiễm và gây bệnh qua đường miệng/ <i>oral toxicity/ infectivity and pathogenicity</i>
B.2	Độc tính hoặc khả năng truyền nhiễm và gây bệnh qua da/ <i>dermal toxicity/ infectivity and pathogenicity</i>
B.3	Độc tính hoặc khả năng truyền nhiễm và gây bệnh qua đường thở/ <i>inhalation toxicity/ infectivity and pathogenicity</i>
B.4	Gây kích thích da sơ cấp/ <i>primary skin irritation</i>

B.5	Gây kích thích niêm mạc/ <i>mucous membrane irritation</i>
B.6	Dị ứng/ mẫn cảm/ ngăn cản miễn dịch/ <i>allergy/sensitization/immuno supression</i>
C	PHỐI NHIỄM Ở NGƯỜI, DỮ LIỆU ẢNH HƯỞNG VÀ CHUYỂN HOÁ MÔI TRƯỜNG / <i>Human health exposure/ environmental fate and effects data</i> Lưu ý: chỉ yêu cầu nếu các dữ liệu mục B cho thấy cần tiếp tục đánh giá thêm/ <i>If any results from section B suggest further risk assessment</i>
C.1	Ảnh hưởng phơi nhiễm tới sức khỏe của người/ <i>human health exposure effects</i>
1.1	Dữ liệu về phơi nhiễm đối với người sử dụng (qua da, hít, giám sát sinh học) khi sử dụng trên đồng ruộng/ <i>operators exposure data (dermal exposure/ inhalation exposure, biological monitoring) – field application.</i>
1.2	Phơi nhiễm đối với người ở gần (qua da/hít), giám sát sinh học), khi sử dụng trên đồng ruộng/ <i>bystander exposure data (dermal exposure/ inhalation exposure, biological monitoring) – field application</i>
C.2	Ảnh hưởng và chuyển hóa môi trường/ <i>environmental fate &amp; effects</i>
2.1	Dữ liệu sơ cấp về môi nguy tiềm năng (khả năng lây nhiễm) tới động vật có vú (gồm cả người)/ <i>primary data on potential hazards (infectivity) to mammals (including humans)</i>
2.2	Dữ liệu sơ cấp về độc tính đối với sinh vật không là đối tượng phòng trừ (chim, ong ...)/ <i>primary data on toxicity to non-targeted organisms (bees, birds, pollinators, etc.)</i>
2.3	Dữ liệu thực nghiệm lây nhiễm đối với các loại cây trồng (ví dụ: vi sinh vật dùng để phòng trừ cỏ dại)/ <i>experimental data on infectivity to crop plant species (e.g. microbial agents used for control of weed species)</i>
D	HIỆU LỰC SINH HỌC/ <i>Bio-efficacy</i>
D.1	Sử dụng ở nước ngoài/ <i>application in foreign countries</i>
D.2	Thông tin về sinh vật gây hại và cây trồng/ <i>pest and crop information</i>
2.1	Sinh vật gây hại/ <i>pest</i>
2.2	Cây trồng/ <i>crop</i>
2.3	Liều lượng/ <i>dosage</i>
2.4	Số lần áp dụng/ <i>number of application</i>
2.5	Thời điểm áp dụng/ <i>timing of application</i>
2.6	Phương pháp sử dụng (phun, rải...)/ <i>application method</i>
E	QUY TRÌNH SẢN XUẤT, ĐÓNG GÓI, GHI NHÃN/ <i>Processing, packaging, and labelling</i>
E.1	Quy trình sản xuất thành phẩm/ <i>process of formulation</i>
E.2	Sử dụng và bảo quản/ <i>usage and storage information</i>
E.3	Nhãn/ <i>label</i>

2. Thành phần hữu hiệu là chất có nguồn gốc thực vật, động vật, vi sinh vật.

a) Chất có nguồn gốc thực vật, động vật, vi sinh vật (như abamectin, pyrethrins, spinosad, validamycin, gibberellic, azadirachtin ...): Thực hiện theo Nội dung tài liệu kỹ thuật thuốc bảo vệ thực vật hoá học quy định tại phần I của Mục này.

b) Thảo mộc (dùng trực tiếp hoặc chiết bằng nước hoặc ethanol)

Phần 1/ Part 1 THẢO MỘC/Botanical product	
A	NHẬN DIỆN THẢO MỘC/ <i>Botanical Identity</i>
A.1	Tên khoa học (giống và loài)/ <i>systematic name (genus and species of plant)</i>
A.2	Tên thông thường/ <i>common name</i>
A.3	Xuất xứ (nguồn gốc)/ <i>source or origin (locality and conditions of growth)</i>

Phần 2/ Part 2 THÀNH PHẨM /finished product	
A	ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC VÀ HÓA HỌC/ <i>Biological characteristics and chemistry</i>
A.1	Nhận diện thành phẩm/ <i>product identity</i>
1.1	Tên và địa chỉ nhà sản xuất thành phẩm/ <i>name and address of manufacturer/formulator</i>
1.2	Tên thương phẩm/ <i>trade name</i>
1.3	Loại thuốc/ <i>use category</i>
1.4	Dạng thuốc/ <i>type formulation</i>
A.2	Tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc thành phẩm/ <i>specification of product</i>
A.3	Thành phần của thuốc thành phẩm/ <i>composition of the product</i>
3.1	Hoạt chất/ <i>active ingredient(s)</i>
3.2	Các chất đánh dấu sinh học liên quan hoặc không liên quan đến hoạt tính/ <i>biomarker linked or unlinked to activity</i>
3.3	Thành phần tổng/ <i>gross constituents</i>
A.4	Quy trình sản xuất/ <i>manufacturing process</i>
A.5	Phương pháp phân tích/ thí nghiệm sinh học/ <i>method of analysis/biological assay</i>
A.6	Thời hạn sử dụng / <i>shelf life claim</i>
B	ĐÁNH GIÁ ĐỘC HỌC/ <i>Toxicological evaluation</i>
B.1	Kiểm tra nguy cơ tối thiểu/ <i>minimum risk check</i>
1.1	Nguy cơ tối thiểu của thuốc bảo vệ thực vật / <i>minimum risk pesticide</i>
1.2	Liên quan đến dược học/ <i>part of pharmacopoeia</i>
1.3	Liên quan đến thực phẩm/ <i>food grade</i>
1.4	Lịch sử sử dụng/ <i>history of safe use</i>
B.2	Thử nghiệm độc học/ <i>toxicological testing (method based on degree of characterization of active compounds)</i>
2.1	Độc học đối với hoạt chất/ <i>toxicology for active ingredient(s)</i>
2.2	Độc học đối với các chất đánh dấu sinh học có hoạt tính/ 'tox' of bio-marked active fraction (actives unknown)
2.3	Độc học đối với thành phần tổng/ <i>toxicological testing of whole extract</i>
B.3	Thử nghiệm an toàn với môi trường/ <i>environmental safety testing (ecotoxicology)</i>
C	HIỆU LỰC SINH HỌC/ <i>Bio-efficacy</i>
C.1	Sử dụng ở nước ngoài/ <i>application in foreign countries</i>
C.2	Thông tin về sinh vật gây hại và cây trồng/ <i>pest and crop information</i>
2.1	Sinh vật gây hại/ <i>pest</i>
2.2	Cây trồng/ <i>crop</i>
2.3	Liều lượng/ <i>dosage</i>
2.4	Số lần áp dụng/ <i>number of application</i>
2.5	Thời điểm áp dụng/ <i>timing of application</i>
2.6	Phương pháp sử dụng (phun, rải...)/ <i>application method</i>
D	QUY TRÌNH ĐÓNG GÓI VÀ GHI NHÃN/ <i>Packaging and labelling</i>
D.1	Quy trình đóng gói và thông tin bảo quản/ <i>packaging process and storage information</i>
D.2	Nhãn/ <i>label</i>
E	PHỐI NHIÊM Ở NGƯỜI, DỮ LIỆU ANH HƯỞNG VÀ CHUYỂN HOÁ MÔI TRƯỜNG/ <i>Human health exposure/ Environmental fate and effects data (if any results from tier 1 suggest further risk assessment)</i>

*thua*

**Phụ lục IV**  
**MẪU GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
**MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT**  
**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**PLANT PROTECTION DEPARTMENT**

**GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**PERMIT FOR PESTICIDE TRIAL**

Giấy phép số: ...../GPKNT-BVTV

Permit No :

Có giá trị từ : ..... đến.....

Valid from: to

Cấp cho

Grant for

Tổ chức, cá nhân khảo nghiệm: .....

Applicant:

Địa chỉ: .....

Address:

Loại thuốc:.....

Type of pesticide

Tên thương phẩm và dạng thuốc: .....

Pesticide's trade name and type of formulation:

Hoạt chất:.....

Active ingredient:

Hàm lượng hoạt chất: .....

Content of active ingredient:

Nhà sản xuất thuốc BVTV thành phẩm.....

Manufacturer:

**GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT  
PERMIT FOR PESTICIDE TRIAL**

**Loại thuốc bảo vệ thực vật sau đây được phép khảo nghiệm tại Việt Nam:**  
The following pesticide is hereby granted the Permit for pesticide trial in Vietnam:

**Mục đích khảo nghiệm .....**  
Trial purpose:

**Phạm vi khảo nghiệm:**  
Scope of trial:

<b>Cây trồng</b> Crop	<b>Sinh vật gây hại</b> Pest <i>(ghi rõ tên khoa học)</i>	<b>Quy mô khảo nghiệm</b> Scale of trial
		Diện rộng (large scale)
		Diện hẹp (small scale)

**Ghi chú: .....**  
Note:

Hà Nội, ngày ..... tháng.....năm .....  
Date.....

**CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
GENERAL DIRECTOR  
OF PLANT PROTECTION DEPARTMENT

*Handwritten signature*

## II. TTHC Cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật để đăng ký bổ sung

**Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cục Bảo vệ thực vật.
- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ
  - + Cục Bảo vệ thực vật thẩm định hồ sơ trong thời hạn 10 ngày làm việc
  - + Hồ sơ đề nghị cấp trên 03 cây trồng hoặc 03 đối tượng sinh vật gây hại, thời hạn thẩm định hồ sơ không quá 15 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu, Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 4: Thẩm tra hồ sơ

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường) thẩm tra hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc.

- Bước 5: Cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT): Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Bộ trưởng.

Trường hợp không cấp, Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### 2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ

- Trực tiếp
- Bưu điện
- Trực tuyến

### 3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Trường hợp bổ sung phạm vi sử dụng, liều lượng sử dụng, cách sử dụng:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật đã được cấp

b) Trường hợp thay đổi dạng thành phẩm, thay đổi hàm lượng hoạt chất:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật đã được cấp

- Tài liệu kỹ thuật thuốc bảo vệ thực vật thành phẩm (theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

*Handwritten signature*

- Tài liệu kỹ thuật thuốc bảo vệ thực vật thành phẩm (theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

**c) Trường hợp bổ sung tên thương phẩm khác:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Giấy tờ chứng minh tổ chức, cá nhân được đăng ký thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam:

+ Bản chính hoặc bản sao chứng thực văn bản xác nhận là nhà sản xuất trong đó có thuốc bảo vệ thực vật đề nghị cấp giấy phép khảo nghiệm do cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại cấp (đối với nhà sản xuất nước ngoài).

+ Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) giấy phép thành lập công ty, chi nhánh công ty hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (đối với nhà sản xuất nước ngoài đăng ký lần đầu).

+ Bản chính giấy ủy quyền của nhà sản xuất cho tổ chức, cá nhân đăng ký (trường hợp ủy quyền đứng tên đăng ký). Giấy ủy quyền của nhà sản xuất nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

+ Bản sao chụp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (đối với tổ chức, cá nhân trong nước được ủy quyền đứng tên đăng ký lần đầu).

- Tài liệu kỹ thuật thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

Số lượng hồ sơ: 01 bản giấy và 01 bản điện tử định dạng PDF.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- 19 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- 24 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp trên 03 cây trồng hoặc 03 đối tượng sinh vật gây hại.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Bảo vệ thực vật

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (Có giá trị trong thời hạn 05 năm).

**8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục I, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Tài liệu kỹ thuật thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

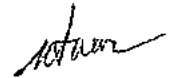
**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.





**Phụ lục I**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI**  
**GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015*  
*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**APPLICATION FOR PESTICIDE FIELD TRIAL PERMIT**

**Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật**  
**To Plant Protection Department**

TÊN, ĐỊA CHỈ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ/ *Name and address of applicant:*

.....  
ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC TẠI VIỆT NAM/ *Contact address in Vietnam:*

.....  
TEL:..... FAX:..... EMAIL: .....

**ĐỀ NGHỊ/ apply for**

**CẤP / pesticide field trial permit**

**CẤP LẠI / re-issuance of pesticide field trial permit**

Số giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật / *Permit No.:* .....

TÊN THƯƠNG PHẨM/ *Trade name:*

.....  
HOẠT CHẤT/ *Active ingredient:*

.....  
HÀM LƯỢNG HOẠT CHẤT/ *Active ingredient content:*

.....  
DẠNG THÀNH PHẨM/ *Type of formulation:*

.....  
TÊN NHÀ SẢN XUẤT THÀNH PHẨM/ *Name of manufacturer:*

.....  
ĐỊA CHỈ NƠI SẢN XUẤT/ *Address where manufactured:*

.....  
Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật/ *Certificate of pesticide manufacturer*

No.: ..... Ngày cấp/ *issuing date* .....

(Đơn vị sản xuất trong nước/ *for domestic manufacturer only*)

Tình trạng bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ/ *Status of intellectual property rights protection* (Ghi cụ thể tên giấy, tổ chức cấp, số hiệu, ngày cấp, thời hạn hiệu lực/ *write in detail: name of IP certificate, issuing organization, number, issuing date, validity period*):

.....  
MỤC ĐÍCH KHẢO NGHIỆM/ *Trial purpose:*

<b>Đề đăng ký chính thức/</b> <i>for full registration</i>	<input type="checkbox"/>	- Thuốc BVTV đã được đăng ký sử dụng nước ngoài/ <i>Pesticide registered abroad</i>	<input type="checkbox"/>	tại
---	--------------------------	---	--------------------------	-----

*Đun*

		(Ghi cụ thể tổ chức cấp, số đăng ký, ngày cấp, thời hạn hiệu lực/ write in detail granting organization, registration number, issuing date, validity period) - Thuốc BVTV sáng chế trong nước/ <input type="checkbox"/> <i>Pesticide invented in Vietnam</i> (Ghi cụ thể tổ chức cấp, số đăng ký, ngày cấp, thời hạn hiệu lực/ write in detail granting organization, registration number, issuing date, validity period)
Để đăng ký bổ sung/ for supplementary registration	<input type="checkbox"/>	- Phạm vi sử dụng/scope of application <input type="checkbox"/> - Dạng/formulation <input type="checkbox"/> - Thay đổi hàm lượng hoạt chất/content of a.i. <input type="checkbox"/> - Cách sử dụng/ method of application <input type="checkbox"/> - Liều lượng/dose <input type="checkbox"/> - Tên thương phẩm/generic registration <input type="checkbox"/>

**ĐỐI TƯỢNG KHẢO NGHIỆM/ Trial subjects**

Cây trồng/ Crop	Sinh vật gây hại/ Pest (ghi cả tên tiếng Việt và tên khoa học/ Vietnamese and systematic name)

**TRƯỜNG HỢP CẤP LẠI/ Re-issuing case:**

- Thay đổi tên thương phẩm/ change of trade name;  
 Thay đổi thông tin tổ chức, cá nhân đăng ký/ change of applicant's informations;  
 Các trường hợp khác/ other cases.

**NỘI DUNG CẤP LẠI/ Re-issuing contents:**

**TÀI LIỆU KÈM THEO/ Accompanying documents**

- 1.....  
 2.....  
 3.....

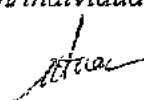
Tôi xin cam đoan lời khai trong đơn, tài liệu cũng như mẫu vật kèm theo là đúng sự thật/ I declare that all the information contained in this application and accompanying documents are true and correct.

Tại/ at ....., ngày/ on date .....

**Ký tên, đóng dấu/ Signature and seal**

*Lưu ý: Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy phép khảo nghiệm do thay đổi tổ chức, cá nhân được ủy quyền đăng ký thì trong đơn phải có xác nhận của nhà sản xuất ghi trong Giấy phép khảo nghiệm về việc thay đổi ủy quyền. Trường hợp thay đổi thông tin tổ chức, cá nhân đăng ký có văn bản chứng minh sự thay đổi.*

*Note: In case of application for reissuing a Field Trial Permit due to changes in the organization/individual authorized to register the pesticide, the application form must be accompanied with a written document certified by the manufacturer named in the present FTP for the change in authorization. In case of changes in registration organization/individual there must be written document certifying such changes.*



### Phụ lục III

## TÀI LIỆU KỸ THUẬT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

### Mục 1

## HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ TÀI LIỆU KỸ THUẬT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

### I. NHỮNG YÊU CẦU VỀ HÌNH THỨC TÀI LIỆU KỸ THUẬT

1. Tài liệu kỹ thuật đăng ký thuốc bảo vệ thực vật gồm 01 bản tóm tắt và các báo cáo, phụ lục chi tiết liên quan đến nghiên cứu kèm theo.

2. Bản tóm tắt in trên giấy khổ A4, đóng thành quyển, có trang bìa, đánh số trang từ trang mục lục ngay sau trang bìa.

Cỡ chữ phần nội dung là 12 đến 14 point, font chữ Times New Roman.

Trang bìa ghi các thông tin sau:

“BẢN TÓM TẮT TÀI LIỆU KỸ THUẬT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT -  
SUMMARIZED TECHNICAL DETAILS OF PESTICIDE ”

Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân đăng ký/ *Name and address of applicant*

Tên thương phẩm/ *Trade name:*

Dạng thành phẩm/ *Formulation type:*

Hoạt chất/ *Active ingredient (a.i):*

Nhà sản xuất thành phẩm / *Manufacturer:*

3. Tài liệu kỹ thuật đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trình bày bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

### II. NHỮNG YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG TÀI LIỆU KỸ THUẬT.

1. Nội dung tài liệu kỹ thuật thuốc bảo vệ thực vật phải phù hợp và trình bày đầy đủ các mục quy định tại Mục 2 của Phụ lục này. Trường hợp mục nào không có nghiên cứu phù hợp, ghi “không phù hợp” ví dụ: chất rắn không bay hơi nên không có áp suất hóa hơi. Mục không có thông tin, ghi “chưa có thông tin”.

2. Tóm tắt các nghiên cứu độc học, độc môi trường thể hiện đầy đủ các nội dung: Loài sinh vật, đường dùng, thời gian dùng, nêu ngắn gọn về phương pháp nghiên cứu, nhấn mạnh các kết quả quan trọng như bản chất, liều gây độc, các liều không ghi nhận tác dụng gây hại, mức độ nguy hiểm của chất nghiên cứu.

3. Phương pháp và quy trình phân tích chất lượng: nêu chi tiết phương pháp phân tích hàm lượng hoạt chất, tạp chất độc hại, bao gồm: nguyên tắc, dụng cụ, thuốc thử, các bước tiến hành, điều kiện thiết bị, tính toán kết quả.

4. Phương pháp và quy trình phân tích dư lượng phải nêu chi tiết phương pháp phân tích dư lượng bao gồm: nguyên tắc, dụng cụ, thuốc thử, các bước tiến hành, điều kiện thiết bị, tính toán kết quả, giới hạn xác định (LOQ), hiệu suất thu hồi (R).

5. Chi tiêu chất lượng: phải đạt tiêu chuẩn Việt Nam hoặc hướng dẫn của FAO nếu các tiêu chuẩn của Việt Nam chưa được xây dựng.

6. Độ tinh của thuốc thành phẩm do phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn GLP hoặc ISO 17025:2005 thực hiện, có báo cáo thử nghiệm kèm theo được tổ chức thực hiện xác nhận. Trong báo cáo phải ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ email của phòng thí nghiệm; họ tên, chức vụ người phụ trách thực hiện các thử nghiệm tại phòng thí nghiệm đó.

7. Đối với thuốc bảo vệ thực vật hóa học (đăng ký chính thức, đặt tên thương phẩm) phải nộp 02 (hai) gam (g) chất chuẩn cho mỗi hoạt chất của thuốc đăng ký cho Cục Bảo vệ thực vật khi nhận Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật. Chất chuẩn phải có giấy chứng nhận phân tích của phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương và có thời hạn sử dụng từ 02 (hai) năm trở lên.

## Mục 2

### NỘI DUNG TÀI LIỆU KỸ THUẬT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

#### I. THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT HOÁ HỌC ( Chemical pesticide)

Phần 1/ Part 1 HOẠT CHẤT, THUỐC KỸ THUẬT <i>/ active ingredient, technical grade</i>	
A	DỮ LIỆU LÝ - HOÁ/ <i>Physico - chemical data</i>
A.1.	Nhận diện hóa chất/ <i>chemical identity</i>
1.1	Số CAS/ <i>chemical abstract service number</i>
1.2	Tên thông thường/ <i>common name</i>
1.3	Tên hóa chất theo IUPAC/ <i>chemical name</i>
1.4	Công thức cấu tạo/ <i>structural formula</i>
1.5	Công thức phân tử/ <i>empirical formula</i>
1.6	Khối lượng phân tử/ <i>molecular mass</i>
1.7	Họ hóa chất/ <i>chemical family</i>
A.2	Đặc tính lý hóa của hoạt chất/ <i>physical and chemical properties of pure a.i</i>
2.1	Ngoại dạng/ <i>appearance</i>
2.2	Điểm nóng chảy, sôi, phân huỷ/ <i>melting point, boiling point, decomposition</i>
2.3	Áp suất hơi/ <i>vapor pressure</i>
2.4	Tỷ trọng (với chất lỏng)/ <i>density (for liquid only)</i>
2.5	Khả năng hoà tan trong nước và dung môi hữu cơ/ <i>solubility in water and organic solvents</i>
2.6	Hệ số phân tán giữa nước và dung môi không trộn lẫn/ <i>partition coefficient between water and non-miscible solvent (Kow)</i>
2.7	Thuỷ phân/ <i>hydrolysis</i>
2.8	Quang phân/ <i>photolysis</i>
A.3	Thuốc kỹ thuật/ <i>technical grade active ingredient</i>
3.1	Nguồn cung cấp; tên và địa chỉ nhà sản xuất; địa chỉ nơi sản xuất/ <i>source; name and address of manufacturer and address where manufactured</i>

3.2	Ngoại dạng / <i>appearance</i>
3.3	Hàm lượng tối thiểu và tối đa của hoạt chất trong thuốc kỹ thuật/ <i>the minimum and maximum a.i content</i>
3.4	Nhận diện và hàm lượng các đồng phân, tạp chất/ <i>identity and amount of isomers, impurities, ...</i>
3.5	Chỉ tiêu chất lượng của 5 mẻ/ <i>analytical test report of specifications (5 batches)</i> Lưu ý: Chỉ yêu cầu đối với trường hợp thay đổi nhà sản xuất. (quy định rõ do đơn vị nào kiểm tra, hay chỉ đơn vị thứ ba)
3.6	Quy trình sản xuất/ <i>manufacturing process</i>
3.7	Thời hạn sử dụng/ <i>shelf life</i>
3.8	Phương pháp và quy trình phân tích xác định hàm lượng hoạt chất/ <i>analytical method for a.i</i>
B	DỮ LIỆU ĐỘC HỌC/ <i>Toxicological data</i>
B.1	Độc cấp tính/ <i>acute toxicity</i>
1.1	Độc cấp tính qua miệng (LD <sub>50</sub> )/ <i>acute oral toxicity</i>
1.2	Độc cấp tính qua da (LD <sub>50</sub> )/ <i>acute dermal toxicity</i>
1.3	Độc cấp tính qua hô hấp (LC <sub>50</sub> )/ <i>acute inhalation</i>
1.4	Khả năng kích thích mắt/ <i>eye irritation</i>
1.5	Khả năng kích thích da/ <i>skin irritation</i>
1.6	Khả năng gây dị ứng/ <i>allergy/ sensitization test</i>
B.2	Độc cận mãn tính (tên gọi khác: độc bán trường, độc bán mãn tính)/ <i>subchronic toxicity</i>
B.3	Độc mãn tính/ <i>chronic toxicity</i>
B.4	Khả năng gây ung thư/ <i>carcinogenicity</i>
B.5	Khả năng gây đột biến gen/ <i>mutagenicity</i>
B.6	Độc tính với sinh sản và sự phát triển (bao gồm cả khả năng sinh quái thai)/ <i>reproductive and developmental toxicity</i>
B.7	Độc thần kinh đối với các chất nhóm lân hữu cơ/ <i>neurotoxicity (for organophosphorus)</i>
B.8	Các nghiên cứu độc tính khác, nếu có/ <i>other toxicity studies, if any</i>
B.9	Dữ liệu y khoa, triệu chứng ngộ độc, thuốc giải độc nếu có/ <i>medical data, poisoning symptom, antidote, if any</i>
B.10	Mức hấp thu hàng ngày cho phép/ <i>acceptable daily intake (ADI)</i>
C	DỮ LIỆU DƯ LƯỢNG/ <i>Residue data</i>
C.1	Chuyển hóa trong thực vật / <i>metabolism in plant (identity and quantity of metabolites and distribution, use of radio labelled material, dosage rate, identification &amp; characterization of residues)</i>
C.2	Chuyển hóa trong vật nuôi/ <i>metabolism in farm animal</i>
C.3	Mức dư lượng tối đa cho phép/ <i>maximum residue levels (MRLs)</i>
C.4	Phương pháp phân tích dư lượng trong cây trồng / <i>analytical method for residue on crops</i>
C.5	Dữ liệu nghiên cứu dư lượng từ các nước khác/ <i>residue data from local or foreign countries</i>
D	CHUYỂN HOÁ VÀ ẢNH HƯỞNG MÔI TRƯỜNG/ <i>Environmental fate and effects</i>
D.1	Chuyển hóa trong môi trường/ <i>environmental fate</i>

1.1	Trong đất/ <i>in soil</i>
1.2	Trong nước / <i>in water</i>
1.3	Trong không khí/ <i>in air</i>
<b>D.2</b>	<b>Độc tính sinh thái/ <i>ecotoxicity</i></b>
1.1	Độc tính với chim/ <i>bird</i>
1.2	Độc tính với cá và các loài thủy sinh/ <i>fish and aquatic organisms</i>
1.3	Độc tính với ong/ <i>honey bee</i>
1.4	Độc tính với các sinh vật không phải đối tượng phòng trừ/ <i>non-target organisms</i>
<b>E</b>	<b>PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT CỦA THUỐC KỸ THUẬT NHẬP KHẨU / <i>Material safety data sheet for technical grade active ingredient import (MSDS)</i></b>
<b>Phần 2/ Part 2</b>	
<b>THÀNH PHẨM / <i>finished product</i></b>	
<b>A</b>	<b>DỮ LIỆU LÝ - HOÁ/ <i>Physico - chemical data</i></b>
<b>A.1</b>	<b>Nhận diện thành phẩm/ <i>finished product identity</i></b>
1.1	Tên và địa chỉ nhà sản xuất thành phẩm/ <i>name and address of manufacturer/formulator</i>
1.2	Tên thương phẩm/ <i>trade name</i>
1.3	Loại thuốc/ <i>use category</i>
1.4	Dạng thuốc/ <i>type of formulation</i>
<b>A.2</b>	<b>Thành phần/ <i>composition</i></b>
1.1	Hàm lượng hoạt chất thuốc kỹ thuật/ <i>content of technical grade a.i</i>
1.2	Hàm lượng các chất phụ gia/ <i>content of adjuvant</i>
1.3	Dung môi, chất mang/ <i>solvent, carrier content</i>
<b>A.3</b>	<b>Đặc tính lý hoá thuốc thành phẩm/ <i>physical, chemical properties of the product</i></b>
3.1	Ngoại dạng/ <i>appearance</i>
3.2	Tỷ trọng với chất lỏng/ <i>density (for liquid only)</i>
3.3	Khả năng bắt lửa, điểm chớp/ <i>flammability, flash point</i>
3.4	Khả năng ăn mòn (nếu có)/ <i>corrosiveness, if any</i>
3.5	Độ bền bảo quản/ <i>storage stability</i>
3.6	Độ acid, kiềm hoặc pH/ <i>acidity/alkalinity/pH</i>
<b>A.4</b>	<b>Thuộc tính vật lý của thành phẩm tương ứng dạng sử dụng / <i>physical properties of product related to use (where relevant)</i></b>
4.1	Độ thấm nước với dạng bột phân tán/ <i>wettability (for dispersible powders)</i>
4.2	Độ bền của bọt đối với dạng dùng trong nước/ <i>persistent foam (for formulation applied in water)</i>
4.3	Độ lơ lửng đối với dạng bột phân tán và SC/ <i>suspensibility (for dispersible powders and SC)</i>
4.4	Thử rây ướt/ <i>wet sieve test (for DP, SC)</i>
4.5	Thử rây khô/ <i>dry sieve test (for G, D)</i>
4.6	Độ bền nhũ/ <i>emulsion stability (for EC)</i>
4.7	Khả năng hỗn hợp với thuốc bảo vệ thực vật, phân bón/ <i>compatibility with other pesticides fertilizers</i>
<b>A.5</b>	<b>Thời hạn sử dụng/ <i>shelf life</i></b>
<b>A.6</b>	<b>Phương pháp và quy trình phân tích/ <i>analytical method for A.1 in formulation</i></b>

A.7	Quy trình sản xuất thuốc thành phẩm/ <i>process of formulation</i>
B	ĐỘC TÍNH/ <i>Toxicity</i>
B.1	Độc cấp tính qua miệng (LD <sub>50</sub> )/ <i>acute oral toxicity</i>
B.2	Độc cấp tính qua da (LD <sub>50</sub> )/ <i>acute dermal toxicity</i>
B.3	Độc cấp tính qua hô hấp (LC <sub>50</sub> )/ <i>acute inhalation</i>
B.4	Khả năng kích thích mắt/ <i>eye irritation</i>
B.5	Khả năng kích thích da/ <i>skin irritation</i>
B.6	Khả năng gây dị ứng/ <i>allergy/ sensitization test</i>
C	ẢNH HƯỞNG SỨC KHOẺ CON NGƯỜI/ <i>Human Health Exposure</i>
C.1	Dữ liệu về phơi nhiễm đối với người sử dụng (qua da, hít, giám sát sinh học) khi sử dụng trên đồng ruộng/ <i>operator exposure data (dermal exposure/ inhalation exposure, biological monitoring) – field application.</i>
C.2	Phơi nhiễm đối với người ở gần (qua da/hít), giám sát sinh học), khi sử dụng trên đồng ruộng/ <i>bystander exposure data (dermal exposure/ inhalation exposure, biological monitoring) – field application</i>
D	ĐỘC TÍNH SINH THÁI/ <i>Ecotoxicity</i>
D.1	Độc tính với chim/ <i>bird</i>
D.2	Độc tính với cá và các loài thủy sinh/ <i>fish and aquatic organisms</i>
D.3	Độc tính với ong / <i>honey bee</i>
D.4	Độc tính với các sinh vật không phải đối tượng phòng trừ/ <i>non-target organisms</i>
E	HIỆU LỰC SINH HỌC/ <i>Bio-efficacy</i>
E.1	Cơ chế tác động của thuốc bảo vệ thực vật/ <i>mode of action</i>
E.2	Sử dụng ở nước ngoài/ <i>application in foreign countries</i>
E.3	Thông tin về sinh vật gây hại và cây trồng/ <i>pest and crop information</i>
3.1	Sinh vật gây hại/ <i>pest</i>
3.2	Cây trồng/ <i>crop</i>
3.3	Liều lượng/ <i>dosage</i>
3.4	Số lần áp dụng/ <i>number of application</i>
3.5	Thời điểm áp dụng/ <i>timing of application</i>
3.6	Phương pháp sử dụng (phun, rải...)/ <i>application method</i>
3.7	Thời gian cách ly/ <i>pre- harvest interval</i>
F	PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT CỦA THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT/ <i>Material safety data sheet (MSDS)</i>

*Chuan*

## II. THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT SINH HỌC ( biological pesticide)

### 2. Thành phần hữu hiệu là vi sinh vật

Phần 1/ Part 1	
VI SINH VẬT/ Microorganism	
A	DỮ LIỆU SINH HỌC/ <i>Biological data</i>
A.1	Nhận diện vi sinh vật / <i>identity of microorganism</i>
1.1	Tên thông thường/ <i>common name</i>
1.2	Tên khoa học/ <i>scientific name</i>
1.3	Tên đồng nghĩa/ <i>synonyms</i>
1.4	Vị trí phân loại/ <i>taxonomical position (class/order/family/sub-family)</i>
1.5	Chủng/kiểu huyết thanh/kiểu sinh học/ <i>strain/serotype/biotype</i>
A.2	Đặc điểm nhận diện của vi sinh vật/ <i>identification characteristics of microorganism</i>
2.1	Đặc điểm hình thái/ <i>morphological characteristics</i>
2.2	Đặc điểm nuôi cấy/ <i>cultural characteristics</i>
2.3	Đặc điểm hóa sinh/ <i>biochemical properties</i>
2.4	Nhận diện huyết thanh (nếu phù hợp)/ <i>serological identification (where appropriate)</i>
2.5	Chẩn đoán phân tử (nếu phù hợp) / <i>molecular diagnosis (where appropriate)</i>
2.6	Các phương pháp phân tích/ phép thử để nhận diện và xác định đặc điểm của vi sinh vật/ <i>analytical methods/biological assay for identification and characterization of microorganism</i>
2.7	Nhận diện plasmid hoặc vật liệu di truyền nằm ngoài nhiễm sắc thể khác có khả năng trừ dịch hại hoặc gây bệnh hoặc gây độc ... (nếu phù hợp)/ <i>identification of plasmids or other extra chromosomal genetic material responsible for pesticide activity or pathogenicity or toxicity, etc., (where appropriate)</i>
2.8	Làm rõ vi sinh vật biến đổi gen hay tự nhiên/ <i>Whether wild type or genetically altered microorganism?</i>
2.9	Vi sinh vật trong tự nhiên và mối liên hệ của nó với các loài liên quan/ <i>natural occurrence of microorganism and its relation to other related species</i>
A.3.	Đặc tính sinh học của vi sinh vật/ <i>biological properties of microorganism</i>
3.1	Đặc tính sinh học của vi sinh vật (đối tượng phòng trừ, ký chủ của vi sinh vật có ích, vòng đời, cơ chế tác động của vi sinh vật có ích, khả năng gây hại (như lây nhiễm) tới động vật có vú (bao gồm cả người), môi trường và các loài không là mục tiêu/ <i>biological properties of active agent (target pest, microbial agent host range, life cycle, and mode of action of microbial agent, potential hazards (such as infectivity) to mammals (including human beings), environment and other non-targeted species, if any</i>
3.2	Mô tả các kiểu hình thái của vi sinh vật và bất kỳ đặc điểm bất thường về hình thái, sinh hóa, tính kháng của vi sinh vật so khác với mô tả thông thường/ <i>description of morphological types of microorganism and any unusual morphological, biochemical, resistance characteristics of the organism that is different from classic description of organism</i>
3.3	Xác định hàm lượng độc tố và hiệu lực của độc tố bằng phương pháp xét nghiệm sinh học/ <i>determination of toxin content and potency of toxin by bioassay method</i>
3.4	Nếu vi sinh vật được biến đổi gen; phải trình bày phương pháp DNA finger print, xác định các điểm thêm vào hoặc xóa, xác định các khu vực kiểm soát gen, xác định các



	dấu hiệu di truyền (nếu phù hợp)/ <i>If the organism in question is genetically altered one, method of DNA finger, printing and identification of inserted or deleted transcripts, identification of gene control regions, identification of genetic markers, etc.), where appropriate</i>
A.4	Các chỉ tiêu kỹ thuật / <i>specifications</i>
A.5	Thời hạn sử dụng/ <i>shelf life</i>
A.6	Xuất xứ (nguồn gốc)/ <i>source or origin</i> Tên, địa chỉ nhà cung cấp/ <i>name and address of supplier</i>
A.7	Phương pháp nuôi cấy/ <i>manufacturing practice</i>
A.8	Tạp chất và chất lây nhiễm (vi sinh vật khác không được lớn hơn $10^4$ /g) / <i>impurities and contaminants (other microorganisms, not more than <math>10^4</math>)</i>
B	KHẢ NĂNG TRUYỀN NHIỄM VÀ GÂY BỆNH HOẶC ĐỘC TÍNH TỚI SINH VẬT KHÔNG PHẢI ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ/ <i>Infectivity and pathogenicity or toxicity to non-target organisms</i>
B.1	Độc tính hoặc khả năng truyền nhiễm và gây bệnh qua đường miệng/ <i>oral toxicity/ infectivity and pathogenicity</i>
B.2	Độc tính hoặc khả năng truyền nhiễm và gây bệnh qua da/ <i>dermal toxicity/ infectivity and pathogenicity</i>
B.3	Độc tính hoặc khả năng truyền nhiễm và gây bệnh qua đường thở/ <i>inhalation toxicity/ infectivity and pathogenicity</i>
B.4	Gây kích thích da sơ cấp/ <i>primary skin irritation</i>
B.5	Ngứa màng nhầy/ <i>mucous membrane irritation</i>
B.6	Dị ứng/ mẫn cảm/ ngăn cản miễn dịch/ <i>allergy/sensitization/immuno supression</i>
C	PHỐI NHIỄM Ở NGƯỜI, DỮ LIỆU ẢNH HƯỞNG VÀ CHUYỂN HOÁ MÔI TRƯỜNG / <i>Human health exposure/ environmental fate and effects data</i> Lưu ý: chỉ yêu cầu nếu các dữ liệu mục B cho thấy cần tiếp tục đánh giá thêm/ <i>If any results from section B suggest further risk assessment</i>
C.1	Ảnh hưởng phơi nhiễm tới sức khỏe của người/ <i>human health exposure effects</i>
1.1	Dữ liệu về phơi nhiễm đối với người sử dụng (qua da, hít, giám sát sinh học) khi sử dụng trên đồng ruộng/ <i>operators exposure data (dermal exposure/ inhalation exposure, biological monitoring) – field application.</i>
1.2	Phơi nhiễm đối với người ở gần (qua da/hít), giám sát sinh học), khi sử dụng trên đồng ruộng/ <i>bystander exposure data (dermal exposure/ inhalation exposure, biological monitoring) – field application</i>
C.2	Ảnh hưởng và chuyển hóa môi trường/ <i>environmental fate &amp; effects</i>
2.1	Dữ liệu sơ cấp về mối nguy tiềm năng (khả năng lây nhiễm) tới động vật có vú (gồm cả người)/ <i>primary data on potential hazards (infectivity) to mammals (including humans)</i>
2.2	Dữ liệu sơ cấp về độc tính đối với sinh vật không phải đối tượng phòng trừ (chim, ong ...)/ <i>primary data on toxicity to non-targeted organisms (bees, birds, pollinators, etc.)</i>
2.3	Dữ liệu thực nghiệm lây nhiễm đối với các loại cây trồng (ví dụ: vi sinh vật dùng để phòng trừ cỏ dại)/ <i>experimental data on infectivity to crop plant species (e.g. microbial agents used for control of weed species)</i>

*thuan*

<b>Phần 2/ Part 2</b>	
<b>THÀNH PHẨM /finished product</b>	
<b>A</b>	<b>ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC VÀ HÓA HỌC/ Biological characteristics and chemistry</b>
<b>A.1</b>	<b>Nhận diện thành phẩm/ product identity</b>
1.1	Tên và địa chỉ nhà sản xuất thành phẩm/ formulator's name and address
1.2	Tên thương phẩm/ trade name
1.3	Loại thuốc/ use category
1.4	Dạng thuốc/ type of formulation
<b>A.2</b>	<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật/ specifications</b>
2.1	Ngoại dạng và hình thức/ form and appearance
2.2	pH, kích thước hạt, tính huyền phù, khả năng trộn lẫn.../ pH, particle size, suspensibility, miscibility, etc.
<b>A.3</b>	<b>Thành phần của thuốc thành phẩm/ composition of the product</b>
3.1	Hoạt chất/ active ingredients
3.2	Các thành phần khác như chất bám dính, chất trải.../ other ingredients, e.g. stickers, spreaders, etc.
3.3	Tạp chất và chất lây nhiễm (vi sinh vật khác không được lớn hơn $10^4$ /g) / impurities and contaminants (other microorganisms, not more than $10^4$ /g)
<b>A.4</b>	<b>Quy trình thử nghiệm và các tiêu chí xác định/ test procedures and criteria for identification (including method(s) of analysis/biological assay)</b>
<b>A.5</b>	<b>Thời hạn sử dụng/ shelf life claim</b> Không dưới 6 tháng (kèm theo dữ liệu để khẳng định về thời hạn sử dụng)/ not less than 6 months (with data in support of shelf life claim)
<b>B</b>	<b>KHẢ NĂNG TRUYỀN NHIỄM VÀ GÂY BỆNH HOẶC ĐỘC TÍNH TỚI SINH VẬT KHÔNG PHẢI ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ/ Infectivity and pathogenicity or toxicity to non-target organisms</b> Lưu ý: chỉ yêu cầu nếu liên quan đến lây nhiễm hoặc độc tính của thành phần khác trong thuốc thành phẩm/ If reasons for concern (e.g. contaminants, toxic properties of formulating compound, etc.)
<b>B.1</b>	Độc tính hoặc khả năng truyền nhiễm và gây bệnh qua đường miệng/ oral toxicity/ infectivity and pathogenicity
<b>B.2</b>	Độc tính hoặc khả năng truyền nhiễm và gây bệnh qua da/ dermal toxicity/ infectivity and pathogenicity
<b>B.3</b>	Độc tính hoặc khả năng truyền nhiễm và gây bệnh qua đường thở/ inhalation toxicity/ infectivity and pathogenicity
<b>B.4</b>	Gây kích thích da sơ cấp/ primary skin irritation
<b>B.5</b>	Gây kích thích niêm mạc/ mucous membrane irritation
<b>B.6</b>	Dị ứng/ mẫn cảm/ ngăn cản miễn dịch/ allergy/sensitization/immuno supression
<b>C</b>	<b>PHỐI NHIỄM Ở NGƯỜI, DỮ LIỆU ẢNH HƯỞNG VÀ CHUYỂN HOÁ MÔI TRƯỜNG / Human health exposure/ environmental fate and effects data</b> Lưu ý: chỉ yêu cầu nếu các dữ liệu mục B cho thấy cần tiếp tục đánh giá thêm/ If any results from section B suggest further risk assessment
<b>C.1</b>	<b>Ảnh hưởng phơi nhiễm tới sức khỏe của người/ human health exposure effects</b>
1.1	Dữ liệu về phơi nhiễm đối với người sử dụng (qua da, hít, giám sát sinh học) khi sử

	dụng trên đồng ruộng/ <i>operators exposure data (dermal exposure/ inhalation exposure, biological monitoring) – field application.</i>
1.2	Phơi nhiễm đối với người ở gần (qua da/hít), giám sát sinh học), khi sử dụng trên đồng ruộng/ <i>bystander exposure data (dermal exposure/ inhalation exposure, biological monitoring) – field application</i>
C.2	Ảnh hưởng và chuyển hóa môi trường/ <i>environmental fate &amp; effects</i>
2.1	Dữ liệu sơ cấp về mối nguy tiềm năng (khả năng lây nhiễm) tới động vật có vú (gồm cả người)/ <i>primary data on potential hazards (infectivity) to mammals (including humans)</i>
2.2	Dữ liệu sơ cấp về độc tính đối với sinh vật không là đối tượng phòng trừ (chim, ong ...)/ <i>primary data on toxicity to non-targeted organisms (bees, birds, pollinators, etc.)</i>
2.3	Dữ liệu thực nghiệm lây nhiễm đối với các loại cây trồng (ví dụ: vi sinh vật dùng để phòng trừ cỏ dại)/ <i>experimental data on infectivity to crop plant species (e.g. microbial agents used for control of weed species)</i>
D	HIỆU LỰC SINH HỌC/ <i>Bio-efficacy</i>
D.1	Sử dụng ở nước ngoài/ <i>application in foreign countries</i>
D.2	Thông tin về sinh vật gây hại và cây trồng/ <i>pest and crop information</i>
2.1	Sinh vật gây hại/ <i>pest</i>
2.2	Cây trồng/ <i>crop</i>
2.3	Liều lượng/ <i>dosage</i>
2.4	Số lần áp dụng/ <i>number of application</i>
2.5	Thời điểm áp dụng/ <i>timing of application</i>
2.6	Phương pháp sử dụng (phun, rải...)/ <i>application method</i>
E	QUY TRÌNH SẢN XUẤT, ĐÓNG GÓI, GHI NHÃN/ <i>Processing, packaging, and labelling</i>
E.1	Quy trình sản xuất thành phẩm/ <i>process of formulation</i>
E.2	Sử dụng và bảo quản/ <i>usage and storage information</i>
E.3	Nhãn/ <i>label</i>

2. Thành phần hữu hiệu là chất có nguồn gốc thực vật, động vật, vi sinh vật.

a) Chất có nguồn gốc thực vật, động vật, vi sinh vật (như abamectin, pyrethrins, spinosad, validamycin, gibberellic, azadirachtin ...): Thực hiện theo Nội dung tài liệu kỹ thuật thuốc bảo vệ thực vật hoá học quy định tại phần I của Mục này.

b) Thảo mộc (dùng trực tiếp hoặc chiết bằng nước hoặc ethanol)

<b>Phần 1/ Part 1</b>	
<b>THẢO MỘC/ Botanical product</b>	
A	NHẬN DIỆN THẢO MỘC/ <i>Botanical Identity</i>
A.1	Tên khoa học (giống và loài)/ <i>systematic name (genus and species of plant)</i>
A.2	Tên thông thường/ <i>common name</i>
A.3	Xuất xứ (nguồn gốc)/ <i>source or origin (locality and conditions of growth)</i>
<b>Phần 2/ Part 2</b>	
<b>THÀNH PHẨM /finished product</b>	
A	ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC VÀ HÓA HỌC/ <i>Biological characteristics and chemistry</i>
A.1	Nhận diện thành phẩm/ <i>product identity</i>

1.1	Tên và địa chỉ nhà sản xuất thành phẩm/ <i>name and address of manufacturer/formulator</i>
1.2	Tên thương phẩm/ <i>trade name</i>
1.3	Loại thuốc/ <i>use category</i>
1.4	Dạng thuốc/ <i>type formulation</i>
A.2	Tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc thành phẩm/ <i>specification of product</i>
A.3	Thành phần của thuốc thành phẩm/ <i>composition of the product</i>
3.1	Hoạt chất/ <i>active ingredient(s)</i>
3.2	Các chất đánh dấu sinh học liên quan hoặc không liên quan đến hoạt tính/ <i>biomarker linked or unlinked to activity</i>
3.3	Thành phần tổng/ <i>gross constituents</i>
A.4	Quy trình sản xuất/ <i>manufacturing process</i>
A.5	Phương pháp phân tích/ thí nghiệm sinh học/ <i>method of analysis/biological assay</i>
A.6	Thời hạn sử dụng / <i>shelf life claim</i>
B	ĐÁNH GIÁ ĐỘC HỌC/ <i>Toxicological evaluation</i>
B.1	Kiểm tra nguy cơ tối thiểu/ <i>minimum risk check</i>
1.1	Nguy cơ tối thiểu của thuốc bảo vệ thực vật / <i>minimum risk pesticide</i>
1.2	Liên quan đến dược học/ <i>part of pharmacopoeia</i>
1.3	Liên quan đến thực phẩm/ <i>food grade</i>
1.4	Lịch sử sử dụng/ <i>history of safe use</i>
B.2	Thử nghiệm độc học/ <i>toxicological testing (method based on degree of characterization of active compounds)</i>
2.1	Độc học đối với hoạt chất/ <i>toxicology for active ingredient(s)</i>
2.2	Độc học đối với các chất đánh dấu sinh học có hoạt tính/ 'tox' of bio-marked active fraction (actives unknown)
2.3	Độc học đối với thành phần tổng/ <i>toxicological testing of whole extract</i>
B.3	Thử nghiệm an toàn với môi trường/ <i>environmental safety testing (ecotoxicology)</i>
C	HIỆU LỰC SINH HỌC/ <i>Bio-efficacy</i>
C.1	Sử dụng ở nước ngoài/ <i>application in foreign countries</i>
C.2	Thông tin về sinh vật gây hại và cây trồng/ <i>pest and crop information</i>
2.1	Sinh vật gây hại/ <i>pest</i>
2.2	Cây trồng/ <i>crop</i>
2.3	Liều lượng/ <i>dosage</i>
2.4	Số lần áp dụng/ <i>number of application</i>
2.5	Thời điểm áp dụng/ <i>timing of application</i>
2.6	Phương pháp sử dụng (phun, rải...)/ <i>application method</i>
D	QUY TRÌNH ĐÓNG GÓI VÀ GHI NHÃN/ <i>Packaging and labelling</i>
D.1	Quy trình đóng gói và thông tin bảo quản/ <i>packaging process and storage information</i>
D.2	Nhãn/ <i>label</i>
E	PHỐI NHIỆM Ở NGƯỜI, DỮ LIỆU ẢNH HƯỞNG VÀ CHUYÊN HOÁ MÔI TRƯỜNG/ <i>Human health exposure/ Environmental fate and effects data (If any results from tier 1 suggest further risk assessment)</i>

*Actua*

Phụ lục IV

**MẪU GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
**MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT**  
**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**PLANT PROTECTION DEPARTMENT**

**GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**PERMIT FOR PESTICIDE TRIAL**

Giấy phép số: ...../GPKNT-BVTV

Permit No:

Có giá trị từ: ..... đến: .....

Valid from: ..... to

Cấp cho

Grant for

Tổ chức, cá nhân khảo nghiệm: .....

Applicant:

Địa chỉ: .....

Address:

Loại thuốc: .....

Type of pesticide

Tên thương phẩm và dạng thuốc: .....

Pesticide's trade name and type of formulation:

Hoạt chất: .....

Active ingredient:

Hàm lượng hoạt chất: .....

Content of active ingredient:

Nhà sản xuất thuốc BVTV thành phẩm .....

Manufacturer:

*Handwritten signature*

**GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT  
PERMIT FOR PESTICIDE TRIAL**

**Loại thuốc bảo vệ thực vật sau đây được phép khảo nghiệm tại Việt Nam:**  
The following pesticide is hereby granted the Permit for pesticide trial in Vietnam:

**Mục đích khảo nghiệm** .....  
Trial purpose:

**Phạm vi khảo nghiệm:**  
Scope of trial:

Cây trồng Crop	Sinh vật gây hại Pest <i>(ghi rõ tên khoa học)</i>	Quy mô khảo nghiệm Scale of trial
		Diện rộng (large scale)
		Diện hẹp (small scale)

**Ghi chú:** .....  
Note:

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....  
Date.....

**CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT  
GENERAL DIRECTOR  
OF PLANT PROTECTION DEPARTMENT**

### **III. TTHC Cấp lại Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật**

#### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

##### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cục Bảo vệ thực vật.

- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT):

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc.

+ Hồ sơ chưa hợp lệ, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp không cấp, Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

##### **2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ**

- Trực tiếp

- Bru điện

- Trực tuyến.

##### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT;

- Bản chính Giấy phép khảo nghiệm đã được cấp (trừ trường hợp bị mất).

Số lượng hồ sơ: 01 bản giấy

##### **4. Thời hạn giải quyết:**

07 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

##### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân**

##### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Bảo vệ thực vật**

##### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (giữ nguyên thời hạn của Giấy phép đã cấp).

##### **8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục I, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

*Handwritten signature*

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.
- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.
- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

*thuan*



**Phụ lục I**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI**  
**GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**APPLICATION FOR PESTICIDE FIELD TRIAL PERMIT**

**Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật**  
*To Plant Protection Department*

TÊN, ĐỊA CHỈ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ/ *Name and address of applicant:*

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC TẠI VIỆT NAM/ *Contact address in Vietnam:*

TEL:..... FAX:..... EMAIL: .....

**ĐỀ NGHỊ/ apply for**

**CẤP / pesticide field trial permit**

**CẤP LẠI / re-issuance of pesticide field trial permit**

Số giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật / *Permit No.:* .....

TÊN THƯƠNG PHẨM/ *Trade name:*

HOẠT CHẤT/ *Active ingredient:*

HÀM LƯỢNG HOẠT CHẤT/ *Active ingredient content:*

DẠNG THÀNH PHẨM/ *Type of formulation:*

TÊN NHÀ SẢN XUẤT THÀNH PHẨM/ *Name of manufacturer:*

ĐỊA CHỈ NƠI SẢN XUẤT/ *Address where manufactured:*

Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật/ *Certificate of pesticide manufacturer*

No.: ..... Ngày cấp/ *issuing date*.....

(Đơn vị sản xuất trong nước/ *for domestic manufacturer only*)

Tình trạng bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ/ *Status of intellectual property rights protection* (Ghi cụ thể tên giấy, tổ chức cấp, số hiệu, ngày cấp, thời hạn hiệu lực/ *write in detail: name of IP certificate, issuing organization, number, issuing date, validity period*):

MỤC ĐÍCH KHẢO NGHIỆM/ *Trial purpose:*

<b>Để đăng ký chính thức/</b> <i>for full registration</i>	<input type="checkbox"/> - Thuốc BVTV đã được đăng ký sử dụng <input type="checkbox"/> tại nước ngoài/ <i>Pesticide registered abroad</i> (Ghi cụ thể tổ chức cấp, số đăng ký, ngày cấp, thời hạn hiệu lực/
---	---

	<p>write in detail granting organization, registration number, issuing date, validity period)</p> <p>- Thuộc BVTV sáng chế trong nước/ <input type="checkbox"/></p> <p><i>Pesticide invented in Vietnam</i></p> <p>(Ghi cụ thể tổ chức cấp, số đăng ký, ngày cấp, thời hạn hiệu lực/ write in detail granting organization, registration number, issuing date, validity period)</p>
<p><b>Đề đăng ký bổ sung/</b> <i>for supplementary registration</i></p>	<p><input type="checkbox"/> - Phạm vi sử dụng/scope of application <input type="checkbox"/></p> <p>- Dạng/formulation <input type="checkbox"/></p> <p>- Thay đổi hàm lượng hoạt chất/content of a.i. <input type="checkbox"/></p> <p>- Cách sử dụng/ method of application <input type="checkbox"/></p> <p>- Liều lượng/dose <input type="checkbox"/></p> <p>- Tên thương phẩm/generic registration <input type="checkbox"/></p>

**ĐỐI TƯỢNG KHẢO NGHIỆM/ Trial subjects**

<b>Cây trồng/ Crop</b>	<b>Sinh vật gây hại/ Pest</b> (ghi cả tên tiếng Việt và tên khoa học/ <i>Vietnamese and systematic name</i> )

**TRƯỜNG HỢP CẤP LẠI/ Re-issuing case:**

- Thay đổi tên thương phẩm/ change of trade name;
- Thay đổi thông tin tổ chức, cá nhân đăng ký/ change of applicant's informations;
- Các trường hợp khác/ other cases.

**NỘI DUNG CẤP LẠI/ Re-issuing contents:**

**TÀI LIỆU KÈM THEO/ Accompanying documents**

- 1.....
- 2.....
- 3.....

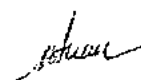
Tôi xin cam đoan lời khai trong đơn, tài liệu cũng như mẫu vật kèm theo là đúng sự thật/ I declare that all the information contained in this application and accompanying documents are true and correct.

Tại/at ....., ngày/on date .....

**Ký tên, đóng dấu/ Signature and seal**

*Lưu ý: Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy phép khảo nghiệm do thay đổi tổ chức, cá nhân được ủy quyền đăng ký thì trong đơn phải có xác nhận của nhà sản xuất ghi trong Giấy phép khảo nghiệm về việc thay đổi ủy quyền. Trường hợp thay đổi thông tin tổ chức, cá nhân đăng ký có văn bản chứng minh sự thay đổi.*

*Note: In case of application for reissuing a Field Trial Permit due to changes in the organization/individual authorized to register the pesticide, the application form must be accompanied with a written document certified by the manufacturer named in the present FTP for the change in authorization. In case of changes in registration organization/individual there must be written document certifying such changes.*



Phụ lục IV

**MẪU GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
**MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT**  
**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**PLANT PROTECTION DEPARTMENT**

**GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**PERMIT FOR PESTICIDE TRIAL**

Giấy phép số: ...../GPKNT-BVTV

Permit No:

Có giá trị từ: ..... đến .....

Valid from: ..... to

Cấp cho

Grant for

Tổ chức, cá nhân khảo nghiệm: .....

Applicant:

Địa chỉ: .....

Address:

Loại thuốc: .....

Type of pesticide

Tên thương phẩm và dạng thuốc: .....

Pesticide's trade name and type of formulation:

Hoạt chất: .....

Active ingredient:

Hàm lượng hoạt chất: .....

Content of active ingredient:

Nhà sản xuất thuốc BVTV thành phẩm .....

Manufacturer:

**GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT  
PERMIT FOR PESTICIDE TRIAL**

**Loại thuốc bảo vệ thực vật sau đây được phép khảo nghiệm tại Việt Nam:**  
The following pesticide is hereby granted the Permit for pesticide trial in Vietnam:

**Mục đích khảo nghiệm** .....  
Trial purpose:

**Phạm vi khảo nghiệm:**  
Scope of trial:

Cây trồng Crop	Sinh vật gây hại Pest <i>(ghi rõ tên khoa học)</i>	Quy mô khảo nghiệm Scale of trial
		Diện rộng (large scale)
		Diện hẹp (small scale)

**Ghi chú:** .....  
Note:

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....  
Date.....

**CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT  
GENERAL DIRECTOR  
OF PLANT PROTECTION DEPARTMENT**

#### **IV. TTHC Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật**

##### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

##### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức nộp hồ sơ đến Cục Bảo vệ thực vật.
- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:
  - + Ngay sau khi nhận hồ sơ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp;
  - + Trong 02 ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện.Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
- Bước 3: Thẩm định, đánh giá hồ sơ:
  - + Cục Bảo vệ thực vật thẩm định hồ sơ trong thời hạn 15 ngày làm việc.
  - + Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường) thẩm tra hồ sơ trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ từ Cục Bảo vệ thực vật.
- Bước 4: Ban hành Quyết định công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Bộ trưởng.

Trường hợp không đủ điều kiện, Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức bằng văn bản và nêu rõ lý do.

##### **2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ**

- Trực tiếp
- Bưu điện
- Trực tuyến.

##### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị công nhận Tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)

- Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) quyết định thành lập hoặc quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động về lĩnh vực khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;

- Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên thuộc lĩnh vực bảo vệ thực vật, trồng trọt, nông học, sinh học, hóa học và Giấy chứng nhận tập huấn khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật của người đứng đầu tổ chức thực hiện khảo nghiệm và người tham gia thực hiện;

- Bản thuyết minh bảo đảm điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật của tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm và đơn vị phối hợp thực hiện (theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

*10/10/2*

#### **4. Thời hạn giải quyết:**

- 28 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

- 30 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện.

#### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức**

#### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Bảo vệ thực vật**

#### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.

#### **8. Phí, lệ phí: Không**

#### **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản thuyết minh điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

#### **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

- Người quản lý, điều hành hoặc cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, lâm sinh, hóa học; có Giấy chứng nhận tập huấn khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật do cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp.

- Có ít nhất 05 lao động thường xuyên có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, lâm sinh, hóa học và được tập huấn về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.

- Về cơ sở vật chất - kỹ thuật

+ Có phương tiện, thiết bị quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016;

+ Đối với tổ chức khảo nghiệm xác định thời gian cách ly thuốc bảo vệ thực vật phải có phòng thử nghiệm được chỉ định phân tích dư lượng với phép thử tương ứng.

- Không trực tiếp đứng tên đăng ký hoặc được ủy quyền đứng tên đăng ký thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam.

#### **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

**Phụ lục II**  
**PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ PHỤC VỤ**  
**KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

(Kèm theo Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ)

1. Bình phun thuốc bảo vệ thực vật đang vận hành tốt:
  - Bình phun tay đeo vai (dùng cần gạt bằng tay), số lượng tối thiểu 02 chiếc;
  - Bình phun tay hoạt động nạp điện bằng bình sạc (không cần sử dụng tay đẩy, chỉ cần ấn công tắc), số lượng tối thiểu 02 chiếc;
  - Bình phun thuốc động cơ sử dụng cho cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả lâu năm, số lượng tối thiểu 02 chiếc.
2. Cân phân tích có độ chính xác ít nhất đạt  $10^{-2}$ , số lượng tối thiểu 02 chiếc.
3. Ống đong các loại dung tích 50, 100, 200, 500 ml, số lượng tối thiểu mỗi loại 02 chiếc.
4. Pipet các loại dung tích 1, 5, 10, 20 ml, số lượng tối thiểu mỗi loại 2 chiếc.
5. Vật dụng để thiết kế thí nghiệm: Thước dài, cọc, bảng, dây, kính lúp cầm tay (sử dụng cho các loài sinh vật gây hại không quan sát rõ được bằng mắt thường) phải đủ để tiến hành theo yêu cầu về quy mô khảo nghiệm.
6. Thiết bị thí nghiệm trong phòng cần thiết để xác định mật độ các loài sâu hại không đo đếm được bằng mắt thường (như nhện gié, tuyến trùng).
7. Thiết bị phục vụ cho việc xử lý số liệu, tổng hợp báo cáo kết quả khảo nghiệm: Máy vi tính, phần mềm xử lý số liệu.
8. Phương tiện bảo hộ lao động như quần áo, ủng, găng tay, khẩu trang, kính bảo hộ mắt đảm bảo an toàn về lao động đối với thuốc bảo vệ thực vật./.

*ntuan*

**Phụ lục IX**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỔ CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHẢO**  
**NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015*  
*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỔ CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN**  
**KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật

1. Tên tổ chức đề nghị công nhận:.....
2. Địa chỉ: .....
- Tel: ..... Fax:..... E-mail: .....
3. Quyết định thành lập/ (nếu có), Giấy đăng ký doanh nghiệp số...../.....
- Cơ quan cấp: .....cấp ngày .....tại.....

*Đề nghị Quý cơ quan*

**CÔNG NHẬN TỔ CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM**

4. Hồ sơ kèm theo:

.....  
.....

Chúng tôi xin cam đoan lời khai trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày..... tháng.....năm.....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

*thuan*



**Phụ lục X**  
**MẪU BẢN THUYẾT MINH**  
**ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH**  
**ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC**

1. Tên tổ chức: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....
2. Tên người đại diện: .....
3. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp phép thành lập/đăng ký doanh nghiệp.....
4. Loại hình hoạt động:.....

**II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM**

**1. Nhân lực**

Danh sách nhân viên (bao gồm cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên có liên quan trực tiếp đến khảo nghiệm):

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nam /Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Chứng nhận tập huấn	Ghi chú
1							
...							

**2. Phương tiện, thiết bị phục vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật**

a) Bình phun thuốc bảo vệ thực vật đang vận hành tốt:

- Bình phun tay đeo vai (dùng cần gạt bằng tay), số lượng tối thiểu 02 chiếc;
- Bình phun tay hoạt động nạp điện bằng bình sạc (không cần sử dụng tay đẩy, chỉ cần ấn công tắc), số lượng tối thiểu 02 chiếc;
- Bình phun thuốc động cơ sử dụng cho cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả lâu năm, số lượng tối thiểu 02 chiếc.

b) Cân phân tích có độ chính xác ít nhất đạt  $10^{-2}$ , số lượng tối thiểu 02 chiếc

c) Ống đong các loại dung tích 50, 100, 200, 500 ml, số lượng tối thiểu mỗi loại 02 chiếc.

d) Pipet các loại dung tích 1, 5, 10, 20 ml, số lượng tối thiểu mỗi loại 02 chiếc.

*thuan*

đ) Các vật dụng để thiết kế thí nghiệm: thước dài, cọc, băng, dây, kính lúp cầm tay (sử dụng cho các loài sinh vật gây hại không quan sát rõ được bằng mắt thường) phải đủ để tiến hành theo yêu cầu về quy mô khảo nghiệm.

e) Các trang thiết bị thí nghiệm trong phòng cần thiết để xác định mật độ các loài sâu hại không đo đếm được bằng mắt thường (như nhện gié, tuyến trùng) phải đầy đủ và vận hành tốt để thực hiện khảo nghiệm trên các đối tượng dịch hại này.

g) Các trang thiết bị phục vụ cho việc xử lý số liệu, tổng hợp báo cáo kết quả khảo nghiệm: máy vi tính, phần mềm xử lý số liệu.

h) Các phương tiện bảo hộ lao động như quần áo, ủng, găng tay, khẩu trang, kính bảo hộ mắt đảm bảo an toàn về lao động đối với thuốc bảo vệ thực vật.

**3. Diện tích, cơ cấu, mùa vụ các loại cây trồng phổ biến trên địa bàn do tổ chức quản lý hoặc ký hợp đồng được sử dụng**

STT	Cơ cấu các loại cây trồng chính	Diện tích (ha)	Mùa vụ	Sự xuất hiện các loài dịch hại
1	Cây lúa			
2	Cây ăn quả (vải, cam, xoài ...)			
3	Cây rau (cải bắp, dưa chuột, bầu bí ...)			
4	Cây trồng màu (đậu, lạc...)			
5	Cây công nghiệp (chè, cà phê, điều, cao su...)			
6	Cây trồng đặc thù			
	...			

**4. Phòng thí nghiệm phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật**

a) Hệ thống quản lý chất lượng được chứng nhận của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn:

.....

b) Thiết bị phân tích

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

*thua*

c) Chỉ tiêu phân tích đã được công nhận:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Ghi chú
1			
...			

(Đánh dấu \* đối với các chỉ tiêu thử nghiệm được công nhận/ chỉ định bởi các tổ chức chứng nhận/ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

d) Nhân lực

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nam /Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Những khóa đào tạo đã tham gia	Ghi chú
1							
...							

5. Các đơn vị phối hợp thực hiện khảo nghiệm:

.....  
.....

6. Những thông tin khác

.....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KHẢO NGHIỆM**

(Ký tên, đóng dấu)



## V. TTHC Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật

### Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật

#### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cục Bảo vệ thực vật.
- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

+ Cục Bảo vệ thực vật tổ chức thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa thuốc bảo vệ thực vật vào Danh mục; cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 06 tháng.

+ Hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

+ Trường hợp không cấp, Cục Bảo vệ thực vật trả lời cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### 2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ

- Trực tiếp
- Bưu điện
- Trực tuyến.

#### 3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản sao chụp Giấy phép khảo nghiệm đã được cấp.
- Mẫu nhãn thuốc.

- Bản chính kết quả khảo nghiệm hiệu lực sinh học, kết quả khảo nghiệm xác định thời gian cách ly và báo cáo tổng hợp kết quả khảo nghiệm (theo mẫu quy định tại Phụ lục VI, Phụ lục VII và Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).


Số lượng hồ sơ: 01 bản giấy và 01 bản điện tử định dạng word hoặc excel hoặc power point đối với mẫu nhãn.

4. Thời hạn giải quyết: 06 tháng kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Bảo vệ thực vật

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:



Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (Có giá trị trong thời hạn 05 năm).

**8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục I, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Báo cáo khảo nghiệm hiệu lực sinh học thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Báo cáo khảo nghiệm xác định thời gian cách ly thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Báo cáo tổng hợp kết quả khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không**

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

*stuan*

**Phụ lục II**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**APPLICATION FOR CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION**

**Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật**  
*To Plant Protection Department*

TÊN, ĐỊA CHỈ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ/ *Name and address of applicant:*

.....

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC TẠI VIỆT NAM/ *Contact address in Vietnam:*

.....

TEL:.....FAX:.....EMAIL: .....

**ĐỀ NGHỊ/ apply for**

- CẤP/ *certificate of pesticide registration*
- CẤP LẠI/ *re-issuance of certificate of pesticide registration*
- GIA HẠN/ *renewal of certificate of pesticide registration*

Số giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật/ *Certificate No.:* .....

TÊN THƯƠNG PHẨM/ *Trade name:*

.....

HOẠT CHẤT/ *Active ingredient:*

.....

HÀM LƯỢNG HOẠT CHẤT/ *Active ingredient content:*

.....

DẠNG THÀNH PHẨM/ *Type of formulation:*

.....

TÊN NHÀ SẢN XUẤT THÀNH PHẨM/ *Name of manufacturer:*

.....

ĐỊA CHỈ NƠI SẢN XUẤT/ *Address where manufactured:*

.....

HÌNH THỨC ĐĂNG KÝ/ *Type of registration*

*Handwritten signature*

<b>Đăng ký chính thức/</b> <i>full registration</i>	<input type="checkbox"/>	
<b>Đăng ký bổ sung/</b> <i>supplementary registration</i>	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm vi sử dụng/<i>scope of application</i> <input type="checkbox"/></li> <li>- Dạng/<i>formulation</i> <input type="checkbox"/></li> <li>- Thay đổi hàm lượng hoạt chất/<i>content of a.i.</i> <input type="checkbox"/></li> <li>- Cách sử dụng/<i>method of application</i> <input type="checkbox"/></li> <li>- Liều lượng/<i>dose</i> <input type="checkbox"/></li> <li>- Tên thương phẩm/<i>generic registration</i> <input type="checkbox"/></li> </ul>

**ĐỐI TƯỢNG ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG/registration subject for use:**

<b>Cây trồng/ Crop</b>	<b>Sinh vật gây hại/ Pest</b> (ghi cả tên tiếng Việt và tên khoa học/ <i>Vietnamese and systematic name</i> )

**TRƯỜNG HỢP CẤP LẠI/ Re-issuing case:**

- Thay đổi tên thương phẩm/ *change of trade name;*
- Thay đổi nhà sản xuất /*change of manufacturer;*
- Thay đổi tổ chức, cá nhân đăng ký/*change of applicant;*
- Tên tổ chức, cá nhân đăng ký thay đổi/ *change of applicant's name;*
- Các trường hợp khác/ *other cases.*

**NỘI DUNG CẤP LẠI/ Re-issuing contents:**

.....

**TÀI LIỆU KÈM THEO/ Accompanying documents**

1.....

2.....

3.....

Tôi xin cam đoan lời khai trong đơn, tài liệu cũng như mẫu vật kèm theo là đúng sự thật/ *I declare that all the information contained in this application and accompanying documents are true and correct.*

Tại/at ....., ngày/on date .....

Ký tên, đóng dấu/ *Signature and seal*

*Phan*

**Phụ lục VI**  
**MẪU BÁO CÁO KHẢO NGHIỆM HIỆU LỰC SINH HỌC**  
**THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015*  
*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM HIỆU LỰC SINH HỌC CỦA**  
**THUỐC.....ĐỐI VỚI.....**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên thương phẩm: ..... Tên hoạt chất.....
2. Đối tượng khảo nghiệm (ghi rõ tên khoa học).....
3. Cây trồng .....
4. Tên đơn vị phối hợp/ tổ chức thực hiện khảo nghiệm: .....

**II. CĂN CỨ VÀ YÊU CẦU CỦA KHẢO NGHIỆM**

1. Căn cứ để tiến hành khảo nghiệm (QCVN/TCVN/TC):.....
2. Yêu cầu của khảo nghiệm
  - Đánh giá hiệu lực sinh học của thuốc
  - Đánh giá ảnh hưởng của thuốc đối với cây trồng
  - Đánh giá ảnh hưởng của thuốc đến môi trường và sinh vật có ích (nếu có)

**III. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM**

1. Địa điểm thực hiện khảo nghiệm:.....
2. Thời gian thực hiện khảo nghiệm:.....
3. Cây trồng:
  - Giống: .....
  - Giai đoạn sinh trưởng của cây: .....
4. Các điều kiện về đất đai và chế độ canh tác:
  - Loại đất: .....
  - Phân bón: .....
  - Chế độ canh tác:.....
5. Điều kiện về thời tiết:.....
6. Tình hình phát sinh, phát triển của đối tượng khảo nghiệm trong khu thí nghiệm.....
7. Tình hình phát sinh của sinh vật gây hại khác trong khu thí nghiệm (nếu có) .....

**IV. PHƯƠNG PHÁP KHẢO NGHIỆM**

1. Các công thức khảo nghiệm:
  - Công thức khảo nghiệm.....
  - Công thức so sánh.....

*Handwritten signature*



- Công thức đối chứng.....
- 2. Quy mô và phương pháp bố trí:
  - Quy mô: .....
  - Diện tích ô khảo nghiệm.....
  - .....
  - Số lần nhắc lại (đối với khảo nghiệm diện hẹp) .....
  - Phương pháp bố trí.....
- 3. Phương pháp xử lý thuốc:
  - Lượng thuốc: .....
  - Lượng nước thuốc (Đối với thuốc phun): .....
  - Số lần xử lý: .....
  - Thời điểm xử lý: .....
  - Ngày xử lý: .....
  - Phương pháp xử lý: .....
  - Dụng cụ xử lý: .....
  - Sử dụng thuốc khác trong quá trình khảo nghiệm (nếu có) .....
- 4. Chỉ tiêu và phương pháp điều tra:
  - Chỉ tiêu điều tra: .....
  - Phương pháp điều tra (cụ thể cho từng chỉ tiêu) .....
  - Thời điểm điều tra (cụ thể cho từng chỉ tiêu) .....
- 5. Phương pháp xử lý số liệu.....
- 6. Đánh giá ảnh hưởng của thuốc đến cây trồng .....
- Phương pháp đánh giá: .....
- Chỉ tiêu đánh giá.....

**V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM**

1. Kết quả khảo nghiệm:
  - Các bảng số liệu phù hợp với các chỉ tiêu theo dõi
2. Kết quả ảnh hưởng của thuốc đối với cây trồng ở các ngày sau xử lý:
  - Bảng số liệu phù hợp với chỉ tiêu theo dõi
3. Nhận xét ảnh hưởng của thuốc đối với môi trường và sinh vật có ích (nếu có):

**VI. NHẬN XÉT KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM**

- Nhận xét về hiệu lực của thuốc khảo nghiệm ở các liều lượng đã khảo nghiệm:.....
- Nhận xét về ảnh hưởng của thuốc đến cây trồng:.....
- Nhận xét về ảnh hưởng của thuốc đến môi trường và sinh vật có ích (nếu có).

....., ngày..... tháng..... năm.....

**XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC  
THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM**

**XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ  
PHỐI HỢP KHẢO NGHIỆM**

**NGƯỜI THỰC HIỆN  
KHẢO NGHIỆM**

*Điền*

**Phụ lục VII**  
**MẪU BÁO CÁO KHẢO NGHIỆM XÁC ĐỊNH THỜI GIAN CÁCH LY**  
**THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM XÁC ĐỊNH THỜI GIAN CÁCH LY**  
**CỦA THUỐC..... ĐỐI VỚI .....**

**Tên tổ chức thực hiện khảo nghiệm:** .....

- Đơn vị thực hiện khảo nghiệm ngoài đồng ruộng: .....

- Đơn vị thực hiện kiểm định mẫu khảo nghiệm: .....

**I. CĂN CỨ VÀ MỤC ĐÍCH CỦA KHẢO NGHIỆM**

1. Khảo nghiệm tiến hành nhằm xác định thời gian cách ly của thuốc bảo vệ thực vật  
..... đối với ..... ở điều kiện Việt Nam.

2. Căn cứ để tiến hành khảo nghiệm (QCVN/TCVN/TC):.....

**II. ĐIỀU KIỆN KHẢO NGHIỆM**

1. Thuốc bảo vệ thực vật khảo nghiệm:

- Tên thương phẩm: .....

- Hoạt chất: .....

2. Đối tượng cây trồng: .....

3. Đối tượng dịch hại: .....

4. Địa điểm khảo nghiệm: .....

5. Thời gian tiến hành khảo nghiệm: .....

**III. PHƯƠNG PHÁP KHẢO NGHIỆM**

**1. Phương pháp tiến hành khảo nghiệm ngoài đồng ruộng**

1.1. Điều kiện khảo nghiệm

1.2. Phương pháp bố trí khảo nghiệm

1.3. Tiến hành xử lý thuốc

1.4. Phương pháp lấy mẫu phân tích

**2. Phương pháp phân tích mẫu khảo nghiệm trong phòng thí nghiệm**

- Phương pháp phân tích

- Hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật

*Handwritten signature*

- Giới hạn xác định:       mg/kg
- Hiệu suất thu hồi:       %

### 3. Kết quả kiểm định mẫu khảo nghiệm

Mức dư lượng tối đa cho phép (MRLs) của hoạt chất:

- ..... là: .....mg/kg theo tiêu chuẩn.....
- ..... là: .....mg/kg theo tiêu chuẩn.....

### IV. NHẬN XÉT

Kết quả khảo nghiệm cho thấy thời gian cách ly của thuốc bảo vệ thực vật.....  
..... đối với cây..... là..... ngày.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC  
THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM**

**NGƯỜI THỰC HIỆN**



**Phụ lục XI**  
**MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP**  
**KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**TÊN TỔ CHỨC**  
**KHẢO NGHIỆM**  
Số ...../BC-

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO TỔNG HỢP**  
**KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Tên thương phẩm thuốc bảo vệ thực vật: .....

Tên hoạt chất: .....

Tên cây trồng: .....

Tên sinh vật gây hại (ghi rõ cả tên khoa học): .....

Tổ chức, cá nhân có thuốc khảo nghiệm: .....

**I. CĂN CỨ KHẢO NGHIỆM**

1. QCVN, TCVN, TCCS:

.....  
.....

2. Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật số: .....

3. Hợp đồng khảo nghiệm giữa Tổ chức thực hiện khảo nghiệm với tổ chức, cá nhân có thuốc khảo nghiệm số: .....

**II. PHẠM VI KHẢO NGHIỆM**

Loại khảo nghiệm	Quy mô khảo nghiệm	Số lượng khảo nghiệm
Khảo nghiệm hiệu lực sinh học	Diện rộng	
	Diện hẹp	
Khảo nghiệm xác định thời gian cách ly	Diện rộng	

Trường hợp khảo nghiệm đặc thù, không bố trí theo quy mô thông thường thì ghi cụ thể quy mô và số lượng

### III. KHẢO NGHIỆM HIỆU LỰC SINH HỌC

TT	Quy mô KN	Diện tích (m <sup>2</sup> , cây)	Đơn vị phối hợp	Địa điểm KN	Thời gian KN	Chỉ tiêu đánh giá	Phương pháp bố trí	Liều lượng	Phương pháp xử lý	Ảnh hưởng cây trồng	Kết quả	Nhận xét
I	Diện hẹp											
1.	...											
II	Diện rộng											
1.	...											

### IV. KHẢO NGHIỆM XÁC ĐỊNH THỜI GIAN CÁCH LY

TT	Đơn vị phối hợp	Địa điểm KN	Thời gian KN	Phương pháp tiến hành khảo nghiệm ngoài đồng ruộng			Phương pháp phân tích mẫu khảo nghiệm trong phòng thí nghiệm				Kết quả MRL	Thời gian cách ly
				Điều kiện KN	Phương pháp bố trí KN	Phương pháp lấy mẫu	Phương pháp phân tích	Hoạt chất thuốc BVTV	Hiệu suất thu hồi (%)	Giới hạn xác định (mg/kg)		
1												
2												
3												
4												

#### IV. NHẬN XÉT CHUNG:

- Về hiệu lực của thuốc khảo nghiệm: .....
- Về thời gian cách ly: .....
- Các vấn đề khác có liên quan: .....

.....ngày..... tháng..... năm.....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KHẢO NGHIỆM**

*(Ký tên, đóng dấu)*



**Phụ lục V**  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
**MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT**  
**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**PLANT PROTECTION DEPARTMENT**

-----

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION**

Số đăng ký: ...../CNĐKT-BVTV

Registration No.

Có giá trị từ: ..... đến.....

Valid from: ..... to

Cấp cho

Grant for

Tổ chức, cá nhân đăng ký: .....

Applicant:

Địa chỉ: .....

Address:

Loại thuốc:.....

Type of pesticide

Tên thương phẩm và dạng thuốc: .....

Pesticide's trade name and type of formulation:

Hoạt chất:.....

Active ingredient:

Hàm lượng hoạt chất: .....

Content of active ingredient:

Loại độc cấp tính theo GHS của thuốc thành phẩm: .....

GHS acute toxicity hazard category:

*ctur*

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION**

Nhà sản xuất thuốc BVTV thành phẩm.....

Manufacturer:

Loại thuốc bảo vệ thực vật dưới đây được đăng ký ở nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

The following pesticide is hereby granted the Certificate for Registration in the Socialist Republic of Vietnam.

Phạm vi và phương pháp sử dụng:

Scope and method of application :

Cây trồng Crop	Sinh vật gây hại Pest (tên tiếng Việt và tên khoa học)	Liều lượng Dosage	PHI (ngày)	Cách dùng Method of application

Ghi chú: .....

Note:

Hà Nội, ngày ..... tháng.....năm .....

Date.....

**CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**GENERAL DIRECTOR**  
**OF PLANT PROTECTION DEPARTMENT**



## **VI. TTHC Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật**

### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cục Bảo vệ thực vật (trước 03 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật hết hạn).

- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ, Gia hạn (cấp) Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 10 ngày làm việc.

+ Hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trường hợp không Gia hạn (cấp) Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật, Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ**

- Trực tiếp
- Bưu điện
- Trực tuyến.

#### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT.

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật đã được cấp.

Số lượng hồ sơ: 01 bản giấy

#### **4. Thời hạn giải quyết:**

12 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

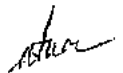
#### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân**

#### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Bảo vệ thực vật**

#### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (Có giá trị trong thời hạn 05 năm).

#### **8. Phí, lệ phí:**



Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục I, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.
- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.
- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

*asthar*

**Phụ lục II**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015*  
*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**APPLICATION FOR CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION**

**Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật**  
*To Plant Protection Department*

TÊN, ĐỊA CHỈ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ/ *Name and address of applicant:*

.....

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC TẠI VIỆT NAM/ *Contact address in Vietnam:*

.....

TEL: ..... FAX: ..... EMAIL: .....

**ĐỀ NGHỊ/ apply for**

- CẤP/ *certificate of pesticide registration*
- CẤP LẠI/ *re-issuance of certificate of pesticide registration*
- GIA HẠN/ *renewal of certificate of pesticide registration*

Số giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật/ *Certificate No.:* .....

TÊN THƯƠNG PHẨM/ *Trade name:*

.....

HOẠT CHẤT/ *Active ingredient:*

.....

HÀM LƯỢNG HOẠT CHẤT/ *Active ingredient content:*

.....

DẠNG THÀNH PHẨM/ *Type of formulation:*

.....

TÊN NHÀ SẢN XUẤT THÀNH PHẨM/ *Name of manufacturer:*

.....

ĐỊA CHỈ NƠI SẢN XUẤT/ *Address where manufactured:*

.....

HÌNH THỨC ĐĂNG KÝ/ *Type of registration*

Đăng ký chính thức/ <i>full registration</i>	<input type="checkbox"/>	
Đăng ký bổ sung/	<input type="checkbox"/>	- Phạm vi sử dụng/ <i>scope of application</i> <input type="checkbox"/> - Dạng/ <i>formulation</i> <input type="checkbox"/>

*Handwritten signature*

<i>supplementary registration</i>	- Thay đổi hàm lượng hoạt chất/ <i>content of a.i.</i>	<input type="checkbox"/>
	- Cách sử dụng/ <i>method of application</i>	<input type="checkbox"/>
	- Liều lượng/ <i>dose</i>	<input type="checkbox"/>
	- Tên thương phẩm/ <i>generic registration</i>	<input type="checkbox"/>

ĐỐI TƯỢNG ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG/*registration subject for use:*

<b>Cây trồng/ Crop</b>	<b>Sinh vật gây hại/ Pest</b> (ghi cả tên tiếng Việt và tên khoa học/ <i>Vietnamese and systematic name</i> )

TRƯỜNG HỢP CẤP LẠI/ *Re-issuing case:*

- Thay đổi tên thương phẩm/ *change of trade name;*
- Thay đổi nhà sản xuất /*change of manufacturer;*
- Thay đổi tổ chức, cá nhân đăng ký/*change of applicant;*
- Tên tổ chức, cá nhân đăng ký thay đổi/ *change of applicant's name;*
- Các trường hợp khác/ *other cases.*

NỘI DUNG CẤP LẠI/ *Re-issuing contents:*

.....

TÀI LIỆU KÈM THEO/ *Accompanying documents*

- 1.....
- 2.....
- 3.....

Tôi xin cam đoan lời khai trong đơn, tài liệu cũng như mẫu vật kèm theo là đúng sự thật/ *I declare that all the information contained in this application and accompanying documents are true and correct.*

Tại/ *at* ....., ngày/ *on date* .....

Ký tên, đóng dấu/ *Signature and seal*

*Handwritten signature*

Phụ lục V  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
**MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT**  
**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**PLANT PROTECTION DEPARTMENT**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION**

Số đăng ký: ...../CNĐKT-BVTV  
Registration No.

Có giá trị từ : ..... đến.....  
Valid from: ..... to

Cấp cho  
Grant for

Tổ chức, cá nhân đăng ký: .....  
Applicant:

Địa chỉ: .....  
Address:

Loại thuốc: .....  
Type of pesticide

Tên thương phẩm và dạng thuốc: .....  
Pesticide's trade name and type of formulation:

Hoạt chất: .....  
Active ingredient:

Hàm lượng hoạt chất: .....  
Content of active ingredient:

Loại độc cấp tính theo GHS của thuốc thành phẩm: .....  
GHS acute toxicity hazard category:

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION**

Nhà sản xuất thuốc BVTV thành phẩm.....

Manufacturer:

Loại thuốc bảo vệ thực vật dưới đây được đăng ký ở nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

The following pesticide is hereby granted the Certificate for Registration in the Socialist Republic of Vietnam.

**Phạm vi và phương pháp sử dụng:**

Scope and method of application :

Cây trồng Crop	Sinh vật gây hại Pest (tên tiếng Việt và tên khoa học)	Liều lượng Dosage	PHI (ngày)	Cách dùng Method of application

Ghi chú: .....

Note:

Hà Nội; ngày ..... tháng.....năm .....

Date.....

**CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**GENERAL DIRECTOR**  
**OF PLANT PROTECTION DEPARTMENT**

## **VII. TTHC Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trường hợp mất, sai sót, hư hỏng**

### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cục Bảo vệ thực vật.
- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 10 ngày làm việc.

+ Hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

+ Trường hợp không cấp, Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ**

- Trực tiếp
- Bưu điện
- Trực tuyến.

#### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.

Số lượng hồ sơ: 01 bản giấy

#### **4. Thời hạn giải quyết:**

12 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

#### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân**

#### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Bảo vệ thực vật**

#### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (giữ nguyên thời hạn của giấy đã cấp).

#### **8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục I, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

#### **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

#### **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không**

#### **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.
- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.
- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

*thuc*

**Phụ lục II**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015*  
*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**APPLICATION FOR CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION**

**Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật**  
*To Plant Protection Department*

TÊN, ĐỊA CHỈ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ/ *Name and address of applicant:*

.....

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC TẠI VIỆT NAM/ *Contact address in Vietnam:*

.....

TEL:..... FAX:..... EMAIL: .....

**ĐỀ NGHỊ/ apply for**

- CẤP/ *certificate of pesticide registration*
- CẤP LẠI/ *re-issuance of certificate of pesticide registration*
- GIA HẠN/ *renewal of certificate of pesticide registration*

Số giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật/ *Certificate No.:* .....

TÊN THƯƠNG PHẨM/ *Trade name:*

.....

HOẠT CHẤT/ *Active ingredient:*

.....

HÀM LƯỢNG HOẠT CHẤT/ *Active ingredient content:*

.....

DẠNG THÀNH PHẨM/ *Type of formulation:*

.....

TÊN NHÀ SẢN XUẤT THÀNH PHẨM/ *Name of manufacturer:*

.....

ĐỊA CHỈ NƠI SẢN XUẤT/ *Address where manufactured:*

.....

HÌNH THỨC ĐĂNG KÝ/ *Type of registration*

<b>Đăng ký chính thức/</b> <i>full registration</i>	<input type="checkbox"/>	
<b>Đăng ký bổ sung/</b>	<input type="checkbox"/>	- Phạm vi sử dụng/ <i>scope of application</i> <input type="checkbox"/>
		- Dạng/ <i>formulation</i> <input type="checkbox"/>

*Stu*



<i>supplementary registration</i>	- Thay đổi hàm lượng hoạt chất/ <i>content of a.i.</i>	<input type="checkbox"/>
	- Cách sử dụng/ <i>method of application</i>	<input type="checkbox"/>
	- Liều lượng/ <i>dose</i>	<input type="checkbox"/>
	- Tên thương phẩm/ <i>generic registration</i>	<input type="checkbox"/>

ĐỐI TƯỢNG ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG/*registration subject for use:*

<b>Cây trồng/ <i>Crop</i></b>	<b>Sinh vật gây hại/ <i>Pest</i></b> (ghi cả tên tiếng Việt và tên khoa học/ <i>Vietnamese and systematic name</i> )

TRƯỜNG HỢP CẤP LẠI/ *Re-issuing case:*

- Thay đổi tên thương phẩm/ *change of trade name;*
- Thay đổi nhà sản xuất /*change of manufacturer;*
- Thay đổi tổ chức, cá nhân đăng ký/*change of applicant;*
- Tên tổ chức, cá nhân đăng ký thay đổi/ *change of applicant's name;*
- Các trường hợp khác/ *other cases.*

NỘI DUNG CẤP LẠI/ *Re-issuing contents:*

TÀI LIỆU KÈM THEO/ *Accompanying documents*

- 1.....
- 2.....
- 3.....

Tôi xin cam đoan lời khai trong đơn, tài liệu cũng như mẫu vật kèm theo là đúng sự thật/ *I declare that all the information contained in this application and accompanying documents are true and correct.*

Tại/at ....., ngày/on date .....

Ký tên, đóng dấu/ *Signature and seal*



**Phụ lục V**  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
**MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT**  
**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**PLANT PROTECTION DEPARTMENT**

-----

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION**

Số đăng ký: ...../CNĐKT-BVTV  
Registration No.

Có giá trị từ : ..... đến.....  
Valid from: ..... to

Cấp cho  
Grant for

Tổ chức, cá nhân đăng ký: .....  
Applicant:

Địa chỉ: .....  
Address:

Loại thuốc: .....  
Type of pesticide

Tên thương phẩm và dạng thuốc: .....  
Pesticide's trade name and type of formulation:

Hoạt chất: .....  
Active ingredient:

Hàm lượng hoạt chất: .....  
Content of active ingredient:

Loại độc cấp tính theo GHS của thuốc thành phẩm: .....  
GHS acute toxicity hazard category:

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION**

Nhà sản xuất thuốc BVTV thành phẩm.....

Manufacturer:

Loại thuốc bảo vệ thực vật dưới đây được đăng ký ở nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

The following pesticide is hereby granted the Certificate for Registration in the Socialist Republic of Vietnam.

Phạm vi và phương pháp sử dụng:

Scope and method of application :

Cây trồng Crop	Sinh vật gây hại Pest (tên tiếng Việt và tên khoa học)	Liều lượng Dosage	PHI (ngày)	Cách dùng Method of application

Ghi chú: .....

Note:

Hà Nội, ngày ..... tháng.....năm .....

Date.....

**CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**GENERAL DIRECTOR**  
**OF PLANT PROTECTION DEPARTMENT**

## VIII. TTHC Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trường hợp đổi tên thương phẩm, thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký

**Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cục Bảo vệ thực vật.
- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục V.ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

+ Cục Bảo vệ thực vật tổ chức thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa thuốc bảo vệ thực vật vào Danh mục; cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 06 tháng.

+ Hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp không cấp, Cục Bảo vệ thực vật trả lời cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### 2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ

- Trực tiếp
- Buu điện
- Trực tuyến.

### 3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi tên thương phẩm, thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật đã được cấp.

- Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về sở hữu trí tuệ hoặc của tòa án về việc vi phạm nhãn hiệu hàng hóa (trường hợp đổi tên thương phẩm).

- Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới (trường hợp tên tổ chức, cá nhân đăng ký thay đổi).

- Trường hợp chuyển nhượng tên thương phẩm: Bản chính hoặc bản sao chứng thực hợp đồng hoặc thỏa thuận chuyển nhượng thuốc bảo vệ thực vật; Bản chính giấy ủy quyền đăng ký của nhà sản xuất cho tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng (trường hợp ủy quyền đứng tên đăng ký).

Số lượng hồ sơ: 01 bản giấy

**4. Thời hạn giải quyết:** 06 tháng kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Bảo vệ thực vật

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (giữ nguyên thời hạn của giấy đã cấp).

**8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục I, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.



**Phụ lục II**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**APPLICATION FOR CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION**

**Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật**  
*To Plant Protection Department*

TÊN, ĐỊA CHỈ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ/ *Name and address of applicant:*

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC TẠI VIỆT NAM/ *Contact address in Vietnam:*

TEL:..... FAX:..... EMAIL: .....

**ĐỀ NGHỊ/ apply for**

- CẤP/ *certificate of pesticide registration*
- CẤP LẠI/ *re-issuance of certificate of pesticide registration*
- GIA HẠN/ *renewal of certificate of pesticide registration*

Số giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật/ *Certificate No.:* .....

TÊN THƯƠNG PHẨM/ *Trade name:*

HOẠT CHẤT/ *Active ingredient:*

HÀM LƯỢNG HOẠT CHẤT/ *Active ingredient content:*

DẠNG THÀNH PHẨM/ *Type of formulation:*

TÊN NHÀ SẢN XUẤT THÀNH PHẨM/ *Name of manufacturer:*

ĐỊA CHỈ NƠI SẢN XUẤT/ *Address where manufactured:*

HÌNH THỨC ĐĂNG KÝ/ *Type of registration*

Đăng ký chính thức/ <i>full registration</i>	<input type="checkbox"/>	
Đăng ký bổ sung/	<input type="checkbox"/>	- Phạm vi sử dụng/scope of application <input type="checkbox"/> - Dạng/formulation <input type="checkbox"/>

<i>supplementary registration</i>	- Thay đổi hàm lượng hoạt chất/ <i>content of a.i.</i>	<input type="checkbox"/>
	- Cách sử dụng/ <i>method of application</i>	<input type="checkbox"/>
	- Liều lượng/ <i>dose</i>	<input type="checkbox"/>
	- Tên thương phẩm/ <i>generic registration</i>	<input type="checkbox"/>

ĐỐI TƯỢNG ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG/*registration subject for use:*

<b>Cây trồng/ Crop</b>	<b>Sinh vật gây hại/ Pest</b> (ghi cả tên tiếng Việt và tên khoa học/ <i>Vietnamese and systematic name</i> )

TRƯỜNG HỢP CẤP LẠI/ *Re-issuing case:*

- Thay đổi tên thương phẩm/ *change of trade name;*
- Thay đổi nhà sản xuất /*change of manufacturer;*
- Thay đổi tổ chức, cá nhân đăng ký/*change of applicant;*
- Tên tổ chức, cá nhân đăng ký thay đổi/ *change of applicant's name;*
- Các trường hợp khác/ *other cases.*

NỘI DUNG CẤP LẠI/ *Re-issuing contents:*

.....

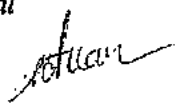
TÀI LIỆU KÈM THEO/ *Accompanying documents*

- 1.....
- 2.....
- 3.....

Tôi xin cam đoan lời khai trong đơn, tài liệu cũng như mẫu vật kèm theo là đúng sự thật/ *I declare that all the information contained in this application and accompanying documents are true and correct.*

Tại/at ....., ngày/on date .....

Ký tên, đóng dấu/ *Signature and seal*



**Phụ lục V**  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015*  
*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
**MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT**  
**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**PLANT PROTECTION DEPARTMENT**

---

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION**

Số đăng ký: ...../CNĐKT-BVTV

Registration No.

Có giá trị từ : ..... đến.....

Valid from: ..... to

Cấp cho

Grant for

Tổ chức, cá nhân đăng ký: .....

Applicant:

Địa chỉ: .....

Address:

Loại thuốc:.....

Type of pesticide

Tên thương phẩm và dạng thuốc: .....

Pesticide's trade name and type of formulation:

Hoạt chất:.....

Active ingredient:

Hàm lượng hoạt chất: .....

Content of active ingredient:

Loại độc cấp tính theo GHS của thuốc thành phẩm: .....

GHS acute toxicity hazard category:



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION**

Nhà sản xuất thuốc BVTV thành phẩm.....

Manufacturer:

Loại thuốc bảo vệ thực vật dưới đây được đăng ký ở nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

The following pesticide is hereby granted the Certificate for Registration in the Socialist Republic of Vietnam.

Phạm vi và phương pháp sử dụng:

Scope and method of application :

Cây trồng Crop	Sinh vật gây hại Pest (tên tiếng Việt và tên khoa học)	Liều lượng Dosage	PHI (ngày)	Cách dùng Method of application

Ghi chú: .....

Note:

Hà Nội, ngày ..... tháng.....năm .....

Date.....

**CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**GENERAL DIRECTOR**  
**OF PLANT PROTECTION DEPARTMENT**

## **IX. TTHC Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trường hợp thay đổi nhà sản xuất**

### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp đến Cục Bảo vệ thực vật.
- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 10 ngày làm việc.

+ Trường hợp chưa đáp ứng được quy định, Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp không cấp, Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ**

- Trực tiếp
- Bưu điện
- Trực tuyến.

#### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản chính hoặc bản sao chứng thực giấy tờ thỏa thuận chấm dứt ủy quyền giữa nhà sản xuất được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật và tổ chức, cá nhân được ủy quyền đăng ký.

- Bản chính hoặc bản sao chứng thực văn bản xác nhận là nhà sản xuất thuốc bảo vệ thực vật của nhà sản xuất mới do cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước sở tại cấp (đối với nhà sản xuất nước ngoài).

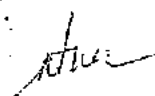
- Bản chính giấy ủy quyền đăng ký của nhà sản xuất mới cho tổ chức, cá nhân đăng ký (trường hợp ủy quyền đứng tên đăng ký). Giấy ủy quyền của nhà sản xuất nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Tài liệu kỹ thuật thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật đã cấp.

Số lượng hồ sơ: 01 bản giấy và 01 bản điện tử định dạng PDF.

#### **4. Thời hạn giải quyết:**



12 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Bảo vệ thực vật

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (giữ nguyên thời hạn của giấy đã cấp).

**8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục I, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.



**Phụ lục II**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**APPLICATION FOR CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION**

**Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật**  
*To Plant Protection Department*

TÊN, ĐỊA CHỈ TÒ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ/ *Name and address of applicant:*

.....  
ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC TẠI VIỆT NAM/ *Contact address in Vietnam:*

.....  
TEL:..... FAX:..... EMAIL: .....

**ĐỀ NGHỊ/ apply for**

- CẤP/ *certificate of pesticide registration*  
 CẤP LẠI/ *re-issuance of certificate of pesticide registration*  
 GIA HẠN/ *renewal of certificate of pesticide registration*

Số giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật/ *Certificate No.:* .....

TÊN THƯƠNG PHẨM/ *Trade name:*

.....  
HOẠT CHẤT/ *Active ingredient:*

.....  
HÀM LƯỢNG HOẠT CHẤT/ *Active ingredient content:*

.....  
DẠNG THÀNH PHẨM/ *Type of formulation:*

.....  
TÊN NHÀ SẢN XUẤT THÀNH PHẨM/ *Name of manufacturer:*

.....  
ĐỊA CHỈ NƠI SẢN XUẤT/ *Address where manufactured:*

.....  
HÌNH THỨC ĐĂNG KÝ/ *Type of registration*

Đăng ký chính thức/ <i>full registration</i>	<input type="checkbox"/>	
Đăng ký bổ sung/	<input type="checkbox"/>	- Phạm vi sử dụng/ <i>scope of application</i> <input type="checkbox"/> - Dạng/ <i>formulation</i> <input type="checkbox"/>

<i>supplementary registration</i>	<input type="checkbox"/> Thay đổi hàm lượng hoạt chất/ <i>content of a.i.</i>
	<input type="checkbox"/> Cách sử dụng/ <i>method of application</i>
	<input type="checkbox"/> Liều lượng/ <i>dose</i>
	<input type="checkbox"/> Tên thương phẩm/ <i>generic registration</i>

ĐỐI TƯỢNG ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG/*registration subject for use:*

Cây trồng/ <i>Crop</i>	Sinh vật gây hại/ <i>Pest</i> (ghi cả tên tiếng Việt và tên khoa học/ <i>Vietnamese and systematic name</i> )

TRƯỜNG HỢP CẤP LẠI/*Re-issuing case:*

- Thay đổi tên thương phẩm/*change of trade name;*
- Thay đổi nhà sản xuất/*change of manufacturer;*
- Thay đổi tổ chức, cá nhân đăng ký/*change of applicant;*
- Tên tổ chức, cá nhân đăng ký thay đổi/*change of applicant's name;*
- Các trường hợp khác/*other cases.*

NỘI DUNG CẤP LẠI/*Re-issuing contents:*

.....

TÀI LIỆU KÈM THEO/*Accompanying documents*

1.....

2.....

3.....

Tôi xin cam đoan lời khai trong đơn, tài liệu cũng như mẫu vật kèm theo là đúng sự thật/  
*I declare that all the information contained in this application and accompanying documents are true and correct.*

Tại/at ....., ngày/on date .....

Ký tên, đóng dấu/*Signature and seal*

*thua*

**Phụ lục V**  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
**MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT**  
**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**PLANT PROTECTION DEPARTMENT**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION**

Số đăng ký: ...../CNĐKT-BVTV  
Registration No.

Có giá trị từ : ..... đến.....  
Valid from: ..... to

Cấp cho  
Grant for

Tổ chức, cá nhân đăng ký: .....  
Applicant:

Địa chỉ: .....  
Address:

Loại thuốc: .....  
Type of pesticide

Tên thương phẩm và dạng thuốc: .....  
Pesticide's trade name and type of formulation:

Hoạt chất: .....  
Active ingredient:

Hàm lượng hoạt chất: .....  
Content of active ingredient:

Loại độc cấp tính theo GHS của thuốc thành phẩm: .....  
GHS acute toxicity hazard category:

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION**

Nhà sản xuất thuốc BVTV thành phẩm.....

Manufacturer:

Loại thuốc bảo vệ thực vật dưới đây được đăng ký ở nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

The following pesticide is hereby granted the Certificate for Registration in the Socialist Republic of Vietnam.

Phạm vi và phương pháp sử dụng:

Scope and method of application :

Cây trồng Crop	Sinh vật gây hại Pest (tên tiếng Việt và tên khoa học)	Liều lượng Dosage	PHI (ngày)	Cách dùng Method of application

Ghi chú: .....

Note:

Hà Nội, ngày ..... tháng.....năm .....

Date.....

**CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**GENERAL DIRECTOR**

**OF PLANT PROTECTION DEPARTMENT**

## **X. TTHC Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật**

### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân (cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật) nộp hồ sơ đến Cục Bảo vệ thực vật.

- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.

+ Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ và thành lập Đoàn đánh giá thực tế tại cơ sở trong thời hạn 05 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Bước 4: Đánh giá thực tế tại cơ sở

Đoàn đánh giá thông báo bằng văn bản cho cơ sở trước thời điểm đánh giá 07 ngày làm việc, thời gian đánh giá tại cơ sở không quá 01 ngày làm việc.

- Bước 5: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 15 ngày làm việc.

+ Trường hợp kết quả đánh giá chưa đạt yêu cầu, Cục Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt yêu cầu và thời hạn khắc phục. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại, Cục Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật cho cơ sở.

+ Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật Cục Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ**

- Trực tiếp

- Bưu điện

- Trực tuyến.

#### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản thuyết minh điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).



- Kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận hoặc các tài liệu liên quan đến việc công nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 17025:2005 hoặc tương đương.

- Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) giấy chứng nhận hoặc các tài liệu liên quan đến việc công nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 9001:2008 hoặc tương đương.

Số lượng hồ sơ: 01 bản giấy và 01 bản điện tử định dạng PDF.

#### **4. Thời hạn giải quyết:**

- 30 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- 35 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt yêu cầu hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và thời hạn khắc phục.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Bảo vệ thực vật

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (Có giá trị trong thời hạn 05 năm).

#### **8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục I, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

#### **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản thuyết minh điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

#### **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

##### **a) Về nhân lực**

- Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất (giám đốc hoặc phó giám đốc phụ trách sản xuất của nhà máy hoặc quản đốc phân xưởng sản xuất) có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học, lâm sinh.

- Người lao động trực tiếp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật được bồi dưỡng kiến thức về an toàn hóa chất hoặc thuốc bảo vệ thực vật và có Giấy chứng nhận do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành hóa chất hoặc bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp.

b) Về nhà xưởng, kho bảo quản thuốc bảo vệ thực vật

- Cơ sở sản xuất thuốc có địa điểm, nhà xưởng, kho thuốc, bảo đảm về diện tích, khoảng cách an toàn cho người, vật nuôi và môi trường theo đúng quy định, phù hợp với quy mô sản xuất.

- Nhà xưởng, kho bảo quản thuốc bảo vệ thực vật được bố trí trong khu công nghiệp đáp ứng quy định của khu công nghiệp. Nhà xưởng, kho bảo quản thuốc bảo vệ thực vật ngoài khu công nghiệp khi xây dựng phải cách trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu 500 m.

- Đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

c) Về thiết bị

- Thiết bị sản xuất

+ Máy móc, thiết bị và quy trình công nghệ phù hợp với loại thuốc bảo vệ thực vật được sản xuất

+ Có thiết bị, dây chuyền sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật, sản xuất thành phẩm thuốc từ thuốc kỹ thuật và đóng gói thuốc bảo vệ thực vật;

+ Có thiết bị đạt yêu cầu về an toàn theo quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

- Về phương tiện vận chuyển và bốc dỡ đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành đối với hàng nguy hiểm; phương tiện vận chuyển có hình đồ cảnh báo, báo hiệu nguy hiểm.

- Về hệ thống xử lý chất thải

+ Hệ thống xử lý khí thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 19:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 20:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;

+ Hệ thống xử lý nước thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2009/BTNMT về ngưỡng chất thải nguy hại và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp;

+ Hệ thống xử lý chất thải rắn đáp ứng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

d) Về hệ thống quản lý chất lượng

- Cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải có hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 hoặc tương đương.

- Có phòng thử nghiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm áp dụng theo ISO 17025:2005 hoặc tương đương.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

*10/1/2012*

**Phụ lục XIV**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**  
**SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**  
**SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật hoặc

Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Đơn vị chủ quản:.....

Địa chỉ: .....

Tel: ..... Fax:..... E-mail: .....

2. Tên cơ sở: .....

Địa chỉ: .....

Tel: ..... Fax:..... E-mail: .....

Địa điểm sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

**Đề nghị Quý cơ quan**

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

- Sản xuất hoạt chất

- Sản xuất thuốc kỹ thuật

- Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật

- Đóng gói

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

- Cơ sở có cửa hàng

- Cơ sở không có cửa hàng

Cấp mới  Cấp lại lần thứ .....

Hồ sơ gửi kèm:.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày..... tháng.....năm.....

**Đại diện cơ sở**

(Ký và ghi rõ họ tên)

*thuan*

Phụ lục XV  
**MẪU BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN THUYẾT MINH**  
**ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật

**I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

1. Đơn vị chủ quản: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

2. Tên cơ sở: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

3. Tên người đại diện (người trực tiếp quản lý sản xuất): .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Mobile: ..... Fax: ..... E-mail: .....

4. Trạm cấp cứu gần nhất: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

5. Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km): .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

6. Đồn cảnh sát gần nhất: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

7. Tên khu dân cư gần nhất: .....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

8. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư về hoạt động sản xuất thuốc bảo vệ thực vật: .....

9. Loại hình hoạt động

- |                                |                          |                          |                          |
|--------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| - DN nhà nước                  | <input type="checkbox"/> | - DN 100% vốn nước ngoài | <input type="checkbox"/> |
| - DN liên doanh với nước ngoài | <input type="checkbox"/> | - DN cổ phần             | <input type="checkbox"/> |

*thuc*

- DN tư nhân

- Khác: (ghi rõ loại hình)

### 10. Loại hình sản xuất

- Sản xuất hoạt chất
- Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật
- Sản xuất thuốc kỹ thuật
- Đóng gói

11. Công suất thiết kế: .....

## II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT

### 1. Nhà xưởng, trang thiết bị:

- Sơ đồ tổng thể mặt bằng sản xuất (bản vẽ kèm theo)
- Sơ đồ bố trí các thiết bị sản xuất chính (bản vẽ kèm theo)
- Sơ đồ bố trí kho thuốc (bản vẽ kèm theo)
- Diện tích khu vực sản xuất (m<sup>2</sup>): .....
- + Khu vực sản xuất: chiều dài (m): ..... chiều rộng (m): .....
- + Khu vực kho: chiều dài (m): ..... chiều rộng (m): ..... chiều cao: .....
- + Khu vực kiểm tra chất lượng: chiều dài (m): ..... chiều rộng (m): .....
- \* trường hợp có nhiều khu vực sản xuất, kho thì liệt kê.

### 2. Quy trình sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

STT	Dạng thành phẩm	Tên thương phẩm (nếu có)	Hoạt chất (ghi rõ thành phần, hàm lượng)	Mã số quy trình	Ghi chú
<b>I. Sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật</b>					
1					Quy trình kèm theo
2					
...	...				
<b>II. Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật</b>					
1					Quy trình kèm theo
2					
...	...				
<b>III. Đóng gói</b>					
1	EC				
2	SC				
...	...				

Quy trình sản xuất được xây dựng cho mỗi sản phẩm, mỗi cỡ lọ sản xuất và được phê duyệt bởi người có thẩm quyền của cơ sở. Quy trình cần có các thông tin: tên sản phẩm, mã số của quy trình, mục đích, định mức sản xuất (danh mục nguyên liệu và phụ gia, định lượng của từng loại, lượng thành phẩm dự kiến và giới hạn cho phép, hao hụt), địa điểm, thiết bị sử dụng chủ yếu, các bước tiến hành (ví dụ: kiểm tra nguyên liệu, trình tự thêm các nguyên vật liệu, thời gian, tốc độ nhiệt độ trộn...), kiểm tra chất lượng và các giới hạn tương ứng, ghi chép nhật ký, nhập kho, bảo quản, bao bì, nhãn mác, vệ sinh, các điểm phải lưu ý.

### 3. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung

### 4. Dây chuyền, thiết bị sản xuất chính

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

### 5. Hệ thống phụ trợ

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

### 6. Nhân lực

- Sơ đồ tổ chức bộ máy liên quan trực tiếp đến sản xuất: (bản vẽ kèm theo)

- Danh sách nhân sự (bao gồm cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên có liên quan trực tiếp đến sản xuất, bảo quản và vận chuyển, hóa chất nguy hiểm):

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/ Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Những khóa đào tạo đã tham gia	Điều kiện sức khỏe	Ghi chú
1								
...								

Trong đó:

- Người trực tiếp quản lý, điều hành cơ sở sản xuất phải có trình độ đại học chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học;

- Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải có Giấy chứng nhận sức khỏe của theo quy định của Bộ Y tế;

- Người trực tiếp sản xuất phải có Giấy chứng nhận tập huấn an toàn hoá chất bảo vệ thực vật của theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này.

### 7. Nguồn nước

- Nước công cộng

- Nước giếng khoan

### 8. Hệ thống xử lý chất thải

- Nước thải:  Có  Không

- Khí thải:  Có  Không

- Chất thải rắn: (bao gồm cả cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý) .....

9. Trang thiết bị bảo hộ lao động

10. Trang thiết bị phòng chống cháy nổ

11. Phòng thử nghiệm

- Có (tiếp tục khai báo mục 11.1)
- Không (tiếp tục khai báo mục 11.2)

11.1. Nếu có, khai tiếp các thông tin sau:

a) Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 17025-2005 hoặc tương đương:

- Được chứng nhận bởi Tổ chức chứng nhận .....
- Cơ sở tự áp dụng

b) Thiết bị thử nghiệm

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

c) Chỉ tiêu thử nghiệm:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Ghi chú
<b>III. Hàm lượng hoạt chất</b>			
1			
...			
<b>IV. Tạp chất</b>			
1			
...			
<b>V. Tính chất hóa lý</b>			
1			
...			

(Đánh dấu \* đối với các chỉ tiêu thử nghiệm được công nhận/ chỉ định bởi các tổ chức chứng nhận/ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

d) Nhân lực

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nam /Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Những khóa đào tạo đã tham gia	Ghi chú
1							
...							

11.2. Nếu không có, khai báo tên những đơn vị phân tích cơ sở có hợp đồng kiểm tra chất lượng thành phẩm

*atua*



**12. Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 9001:2008 hoặc tương đương**

Được chứng nhận bởi Tổ chức chứng nhận .....

Cơ sở tự áp dụng.

**13. Hệ thống quản lý môi trường phù hợp ISO 14001:2010 hoặc tương đương**

Được chứng nhận bởi Tổ chức chứng nhận .....

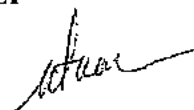
Cơ sở tự áp dụng.

**14. Những thông tin khác**

.....

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**

(Ký tên, đóng dấu)



**Phụ lục XXI**  
**MẪU KẾ HOẠCH HOẶC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA,**  
**ỨNG PHÓ SỰ CỐ HÓA CHẤT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN  
TÊN ĐƠN VỊ

**KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ HÓA CHẤT**  
**CỦA .....**

**I. Mở đầu**

1. Giới thiệu về dự án hoặc cơ sở hóa chất.
2. Tính cần thiết phải lập Kế hoạch.
3. Các căn cứ pháp lý lập Kế hoạch.

**II. Phần thứ nhất**

**THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN, CƠ SỞ HÓA CHẤT**

1. Thông tin về quy mô đầu tư, sản xuất kinh doanh: Công suất, diện tích xây dựng, địa điểm xây dựng công trình.

2. Các hạng mục công trình bao gồm công trình chính, công trình phụ và các công trình khác, danh mục thiết bị sản xuất chính.

3. Công nghệ sản xuất.

4. Bản kê khai tên hoá chất, khối lượng, đặc tính lý hoá học, độc tính của mỗi loại hoá chất nguy hiểm là nguyên liệu, hoá chất trung gian và hoá chất thành phẩm. Trường hợp các loại hoá chất trong dự án, cơ sở hóa chất đã có phiếu an toàn hoá chất hoặc đã được chứng nhận hoàn thành khai báo theo quy định, tổ chức, cá nhân có dự án, cơ sở hóa chất có thể sử dụng phiếu an toàn hoá chất hoặc chứng nhận hoàn thành khai báo thay cho bản kê khai đặc tính hoá chất.

5. Bản mô tả các yêu cầu kỹ thuật về bao gói, bảo quản và vận chuyển của mỗi loại hoá chất nguy hiểm, bao gồm:

- Các loại bao bì, bồn, thùng chứa hoá chất nguy hiểm dự kiến sử dụng trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển, vật liệu chế tạo và lượng chứa lớn nhất của từng loại;

- Yêu cầu về tiêu chuẩn thiết kế, chế tạo, điều kiện về cơ sở thiết kế chế tạo. Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài phải ghi rõ tên tiêu chuẩn và tên tổ chức ban hành;

- Các điều kiện bảo quản về nhiệt độ, áp suất; yêu cầu phòng chống ÷ya ÷p, chống sét, chống tĩnh điện;

- Các phương tiện, hệ thống vận chuyển nội bộ dự kiến sử dụng trong dự án, cơ sở hóa chất.

6. Mô tả điều kiện địa lý, địa hình, đặc điểm khí tượng thủy văn khu vực thực hiện dự án, cơ sở hóa chất.

7. Bản danh sách các công trình công nghiệp, quân sự, khu dân cư, hành chính, thương mại, các công trình tôn giáo, các khu vực nhạy cảm về môi trường trong phạm vi 1000 m bao quanh vị trí dự án, cơ sở hóa chất.

### III. Phần thứ hai

#### DỰ BÁO NGUY CƠ XẢY RA SỰ CỐ VÀ KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT CÁC NGUỒN NGUY CƠ SỰ CỐ HÓA CHẤT

1. Lập bản danh sách các điểm nguy cơ bao gồm các vị trí đặt các thiết bị sản xuất hoá chất nguy hiểm chủ yếu, các thiết bị hoặc khu vực tập trung lưu trữ hoá chất nguy hiểm kèm theo điều kiện công nghệ sản xuất, bảo quản; số người lao động dự kiến có mặt trong khu vực. Liệt kê các sự cố rò rỉ, tràn đổ hoặc cháy nổ hóa chất nguy hiểm có thể xảy ra tại từng điểm nguy cơ, phân tích nguyên nhân, điều kiện xảy ra sự cố.

2. Xây dựng các giải pháp phòng ngừa sự cố và lập kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ xảy ra sự cố: Kế hoạch kiểm tra thường xuyên, đột xuất; quy định thành phần kiểm tra, trách nhiệm của người kiểm tra, nội dung kiểm tra, giám sát; quy định lưu giữ hồ sơ kiểm tra.

### IV. Phần thứ ba

#### DỰ BÁO TÌNH HUỐNG XẢY RA SỰ CỐ HÓA CHẤT VÀ PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ

1. Dự kiến diễn biến tình huống sự cố, ước lượng về hậu quả tiếp theo, phạm vi tác động, mức độ tác động đến người và môi trường xung quanh khi sự cố không được kiểm soát, ngăn chặn. Việc xác định hậu quả phải dựa trên mức độ hoạt động lớn nhất của thiết bị hoặc khu vực lưu trữ hoá chất nguy hiểm.

2. Phương án ứng phó đối với các sự cố đã dự báo. Kế hoạch phối hợp các lực lượng bên trong và bên ngoài ứng phó sự cố. Kế hoạch sơ tán người, tài sản.

### V. Phần thứ tư

#### NĂNG LỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ HÓA CHẤT

1. Bàn nhân lực ứng phó sự cố hóa chất: Dự kiến về hệ thống tổ chức, điều hành và trực tiếp cứu hộ, xử lý sự cố.

2. Bàn liệt kê trang thiết bị, phương tiện sử dụng ứng phó sự cố hoá chất: Tên thiết bị, số lượng, tình trạng thiết bị; hệ thống bảo vệ, hệ thống dự phòng nhằm cứu hộ, ngăn chặn sự cố.

3. Hệ thống báo nguy, hệ thống thông tin nội bộ và thông báo ra bên ngoài trong trường hợp sự cố khẩn cấp.

4. Kế hoạch huấn luyện và diễn tập theo định kỳ.

### VI. Phần thứ năm

#### PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ SỰ CỐ HÓA CHẤT

Phương án khắc phục hậu quả sự cố hoá chất được lập theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Nội dung của phương án khắc phục hậu quả sự cố hoá chất bao gồm các vấn đề sau:

1. Biện pháp ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của nhân dân trong vùng.

2. Biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

3. Bản hướng dẫn chi tiết các biện pháp kỹ thuật thu gom và làm sạch khu vực bị ô nhiễm do sự cố hóa chất.

## VII. Phần thứ sáu

### KẾT LUẬN

1. Đánh giá của chủ đầu tư dự án, cơ sở hóa chất về Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

2. Cam kết của chủ đầu tư dự án, cơ sở hóa chất.

3. Những kiến nghị của chủ đầu tư dự án, cơ sở hóa chất.

*(Kiến nghị về những nội dung nằm ngoài thẩm quyền của chủ đầu tư dự án, cơ sở hóa chất để đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành dự án, cơ sở hóa chất).*

### Phụ lục

#### CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Bản đồ vị trí khu đất đặt dự án, cơ sở hóa chất.

2. Bản đồ mô tả các vị trí lưu trữ, bảo quản hoá chất dự kiến trong mặt bằng dự án, cơ sở sản xuất và trạng thái bảo quản (ngâm, nửa ngâm, trên mặt đất).

3. Sơ đồ mặt bằng bố trí thiết bị và sơ đồ dây chuyền công nghệ, khối lượng hoá chất nguy hiểm tại các thiết bị sản xuất chính, thiết bị chứa trung gian.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo (nếu có): Bao gồm tên tài liệu tham khảo, tên tác giả, năm xuất bản, nhà xuất bản./.

*Handwritten signature*

**Phụ lục XIX**

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../CNSXT-BVTV

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT CHỨNG NHẬN:**

Tên cơ sở: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

Tên đơn vị chủ quản: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN:**

1. Sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật (chi tiết tại Phụ lục 1)
2. Sản xuất thành phẩm thuốc bảo vệ thực vật từ thuốc kỹ thuật các dạng (chi tiết tại Phụ lục 2)
3. Đóng gói thuốc bảo vệ thực vật các dạng (chi tiết tại Phụ lục 3)

....., ngày .... tháng .... năm 20...

Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày ... tháng ... năm 20...

**CỤC TRƯỞNG**

*duan*

## **XI. TTHC Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật**

### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân (cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật) nộp hồ sơ đến Cục Bảo vệ thực vật (trước 03 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật hết hạn).

- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ và thành lập Đoàn đánh giá thực tế tại cơ sở trong thời hạn 05 ngày làm việc.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

+ Trường hợp cơ sở đã được kiểm tra, đánh giá và xếp loại A theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản và không mở rộng phạm vi sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật, các dạng thuốc thành phẩm thì không thành lập Đoàn đánh giá.

- Bước 4: Đánh giá thực tế tại cơ sở

+ Đoàn đánh giá thông báo bằng văn bản cho cơ sở trước thời điểm đánh giá 07 ngày làm việc, thời gian đánh giá tại cơ sở không quá 01 ngày làm việc.

- Bước 5: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc đối với trường hợp phải thành lập đoàn đánh giá.

+ Trong thời hạn 5 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở xếp loại A.

+ Trường hợp kết quả đánh giá chưa đạt yêu cầu, Cục Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt yêu cầu và thời hạn khắc phục. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại, Cục Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật cho cơ sở.

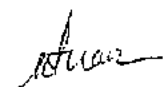
+ Trường hợp không cấp, Cục Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ**

- Trực tiếp

- Bưu điện

- Trực tuyến.



### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản thuyết minh điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận hoặc các tài liệu liên quan đến việc công nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 17025:2005 hoặc tương đương.

- Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) giấy chứng nhận hoặc các tài liệu liên quan đến việc công nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 9001:2008 hoặc tương đương.

Số lượng hồ sơ: 01 bản giấy và 01 bản điện tử định dạng PDF.

### **4. Thời hạn giải quyết:**

- 30 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- 35 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt yêu cầu hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và thời hạn khắc phục.

- 07 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở xếp Loại A.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Bảo vệ thực vật

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (Có giá trị trong thời hạn 05 năm).

**8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục I, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản thuyết minh điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Về nhân lực

*như*

- Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất (giám đốc hoặc phó giám đốc phụ trách sản xuất của nhà máy hoặc quản đốc phân xưởng sản xuất) có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học, lâm sinh.

- Người lao động trực tiếp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật được bồi dưỡng kiến thức về an toàn hóa chất hoặc thuốc bảo vệ thực vật và có Giấy chứng nhận do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành hóa chất hoặc bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp.

b) Về nhà xưởng, kho bảo quản thuốc bảo vệ thực vật

- Cơ sở sản xuất thuốc có địa điểm, nhà xưởng, kho thuốc, bảo đảm về diện tích, khoảng cách an toàn cho người, vật nuôi và môi trường theo đúng quy định, phù hợp với quy mô sản xuất.

- Nhà xưởng, kho bảo quản thuốc bảo vệ thực vật được bố trí trong khu công nghiệp đáp ứng quy định của khu công nghiệp. Nhà xưởng, kho bảo quản thuốc bảo vệ thực vật ngoài khu công nghiệp khi xây dựng phải cách trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu 500 m.

- Đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

c) Về thiết bị

- Về thiết bị sản xuất

+ Máy móc, thiết bị và quy trình công nghệ phù hợp với loại thuốc bảo vệ thực vật được sản xuất

+ Có thiết bị, dây chuyền sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật, sản xuất thành phẩm thuốc từ thuốc kỹ thuật và đóng gói thuốc bảo vệ thực vật;

+ Có thiết bị đạt yêu cầu về an toàn theo quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

- Về phương tiện vận chuyển và bốc dỡ đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành đối với hàng nguy hiểm; phương tiện vận chuyển có hình đồ cảnh báo, báo hiệu nguy hiểm.

- Về hệ thống xử lý chất thải

+ Hệ thống xử lý khí thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 19:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 20:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;



+ Hệ thống xử lý nước thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2009/BTNMT về ngưỡng chất thải nguy hại và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp;

+ Hệ thống xử lý chất thải rắn đáp ứng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

d) Về hệ thống quản lý chất lượng

- Cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải có hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 hoặc tương đương.

- Có phòng thử nghiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm áp dụng theo ISO 17025:2005 hoặc tương đương.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

*thua*

**Phụ lục XIV**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**  
**SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**  
**SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật hoặc

Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Đơn vị chủ quản:.....

Địa chỉ: .....

Tel: ..... Fax:..... E-mail: .....

2. Tên cơ sở: .....

Địa chỉ: .....

Tel: ..... Fax:..... E-mail: .....

Địa điểm sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

***Đề nghị Quý cơ quan***

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

- Sản xuất hoạt chất

- Sản xuất thuốc kỹ thuật

- Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật

- Đóng gói

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

- Cơ sở có cửa hàng

- Cơ sở không có cửa hàng

Cấp mới  Cấp lại lần thứ .....

Hồ sơ gửi kèm:.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Đại diện cơ sở**

(Ký và ghi rõ họ tên)

*Đào*

**Phụ lục XV**  
**MẪU BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015*  
*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH**  
**ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật**

**I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

**1. Đơn vị chủ quản:**.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax:..... E-mail: .....

**2. Tên cơ sở:** .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax:..... E-mail: .....

**3. Tên người đại diện (người trực tiếp quản lý sản xuất):** .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Mobile: ..... Fax:..... E-mail: .....

**4. Trạm cấp cứu gần nhất:** .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

**5. Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km):** .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

**6. Đồn cảnh sát gần nhất:** .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

**7. Tên khu dân cư gần nhất:** .....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

**8. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư về hoạt động sản xuất thuốc bảo vệ thực vật:** .....

**9. Loại hình hoạt động**

- DN nhà nước

- DN 100% vốn nước ngoài

- DN liên doanh với nước ngoài

- DN cổ phần

*thuan*

- DN tư nhân

- Khác: (ghi rõ loại hình)

### 10. Loại hình sản xuất

- Sản xuất hoạt chất
- Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật
- Sản xuất thuốc kỹ thuật
- Đóng gói

11. Công suất thiết kế: .....

## II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT

### 1. Nhà xưởng, trang thiết bị:

- Sơ đồ tổng thể mặt bằng sản xuất (bản vẽ kèm theo)
- Sơ đồ bố trí các thiết bị sản xuất chính (bản vẽ kèm theo)
- Sơ đồ bố trí kho thuốc (bản vẽ kèm theo)
- Diện tích khu vực sản xuất (m<sup>2</sup>): .....
- + Khu vực sản xuất: chiều dài (m): ..... chiều rộng (m): .....
- + Khu vực kho: chiều dài (m): ..... chiều rộng (m): ..... chiều cao: .....
- + Khu vực kiểm tra chất lượng: chiều dài (m): ..... chiều rộng (m): .....
- \* trường hợp có nhiều khu vực sản xuất, kho thì liệt kê.

### 2. Quy trình sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

STT	Dạng thành phẩm	Tên thương phẩm (nếu có)	Hoạt chất (ghi rõ thành phần, hàm lượng)	Mã số quy trình	Ghi chú
<b>VI. Sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật</b>					
1					Quy trình kèm theo
2					
...	...				
<b>VII. Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật</b>					
1					Quy trình kèm theo
2					
...	...				
<b>III. Đóng gói</b>					
1	EC				
2	SC				
...	...				

Quy trình sản xuất được xây dựng cho mỗi sản phẩm, mỗi cỡ lô sản xuất và được phê duyệt bởi người có thẩm quyền của cơ sở. Quy trình cần có các thông tin: tên sản phẩm, mã số của quy trình, mục đích, định mức sản xuất (danh mục nguyên liệu và phụ gia, định lượng của từng loại, lượng thành phẩm dự kiến và giới hạn cho phép, hao hụt), địa điểm, thiết bị sử dụng chủ yếu, các bước tiến hành (ví dụ: kiểm tra nguyên liệu, trình tự thêm các nguyên vật liệu, thời gian, tốc độ nhiệt độ trộn...), kiểm tra chất lượng và

*Handwritten signature*

các giới hạn tương ứng, ghi chép nhật ký, nhập kho, bảo quản, bao bì, nhãn mác, vệ sinh, các điểm phải lưu ý.

### 3. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung

### 4. Dây chuyền, thiết bị sản xuất chính

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

### 5. Hệ thống phụ trợ

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

### 6. Nhân lực

- Sơ đồ tổ chức bộ máy liên quan trực tiếp đến sản xuất: (bản vẽ kèm theo)

- Danh sách nhân sự (bao gồm cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên có liên quan trực tiếp đến sản xuất, bảo quản và vận chuyển, hóa chất nguy hiểm):

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/ Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Những khóa đào tạo đã tham gia	Điều kiện sức khỏe	Ghi chú
1								
...								

Trong đó:

- Người trực tiếp quản lý, điều hành cơ sở sản xuất phải có trình độ đại học chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học;

- Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải có Giấy chứng nhận sức khỏe của theo quy định của Bộ Y tế;

- Người trực tiếp sản xuất phải có Giấy chứng nhận tập huấn an toàn hoá chất bảo vệ thực vật của theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này.

### 7. Nguồn nước

- Nước công cộng

- Nước giếng khoan

### 8. Hệ thống xử lý chất thải

- Nước thải:  Có  Không

- Khí thải:  Có  Không

*duer*

- Chất thải rắn: (bao gồm cả cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý) .....

**9. Trang thiết bị bảo hộ lao động**

**10. Trang thiết bị phòng chống cháy nổ**

**11. Phòng thử nghiệm**

Có (tiếp tục khai báo mục 11.1)

Không (tiếp tục khai báo mục 11.2)

**11.1. Nếu có, khai tiếp các thông tin sau:**

a) Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 17025-2005 hoặc tương đương:

Được chứng nhận bởi Tổ chức chứng nhận .....

Cơ sở tự áp dụng

b) Thiết bị thử nghiệm

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

c) Chi tiêu thử nghiệm:

STT	Chi tiêu	Phương pháp	Ghi chú
<b>VIII. Hàm lượng hoạt chất</b>			
1			
...			
<b>IX. Tạp chất</b>			
1			
...			
<b>X. Tính chất hóa lý</b>			
1			
...			

(Đánh dấu \* đối với các chỉ tiêu thử nghiệm được công nhận/ chỉ định bởi các tổ chức chứng nhận/ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

d) Nhân lực

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nam /Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Những khóa đào tạo đã tham gia	Ghi chú
1							
...							

**11.2. Nếu không có, khai báo tên những đơn vị phân tích cơ sở có hợp đồng kiểm tra chất lượng thành phẩm**

**12. Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 9001:2008 hoặc tương đương**

Được chứng nhận bởi Tổ chức chứng nhận .....

Cơ sở tự áp dụng.

**13. Hệ thống quản lý môi trường phù hợp ISO 14001:2010 hoặc tương đương**

Được chứng nhận bởi Tổ chức chứng nhận .....

Cơ sở tự áp dụng.

**14. Những thông tin khác**

.....

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**

(Ký tên, đóng dấu)



**Phụ lục XXI**  
**MẪU KẾ HOẠCH HOẶC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA,**  
**ỨNG PHÓ SỰ CỐ HÓA CHẤT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN

TÊN ĐƠN VỊ

**KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ HÓA CHẤT**  
**CỦA .....**

**I. Mở đầu**

1. Giới thiệu về dự án hoặc cơ sở hóa chất.
2. Tính cần thiết phải lập Kế hoạch.
3. Các căn cứ pháp lý lập Kế hoạch.

**II. Phần thứ nhất**

**THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN, CƠ SỞ HÓA CHẤT**

1. Thông tin về quy mô đầu tư, sản xuất kinh doanh: Công suất, diện tích xây dựng, địa điểm xây dựng công trình.
2. Các hạng mục công trình bao gồm công trình chính, công trình phụ và các công trình khác, danh mục thiết bị sản xuất chính.
3. Công nghệ sản xuất.
4. Bản kê khai tên hoá chất, khối lượng, đặc tính lý hoá học, độc tính của mỗi loại hoá chất nguy hiểm là nguyên liệu, hoá chất trung gian và hoá chất thành phẩm. Trường hợp các loại hoá chất trong dự án, cơ sở hóa chất đã có phiếu an toàn hoá chất hoặc đã được chứng nhận hoàn thành khai báo theo quy định, tổ chức, cá nhân có dự án, cơ sở hoá chất có thể sử dụng phiếu an toàn hoá chất hoặc chứng nhận hoàn thành khai báo thay cho bản kê khai đặc tính hoá chất.
5. Bản mô tả các yêu cầu kỹ thuật về bao gói, bảo quản và vận chuyển của mỗi loại hoá chất nguy hiểm, bao gồm:
  - Các loại bao bì, bồn, thùng chứa hoá chất nguy hiểm dự kiến sử dụng trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển, vật liệu chế tạo và lượng chứa lớn nhất của từng loại;
  - Yêu cầu về tiêu chuẩn thiết kế, chế tạo, điều kiện về cơ sở thiết kế chế tạo. Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài phải ghi rõ tên tiêu chuẩn và tên tổ chức ban hành;
  - Các điều kiện bảo quản về nhiệt độ, áp suất; yêu cầu phòng chống va đập, chống sét, chống tĩnh điện;
  - Các phương tiện, hệ thống vận chuyển nội bộ dự kiến sử dụng trong dự án, cơ sở hóa chất.
6. Mô tả điều kiện địa lý, địa hình, đặc điểm khí tượng thủy văn khu vực thực hiện dự án, cơ sở hóa chất.
7. Bản danh sách các công trình công nghiệp, quân sự, khu dân cư, hành chính, thương mại, các công trình tôn giáo, các khu vực nhạy cảm về môi trường trong phạm vi 1000 m bao quanh vị trí dự án, cơ sở hóa chất.

*Actual*



### **III. Phần thứ hai**

#### **DỰ BÁO NGUY CƠ XÂY RA SỰ CỐ VÀ KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT CÁC NGUỒN NGUY CƠ SỰ CỐ HÓA CHẤT**

1. Lập bản danh sách các điểm nguy cơ bao gồm các vị trí đặt các thiết bị sản xuất hoá chất nguy hiểm chủ yếu, các thiết bị hoặc khu vực tập trung lưu trữ hoá chất nguy hiểm kèm theo điều kiện công nghệ sản xuất, bảo quản; số người lao động dự kiến có mặt trong khu vực. Liệt kê các sự cố rò rỉ, tràn đổ hoặc cháy nổ hóa chất nguy hiểm có thể xảy ra tại từng điểm nguy cơ, phân tích nguyên nhân, điều kiện xảy ra sự cố.

2. Xây dựng các giải pháp phòng ngừa sự cố và lập kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ xảy ra sự cố: Kế hoạch kiểm tra thường xuyên, đột xuất; quy định thành phần kiểm tra, trách nhiệm của người kiểm tra, nội dung kiểm tra, giám sát; quy định lưu giữ hồ sơ kiểm tra.

### **IV. Phần thứ ba**

#### **DỰ BÁO TÌNH HUỐNG XÂY RA SỰ CỐ HÓA CHẤT VÀ PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ**

1. Dự kiến diễn biến tình huống sự cố, ước lượng về hậu quả tiếp theo, phạm vi tác động, mức độ tác động đến người và môi trường xung quanh khi sự cố không được kiểm soát, ngăn chặn. Việc xác định hậu quả phải dựa trên mức độ hoạt động lớn nhất của thiết bị hoặc khu vực lưu trữ hoá chất nguy hiểm.

2. Phương án ứng phó đối với các sự cố đã dự báo. Kế hoạch phối hợp các lực lượng bên trong và bên ngoài ứng phó sự cố. Kế hoạch sơ tán người, tài sản.

### **V. Phần thứ tư**

#### **NĂNG LỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ HÓA CHẤT**

1. Bản nhân lực ứng phó sự cố hóa chất: Dự kiến về hệ thống tổ chức, điều hành và trực tiếp cứu hộ, xử lý sự cố.

2. Bản liệt kê trang thiết bị, phương tiện sử dụng ứng phó sự cố hoá chất: Tên thiết bị, số lượng, tình trạng thiết bị; hệ thống bảo vệ, hệ thống dự phòng nhằm cứu hộ, ngăn chặn sự cố.

3. Hệ thống báo nguy, hệ thống thông tin nội bộ và thông báo ra bên ngoài trong trường hợp sự cố khẩn cấp.

5. Kế hoạch huấn luyện và diễn tập theo định kỳ.

### **VI. Phần thứ năm**

#### **PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ SỰ CỐ HÓA CHẤT**

Phương án khắc phục hậu quả sự cố hoá chất được lập theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Nội dung của phương án khắc phục hậu quả sự cố hoá chất bao gồm các vấn đề sau:

1. Biện pháp ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khoẻ và đời sống của nhân dân trong vùng.

2. Biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

3. Bản hướng dẫn chi tiết các biện pháp kỹ thuật thu gom và làm sạch khu vực bị ô nhiễm do sự cố hoá chất.

*thao*

## VII. Phần thứ sáu

### KẾT LUẬN

1. Đánh giá của chủ đầu tư dự án, cơ sở hóa chất về Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

2. Cam kết của chủ đầu tư dự án, cơ sở hóa chất.

3. Những kiến nghị của chủ đầu tư dự án, cơ sở hóa chất.

*(Kiến nghị về những nội dung nằm ngoài thẩm quyền của chủ đầu tư dự án, cơ sở hóa chất để đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành dự án, cơ sở hóa chất).*

### Phụ lục

#### CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Bản đồ vị trí khu đất đặt dự án, cơ sở hóa chất.

2. Bản đồ mô tả các vị trí lưu trữ, bảo quản hoá chất dự kiến trong mặt bằng dự án, cơ sở sản xuất và trạng thái bảo quản (ngầm, nửa ngầm, trên mặt đất).

3. Sơ đồ mặt bằng bố trí thiết bị và sơ đồ dây chuyền công nghệ, khối lượng hoá chất nguy hiểm tại các thiết bị sản xuất chính, thiết bị chứa trung gian.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo (nếu có): Bao gồm tên tài liệu tham khảo, tên tác giả, năm xuất bản, nhà xuất bản./.

*thien*

Phụ lục XIX

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../CNSXT-BVTV

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT CHỨNG NHẬN:**

Tên cơ sở: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

Tên đơn vị chủ quản: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN:**

1. Sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật (chi tiết tại Phụ lục 1)
2. Sản xuất thành phẩm thuốc bảo vệ thực vật từ thuốc kỹ thuật các dạng (chi tiết tại Phụ lục 2)
3. Đóng gói thuốc bảo vệ thực vật các dạng (chi tiết tại Phụ lục 3)

....., ngày ... tháng .... năm 20...

Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày ... tháng ... năm 20...

**CỤC TRƯỞNG**

## **XII. TTHC Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật**

### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Tổ chức, cá nhân (thương nhân) nộp hồ sơ trực tiếp tại Cục Bảo vệ thực vật hoặc gửi qua đường bưu điện.

Bước 2: Cục Bảo vệ thực vật tiếp nhận hồ sơ và xem xét, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định trong trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ thông qua đường bưu điện.

Bước 3: Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, Cục Bảo vệ thực vật phải cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu 02/BVTV ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT.

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp không cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật, Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ**

- Trực tiếp
- Bưu điện

#### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### **a) Nhập khẩu thuốc mẫu khảo nghiệm, thử nghiệm và nghiên cứu**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu 01/BVTV ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT.

- Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (chỉ nộp lần đầu) hoặc Giấy tờ khác chứng minh tư cách pháp nhân.

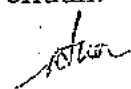
- Bản sao chụp Giấy phép khảo nghiệm của thuốc mẫu khảo nghiệm, thử nghiệm hoặc Phiếu an toàn hóa chất của thuốc mẫu khảo nghiệm, thử nghiệm.

- Đề cương nghiên cứu về thuốc bảo vệ thực vật đề nghị nhập khẩu (đối với trường hợp nhập khẩu để nghiên cứu).

##### **b) Nhập khẩu chất chuẩn**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu 01/BVTV ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT.

- Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (chỉ nộp lần đầu) hoặc Giấy tờ khác chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu chất chuẩn.



*c) Nhập khẩu thuốc để sử dụng cho dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, thuốc làm hàng mẫu, hàng phục vụ triển lãm, hội chợ và sử dụng trong một số trường hợp đặc biệt theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu 01/BVTV ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT.

- Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép đầu tư (chỉ nộp lần đầu) hoặc Giấy tờ khác chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu.

- Bản sao chứng thực hợp đồng nhập khẩu.

- Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) tại nước xuất khẩu trong trường hợp nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật có hoạt chất chưa có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam.

*d) Nhập khẩu thuốc xông hơi khử trùng, hoạt chất có độ độc cấp tính nhóm I, II theo phân loại GHS*

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu 01/BVTV ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT.

- Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép đầu tư (chỉ nộp lần đầu).

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng do Cục Bảo vệ thực vật cấp (chỉ nộp lần đầu) đối với trường hợp nhập khẩu thuốc xông hơi khử trùng.

*đ) Nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật để sản xuất nhằm mục đích xuất khẩu*

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu 01/BVTV ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT.

- Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép đầu tư (chỉ nộp lần đầu).

- Bản chính hoặc bản sao chứng thực hợp đồng nhập khẩu, hợp đồng xuất khẩu hoặc hợp đồng gia công với đối tác nước ngoài trong trường hợp tạm nhập, tái xuất hoặc nhập khẩu để sản xuất nhằm mục đích xuất khẩu.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

#### **4. Thời hạn giải quyết:**

- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ thông qua đường bưu điện.

#### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức, cá nhân (thương nhân)

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Bảo vệ thực vật

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật.

- Thời hạn có hiệu lực của Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật: có giá trị cho toàn bộ lô hàng ghi trong giấy phép và hiệu lực được ghi trong giấy phép theo từng loại thuốc, mặt hàng nhưng không quá 01 năm kể từ ngày cấp. Giấy phép nhập khẩu methyl bromide chỉ có hiệu lực trong năm cấp phép.

#### **8. Phí và lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật (Mục I, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

#### **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật (mẫu số 01/BVTV ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT).

- Báo cáo tình hình nhập khẩu/sử dụng Methyl Bromide (mẫu số 03/BVTV ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT).

#### **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

*a) Thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục khi nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu sau:*

- Thuốc kỹ thuật phải có hàm lượng hoạt chất tối thiểu bằng hàm lượng hoạt chất của thuốc kỹ thuật trong Danh mục và phải nhập khẩu từ các nhà sản xuất có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng;

- Thuốc thành phẩm có hàm lượng hoạt chất, dạng thuốc và nhà sản xuất thuốc thành phẩm đúng với Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam và phải còn ít nhất 2/3 hạn sử dụng được ghi trên nhãn thuốc kể từ khi đến Việt Nam;

- Thuốc thành phẩm phải đáp ứng được tính chất lý hóa về tỷ suất lơ lửng, độ bền nhũ tương đối với từng dạng thành phẩm tương ứng.

- Thuốc kỹ thuật, thuốc thành phẩm phải đáp ứng quy định về tạp chất độc hại tại các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và các Tiêu chuẩn cơ sở (TC) của Cục Bảo vệ thực vật.

#### *b) Đối với tổ chức nhập khẩu methyl bromide*

- Chỉ được nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất methyl bromide từ các nước tham gia Nghị định thư Montreal.

- Chỉ được nhập khẩu và sử dụng methyl bromide với mục đích kiểm dịch thực vật, khử trùng xuất khẩu (QPS) và các trường hợp theo quy định của Nghị định thư Montreal.

- Doanh nghiệp nhập khẩu phải có Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng.

- Chỉ được phép sử dụng methyl bromide theo đúng đăng ký với Cục Bảo vệ thực vật và phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước trong việc sử dụng methyl bromide;

- Chỉ được bán các thuốc chứa hoạt chất methyl bromide cho các tổ chức có Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng;

- Báo cáo Cục Bảo vệ thực vật về tình hình nhập khẩu, sử dụng và mua bán methyl bromide theo mẫu 03/BVTV ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT. Thời hạn nộp báo cáo 06 tháng đầu năm trước ngày 15 tháng 7 và báo cáo năm trước ngày 15 tháng 01 năm sau.

- Các tổ chức không được nhập khẩu methyl bromide nếu vi phạm một trong các trường hợp sau: Không tuân thủ chế độ báo cáo theo quy định hoặc báo cáo không trung thực về tình hình nhập khẩu, sử dụng, mua bán methyl bromide; Sử dụng sai mục đích được cấp phép; tổ chức bị thu hồi Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng.

#### **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

*Handwritten signature*

**Mẫu số 01/BVTV: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP  
GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT  
ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Số: .....

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

Giấy phép kinh doanh số: .....

Đề nghị Cục Bảo vệ thực vật cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật cho chúng tôi như sau:

Số TT	Tên thuốc BVTV	Khối lượng	Đơn vị tính	Công dụng thuốc	Xuất xứ
<b>I.</b>	<b>Thuốc BVTV kỹ thuật</b>				
1.					
2.					
	<b>Cộng</b>				
<b>II.</b>	<b>Thuốc BVTV thành phẩm</b>				
1.					
2.					
	<b>Cộng</b>				
<b>III.</b>	<b>Methyl bromide</b>				
1					
2					
	<b>Cộng</b>				
<b>Tổng cộng (viết bằng chữ) .....</b>					

**Mục đích nhập khẩu:**

- |  |   |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Khảo nghiệm nhằm mục đích đăng ký;                  | <input type="checkbox"/> Thử nghiệm, nghiên cứu; sử dụng trong dự án của nước ngoài tại Việt Nam; |
| <input type="checkbox"/> Sản xuất để xuất khẩu theo hợp đồng với nước ngoài; | <input type="checkbox"/> Xông hơi khử trùng;  |
| <input type="checkbox"/> Làm hàng mẫu, hàng phục vụ triển lãm, hội chợ;      | <input type="checkbox"/> Tạm nhập tái xuất;   |
| <input type="checkbox"/> Trường hợp khác (ghi cụ thể).....                   | <input type="checkbox"/> Chất chuẩn;  |

**Hồ sơ kèm theo gồm:**

- |   |   |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh   | <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi, khử trùng |
| <input type="checkbox"/> Phiếu an toàn hóa chất               | <input type="checkbox"/> Báo cáo tình hình nhập khẩu và sử dụng methyl bromide  |
| <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CSF) |   |
- Hợp đồng: nhập khẩu  xuất khẩu  gia công

*Handwritten signature*



Các giấy tờ liên quan khác (nếu có)

Thời gian nhập khẩu: .....

Địa điểm nhập khẩu: .....

Địa điểm, thời gian, đối tượng sử dụng (với thuốc có độ độc cấp tính nhóm I, II)

.....

Địa điểm, thời gian, mục đích, đối tượng nghiên cứu, thí nghiệm, khảo nghiệm.....

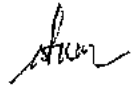
.....

Chúng tôi xin cam đoan các loại thuốc nhập khẩu được sử dụng đúng mục đích nêu trên.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)



**Mẫu số 02/BVTV: GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT  
ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm .....

Số: ...../GPNKT-BVTV

**GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Căn cứ Quyết định số 664/QĐ-BNN-TCCB ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật

Căn cứ Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật số..... ngày..... tháng..... năm..... của .....

Cục Bảo vệ thực vật đồng ý đề ..... nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật với khối lượng sau đây:

Số TT	Tên thuốc BYTV	Khối lượng	Đơn vị tính	Công dụng thuốc	Xuất xứ
I.	<i>Thuốc BVTV kỹ thuật</i>				
1.					
	Cộng				
II.	<i>Thuốc BVTV thành phẩm</i>				
1.					
	Cộng				
III.	<i>Methyl bromide</i>				
1					
	Cộng				
<b>Tổng cộng (viết bằng chữ) .....</b>					

Mục đích nhập khẩu : .....

Thời gian nhập khẩu: từ ngày ký đến.....

Địa điểm nhập khẩu:.....

Ghi chú:.....

**CỤC TRƯỞNG**  
(Ký tên, đóng dấu)

*Chú ý:* Trường hợp nhập khẩu methyl bromide, nội dung ghi trong giấy phép như sau:

- Mục đích nhập khẩu: Sử dụng cho mục đích kiểm dịch thực vật và xuất khẩu (hoặc sử dụng miễn trừ thiết yếu) theo quy định của Nghị định thư Montreal.

Ghi chú: Lượng methyl bromide trên phải được sử dụng đúng mục đích theo giấy phép này và chỉ được bán cho các tổ chức không có Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng.

**Mẫu số 03/BVTV: BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU/SỬ DỤNG METHYL BROMIDE**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT

ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Tổ chức khử trùng:.....

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU/SỬ DỤNG METHYL BROMIDE**

(6 tháng đầu năm 20.../hoặc năm 20....)

**I. Tổng quát tình hình nhập khẩu/sử dụng methyl bromide.**

1. Lượng methyl bromide tồn đầu của kỳ báo cáo: .....kg

2. Lượng methyl bromide nhập khẩu trong kỳ báo cáo

STT	MB được cấp phép NK		Lượng MB nhập khẩu thực tế (kg)	Lượng MB sử dụng (kg)	Lượng MB đã bán (kg)		Ghi chú
	Số GP	Lượng MB (kg)			Tên tổ chức mua MB	Lượng MB đã bán (kg)	
		<b>Tổng</b>	<b>Tổng</b>	<b>Tổng</b>		<b>Tổng</b>	

3. Lượng methyl bromide tồn cuối của kỳ báo cáo: .....kg

**II. Chi tiết sử dụng methyl bromide**

Khử trùng nông sản xuất khẩu			Thực hiện TCQT số 15		Khử trùng hàng nhập khẩu				Các ứng dụng khác		
Loại nông sản	Khối lượng nông sản (tấn)	Khối lượng MB (kg)	Thể tích (m <sup>3</sup> )	Khối lượng MB (kg)	Loại hàng hóa	Khối lượng hàng được xử lý (tấn)	Lý do xử lý	Khối lượng MB (kg)	Tên ứng dụng	Khối lượng được xử lý (tấn)	Khối lượng MB (kg)
	<b>Tổng</b>	<b>Tổng</b>	<b>Tổng</b>	<b>Tổng</b>		<b>Tổng</b>		<b>Tổng</b>		<b>Tổng</b>	<b>Tổng</b>
<b>Tổng lượng MB sử dụng (kg)</b>											

### **XIII. TTHC Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu**

#### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

##### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cục Bảo vệ thực vật hoặc tổ chức đánh giá sự phù hợp được Cục Bảo vệ thực vật ủy quyền.

- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu trong 01 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Kiểm tra và lấy mẫu kiểm tra trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi tổ chức, cá nhân nhập khẩu xuất trình tờ khai hàng hoá nhập khẩu, thông báo địa điểm và thời gian lấy mẫu.

+ Trường hợp lô thuốc bảo vệ thực vật không còn nguyên trạng và không phù hợp với hồ sơ đã đăng ký kiểm tra, tổ chức đánh giá sự phù hợp không lấy mẫu kiểm tra và lập biên bản.

- Bước 4: Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi lấy mẫu kiểm tra

+ Trường hợp phải kéo dài thời gian thì tổ chức đánh giá sự phù hợp phải thông báo ngay cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu để thống nhất giải quyết.

##### **2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ**

- Trực tiếp

- Bưu điện

- Trực tuyến

##### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT). Số lượng 02 bản.

- Bản sao chụp các giấy tờ sau:

+ Hợp đồng mua bán

+ Giấy phép nhập khẩu (đối với thuốc bảo vệ thực vật quy định tại khoản 2 Điều 67 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật);

+ Danh mục hàng hoá kèm theo (packing list): Ghi rõ số lượng đăng ký, mã hiệu của từng lô hàng (batch No.)

+ Hoá đơn hàng hoá

+ Vận đơn (đối với trường hợp hàng hoá nhập theo đường không, đường biển hoặc đường sắt)

+ Giấy chứng nhận chất lượng đối với trường hợp nhập khẩu thuốc xông hơi khử trùng.

Số lượng hồ sơ: 01 bản giấy hoặc bản điện tử;

**4. Thời hạn giải quyết**

06 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Cục Bảo vệ thực vật hoặc tổ chức đánh giá sự phù hợp được Cục Bảo vệ thực vật ủy quyền.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Kết quả kiểm tra nhà nước chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu.

**8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục III, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu (Phụ lục XXIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục khi nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Thuốc kỹ thuật phải có hàm lượng hoạt chất tối thiểu bằng hàm lượng hoạt chất của thuốc kỹ thuật trong Danh mục và phải nhập khẩu từ các nhà sản xuất có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng;

- Thuốc thành phẩm có hàm lượng hoạt chất, dạng thuốc và nhà sản xuất thuốc thành phẩm đúng với Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam và phải còn ít nhất 2/3 hạn sử dụng được ghi trên nhãn thuốc kể từ khi đến Việt Nam;

- Thuốc thành phẩm phải đáp ứng được tính chất lý hóa về tỷ suất lơ lửng, độ bền nhũ tương đối với từng dạng thành phẩm tương ứng.

- Thuốc kỹ thuật, thuốc thành phẩm phải đáp ứng quy định về tạp chất độc hại tại các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và các Tiêu chuẩn cơ sở (TC) của Cục Bảo vệ thực vật.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

Phụ lục XXIV

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC  
CHẤT LƯỢNG THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT NHẬP KHẨU

(Có giá trị đến ngày ..... tháng ..... năm .....)

Kính gửi: Tổ chức đánh giá sự phù hợp

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Đăng ký kiểm tra chất lượng thuốc bảo vệ thực vật sau:

STT	TÊN HÀNG	MÃ SỐ	XUẤT XỨ	LUỢNG HÀNG	ĐƠN VỊ TÍNH	GHI CHÚ

Đăng ký kiểm tra lô hàng nói trên tại địa điểm (địa điểm, sơ đồ kho lưu chứa thuốc bảo vệ thực vật để kiểm tra):

Hồ sơ kèm theo gồm có:

- Hợp đồng số:.....
- Hóa đơn số:.....
- Vận đơn số:.....
- Lược khai hàng hóa số:.....
- Giấy CNCL/ATVS số:.....
- Giấy chứng nhận xuất xứ:.....
- Giấy phép nhập khẩu (đối với loại thuốc bảo vệ thực vật yêu cầu giấy phép):.....

Chúng tôi xin cam đoan và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật:

1. Giữ nguyên trạng hàng hóa tại địa điểm đăng ký trên và xuất trình hàng hóa cùng hồ sơ Hải quan để .....(Tên tổ chức đánh giá sự phù hợp) thực hiện việc kiểm tra chất lượng lô hàng này.

2. Chỉ đưa hàng hóa vào gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán, sử dụng khi được ... (Tên tổ chức đánh giá sự phù hợp) cấp thông báo chứng nhận lô hàng đạt yêu cầu chất lượng.

TÊN TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Vào số đăng ký số:

TỔ CHỨC NHẬP KHẨU

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

(Đại diện tổ chức)

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục XXVI**  
**MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC CHẤT LƯỢNG**  
**THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT NHẬP KHẨU**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**TÊN, LOGO TỔ CHỨC**  
**ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC**  
**CHẤT LƯỢNG THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT NHẬP KHẨU**  
**CERTIFICATE OF QUALITY CONTROL FOR IMPORT PESTICIDE**

Tên hàng/Name of goods:.....  
Mã số hàng hóa/Code of goods:.....  
Ký/Nhãn hiệu hàng hóa/Goods marking:.....  
Ngày sản xuất....., Thời hạn sử dụng.....  
Số lượng, trọng lượng/ Quantity/ volume:.....  
Thuộc tờ khai, hải quan số/ Goods declaration number:.....  
ngày/date:.....  
Đã làm thủ tục hải quan tại hải quan/Customs office:.....  
Hợp đồng số/Contract number:.....  
Phiếu đóng gói số/ Packing list number:.....  
Hóa đơn số/ Invoice number:.....  
Vận đơn số/ B.L number:.....  
Tổ chức, cá nhân nhập khẩu/ Importer:.....  
Địa chỉ, số điện thoại/ Address, phone number:.....  
Giấy đăng ký kiểm tra số/ Registration number of quality control:.....  
Ngày lấy mẫu kiểm tra/ Date of control:.....  
Địa điểm lấy mẫu kiểm tra/ Location of control:.....  
Căn cứ kiểm tra/ Specification for control:.....

**KẾT QUẢ KIỂM TRA/CONTROL RESULT**

- Lô hàng đạt yêu cầu chất lượng nhập khẩu/ the goods are found to be conformity with quality requirement for import.
- Lô hàng không đạt yêu cầu chất lượng nhập khẩu (nêu cụ thể lý do không đạt theo chỉ tiêu kiểm tra hàm lượng, vật lý, kết quả kiểm tra chi tiết...)/ the goods are not found to be conformity with quality requirement for import.

\* Hồ sơ kiểm tra được gửi kèm theo Thông báo này.

Nơi nhận/sent to:

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu;
- Hải quan cửa khẩu;
- Lưu Tổ chức đánh giá.

**TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP**

(Ký tên, đóng dấu)

*[Signature]*

#### **XIV. TTHC Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền Trung ương)**

##### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

##### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cục Bảo vệ thực vật.
- Bước 2: Tiếp nhận, thẩm định và cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Trường hợp không cấp, Cục Bảo vệ thực vật phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

##### **2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ:**

- Trực tiếp
- Bưu điện
- Trực tuyến

##### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật.
- Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự).
- Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên (đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao).

Số lượng hồ sơ: 01 bản giấy hoặc bản điện tử.

##### **4. Thời hạn giải quyết:**

10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

##### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân**

##### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Bảo vệ thực vật**

*(Đối với báo chí, trang thông tin điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, các sản phẩm in, bản ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác của Trung ương, phát hành toàn quốc)*

##### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy xác nhận nội dung quảng cáo

##### **8. Phí, lệ phí:**





Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục I, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.
- Căn cứ Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.
- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.
- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

*Handwritten signature*

Phụ lục XXXIV

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO  
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Tên công ty, doanh nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: .....

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO  
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Tên cơ quan có thẩm quyền

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo: .....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....

Số giấy phép hoạt động :.....

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:.....

Kính đề nghị ... (tên cơ quan có thẩm quyền) xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với thuốc bảo vệ thực vật sau:

STT	Tên thuốc BVTV	Giấy chứng nhận đăng ký	Phương tiện quảng cáo
1.			
...			

Các tài liệu gửi kèm:

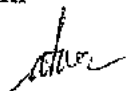
1.....

2.....

3.....

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Đại diện tổ chức, cá nhân**  
(Ký tên, đóng dấu)



Phụ lục XXXV

**GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên cơ quan chủ quản  
Tên cơ quan có thẩm quyền xác  
nhận nội dung quảng cáo thuốc  
bảo vệ thực vật

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20....

**GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Số: /20.../XNQC-ký hiệu viết tắt của cơ quan có thẩm quyền

(Tên cơ quan có thẩm quyền).....xác nhận:

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo: .....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....

*có nội dung quảng cáo<sup>(1)</sup> các thuốc bảo vệ thực vật trong bảng dưới đây phù hợp với quy định hiện hành.*

STT	Tên thuốc BVTV	Giấy chứng nhận đăng ký	Phương tiện quảng cáo
1.			
2			
...			

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật đúng nội dung đã được xác nhận.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)



1. Nội dung quảng cáo được đính kèm Giấy xác nhận này .

## **XV. TTHC Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu**

### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Chủ vật thể nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật nhập khẩu tại cơ quan kiểm dịch thực vật.

- Bước 2: Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì yêu cầu chủ vật thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định địa điểm và bố trí công chức kiểm tra ngay lô vật thể.

- Bước 4: Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với lô vật thể không bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ.

Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật hoặc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật thì cơ quan kiểm dịch thực vật phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể biết.

#### **2. Cách thức thực hiện:**

Hồ sơ được nộp trực tiếp cho cơ quan kiểm dịch thực vật

#### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật (theo mẫu qui định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT).

b) Bản sao chụp hoặc bản chính Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền của nước xuất khẩu .

Trường hợp chủ vật thể nộp bản sao chụp thì phải nộp bản chính trước khi được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa cho lô vật thể.

c) Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (trường hợp qui định phải có Giấy phép).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

#### **4. Thời hạn giải quyết: 24 giờ**

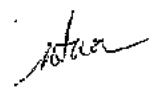
#### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xuất nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật

#### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Các cơ quan kiểm dịch thực vật (bao gồm các Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII và IX; các trạm kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu).

#### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**



Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa.

#### **8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư 223/2012/TT-BTC quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật (Mục VI, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

#### **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT)

#### **10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.
- Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định trình tự thủ tục KDTV nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
- Thông tư 223/2012/TT-BTC quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

*stuan*

**Phụ lục I**  
**MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

.....ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT (\*)**

Kính gửi:.....(\*\*).....

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax/E-mail:

Số Giấy CMND: Ngày cấp: .....Nơi cấp: .....

Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng nhập khẩu khẩu sau (\*\*\*):

1. Tên hàng: ..... Tên khoa học: .....
- Cơ sở sản xuất: .....
- Mã số (nếu có): .....
- Địa chỉ: .....
2. Số lượng và loại bao bì: .....
3. Khối lượng tịnh: .....Khối lượng cả bì: .....
4. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr...): .....
5. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu: .....
- Địa chỉ: .....
6. Nước xuất khẩu: .....
7. Cửa khẩu xuất: .....
8. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu: .....
- Địa chỉ: .....
9. Cửa khẩu nhập: .....
10. Phương tiện vận chuyển: .....
11. Mục đích sử dụng: .....
12. Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (nếu có): .....
13. Địa điểm kiểm dịch: .....
14. Thời gian kiểm dịch: .....
15. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật cần cấp: .....
16. Nơi hàng đến: .....

Chúng tôi xin cam kết: Bảo quản nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (\*\*\*\*).

**Tổ chức, cá nhân đăng ký**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



## Xác nhận của cơ quan Kiểm dịch

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm:.....  
để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi .....giờ ngày ..... tháng.....năm.....  
Lô hàng chỉ được thông quan sau khi có Giấy chứng nhận kiểm dịch

Vào sổ số....., ngày.....tháng .....năm .....  
.....(\*).....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

## Xác nhận của cơ quan Hải quan

(trong trường hợp lô hàng không được phép nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do:.....  
.....

....., ngày ...tháng ... năm .....

Chi cục Hải quan cửa khẩu.....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(\*) Đăng ký theo mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

(\*\*) Tên cơ quan Kiểm dịch;

(\*\*\*) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp với lô hàng ;

(\*\*\*\*) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu;

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ số Giấy chứng minh nhân dân, ngày tháng và nơi cấp.

*thuan*

Phụ lục II

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT  
NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH VÀ VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA**

(Ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)  
(TÊN CƠ QUAN KDTV)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT  
NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH VÀ VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA**

Số: ...../KDTV

Cấp cho: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

**CĂN CỨ CẤP GIẤY:**

Giấy phép kiểm dịch thực vật (KDTV) nhập khẩu số ..... ngày ...../...../.....;

Giấy đăng ký KDTV;  Giấy chứng nhận KDTV của nước xuất khẩu;

Kết quả kiểm tra, phân tích giám định trong phòng thí nghiệm;

Dấu xử lý vật liệu đóng gói bằng gỗ của nước xuất khẩu;

Căn cứ khác: .....

**CHỨNG NHẬN:**

Những vật thể thuộc diện KDTV (vật thể) sau đây: .....

Tên khoa học: .....

Số lượng: .....

Khối lượng: .....(viết bằng chữ).....

Phương tiện vận chuyển: .....

Nơi đi: .....

Nơi đến: .....

Chưa phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam

Phát hiện loài ..... là đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam. Lô vật thể đã được xử ký đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại trên;

Phát hiện sinh vật gây hại lạ. Lô vật thể đã được xử ký đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại lạ trên;

Lô vật thể trên được phép chờ tới: .....

**QUY ĐỊNH MỘT SỐ ĐIỀU KIỆN TRONG KHI GỬI VÀ NHẬN HÀNG:**

Lô vật thể được phép gieo trồng, sử dụng tại địa điểm quy định trên;

Lô vật thể được phép quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo lộ trình trên và phải tuân thủ mọi quy định về KDTV quá cảnh của Việt Nam

Báo ngay cho cơ quan KDTV/Bảo vệ thực vật nơi gần nhất khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam (trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển, sử dụng, gieo trồng, ....);

Điều kiện khác: .....

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Chủ vật thể không được chờ lô vật thể đến địa điểm khác nếu không được phép của cơ quan KDTV



## **XVI. TTHC Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu**

### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Chủ vật thể nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đăng ký cho cơ quan kiểm dịch thực vật nơi gần nhất.

- Bước 2: Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì yêu cầu chủ vật thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định địa điểm kiểm dịch tại cơ sở sản xuất, nơi xuất phát, nơi bảo quản ở sâu trong nội địa hoặc cửa khẩu xuất và bố trí công chức kiểm tra ngay lô vật thể.

- Bước 4: Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (Theo mẫu qui định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT) hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu (Theo mẫu qui định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT) cho lô vật thể trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với lô vật thể đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu.

+ Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật thì cơ quan kiểm dịch thực vật phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể biết.

+ Trường hợp phát hiện lô vật thể không đáp ứng yêu cầu về kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu thì Cơ quan kiểm dịch thực vật không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đồng thời phải thông báo cho chủ vật thể biết.

#### **2. Cách thức thực hiện:**

Hồ sơ được nộp trực tiếp cho cơ quan kiểm dịch thực vật

#### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu (theo mẫu qui định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT).

b) Bản chính Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu (trong trường hợp tái xuất khẩu).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

#### **4. Thời hạn giải quyết: 24 giờ**

#### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xuất nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

#### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Các cơ quan kiểm dịch thực vật (bao gồm các Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII và IX; các trạm kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu).

#### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu.

#### **8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư 223/2012/TT-BTC quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật (Mục VI, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

#### **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ:**

Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu (Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT).

#### **10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;
- Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định trình tự thủ tục KDTV nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
- Thông tư 223/2012/TT-BTC quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

*adur*

**Phụ lục IV**  
**MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ, KIỂM DỊCH THỰC VẬT**  
**XUẤT KHẨU HOẶC TÁI XUẤT KHẨU**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33 /2014 /TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT XUẤT KHẨU/TÁI XUẤT KHẨU**

*Kính gửi:* .....

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax/E-mail:

Số Giấy CMND: Ngày cấp: .....Nơi cấp: .....

Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng xuất khẩu sau :


1. Tên hàng: ..... Tên khoa học: .....
- Cơ sở sản xuất: .....
- Mã số (nếu có):.....
- Địa chỉ: .....
2. Số lượng và loại bao bì : .....
3. Khối lượng: ..... Khối lượng cả bì:.....
4. Ký mã hiệu, số hợp đồng hoặc LC : .....
5. Phương tiện chuyên chở: .....
6. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu: .....
- Địa chỉ: .....
7. Cửa khẩu xuất: .....
8. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu: .....
- Địa chỉ: .....
9. Cửa khẩu nhập: .....
10. Nước nhập khẩu:.....
11. Mục đích sử dụng: .....
12. Địa điểm kiểm dịch: .....
13. Thời gian kiểm dịch: .....
14. Địa điểm, thời gian giám sát xử lý (nếu có):.....

Số bản giấy chứng nhận KDTV cần cấp: ..... bản chính; ..... bản sao.....



Vào số số: .....ngày ...../...../.....

Cán bộ KDTV nhận giấy đăng ký  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tổ chức, cá nhân đăng ký  
(Ký và ghi rõ họ tên)



**Phụ lục V**  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư 33 /2014 /TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014  
 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)


BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT ĐỀ PHÒNG BẢO VỆ THỰC VẬT PLANT PROTECTION DEPARTMENT		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness		
<b>GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT</b> <b>PHYTOSANITARY CERTIFICATE</b>				
Gửi Cơ quan Bảo vệ Thực vật nước ngoài TO THE PLANT PROTECTION ORGANIZATION OF			Số (NO)	
MIỄN GIẢM VÀ LO HẠNG (DESCRIPTION OF CONSIGNMENT)				
1. Tên và địa chỉ người gửi hàng NAME AND ADDRESS OF THE EXPORTER		6. Nơi sản xuất DECLARED PLACE OF ORIGIN		
2. Tên và địa chỉ người nhận DECLARED NAME AND ADDRESS OF THE CONSIGNEE		7. Cửa khẩu nhập DECLARED POINT OF ENTRY		
3. Số lượng và loại bao bì QUANTITY AND DESCRIPTION OF PACKAGES		8. Tên và khối lượng sản phẩm NAME OF PRODUCT AND QUANTITY/WEIGHT		
4. Ký mã hiệu TRADE MARKS		9. Tên khoa học của thực vật SCIENTIFIC NAME OF PLANTS		
Đây chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khác nêu trên đã được kiểm tra và được thừa nhận theo quy trình thích hợp và được coi là không có dấu hiệu hiện diện dịch thực vật của nước nhập hoặc công nhân chuyên vận tải của liên đới thực vật hiện diện của nước nhập khác. This is to certify that the plants, plant products or other regulated articles described herein have been inspected and/or tested according to appropriate official procedures and are considered to be free from the quarantine pests specified by the importing country and to conform with the current phytosanitary requirements of the importing consignee party.				
KHAI BÁO BỔ SUNG (ADDITIONAL DECLARATION)				
XỬ LÝ (DISINFESTATION AND/OR DISINFECTION TREATMENT)				
10. Ngày (DATE)	12. Tên thuốc (MEDICINE)	13. Nhiệt độ (TEMPERATURE)		
11. Phương pháp xử lý (METHOD)	14. Năng suất (EFFICIENCY)	15. Thời gian (DURATION)		
16. Địa điểm xử lý (PLACE)	17. Nơi cấp giấy (PLACE OF ISSUE)	19. Tên, chức vụ của cán bộ Kiểm dịch thực vật do thẩm định (NAME AND POSITION OF INSPECTOR)		
		18. Ngày cấp (DATE ISSUED)		
Các bất kỳ thực vật, thực phẩm kiểm dịch thực vật của Việt Nam không có dấu hiệu hiện diện dịch thực vật của nước nhập hoặc công nhân chuyên vận tải No quarantine pests or plant products of Vietnam are found to be free from the quarantine pests specified by the importing country and to conform with the				

*Handwritten signature*

Phụ lục VI

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT TÁI XUẤT KHẨU**

(Ban hành kèm theo Thông tư 33 /2014 /TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN SỐNG THÔN MINISTRY OF AGRICULTURE & RURAL DEVELOPMENT CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT PLANT PROTECTION DEPARTMENT		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness		
<b>GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT TÁI XUẤT KHẨU</b> <b>PHYTOSANITARY CERTIFICATE FOR RE-EXPORT</b>				
Gửi: Cơ quan Bảo vệ thực vật nước TO: THE PLANT PROTECTION ORGANIZATION(S) OF			Số (No.)	
<b>DIỄN GIẢI VỀ LŪ HÀNG (DESCRIPTION OF CONSIGNMENT)</b>				
1. Tên và địa chỉ người xuất khẩu: NAME AND ADDRESS OF THE EXPORTER		5. Nơi sản xuất: PLACE OF ORIGIN		
		6. Phương tiện chuyên chở: DECLARED MEANS OF CONVEYANCE		
2. Tên và địa chỉ người nhận: DECLARED NAME AND ADDRESS OF THE CONSIGNEE		7. Cửa khẩu nhập: DECLARED POINT OF ENTRY		
		8. Tên và khối lượng sản phẩm: NAME OF PRODUCE AND QUANTITY DECLARED		
3. Số lượng và loại bao bì NUMBER AND DESCRIPTION OF PACKAGES				
4. Ký, mã hiệu: DISTINGUISHING MARKS		9. Tên khoa học của thực vật: BOTANICAL NAME OF PLANTS		
Nay chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (KDTV) nêu trên được nhập khẩu vào Việt Nam từ nước (This is to certify that the plants, plant products described above were imported into Vietnam from)..... với Giấy chứng nhận KDTV số (covered by Phytosanitary Certificate No)..... bản gốc (original) <input type="checkbox"/> , bản sao (certified true copy) <input type="checkbox"/> gửi kèm theo giấy chứng nhận này (of which is attached to this certificate); rằng chúng đã được đóng gói (that they are packed) <input type="checkbox"/> đóng gói lại (repacked) <input type="checkbox"/> giữ nguyên bao bì gốc (in original) <input type="checkbox"/> bao bì mới (new container) <input type="checkbox"/> trên cơ sở Giấy chứng nhận KDTV gốc (that based on original phytosanitary certificate) <input type="checkbox"/> và kiểm tra bổ sung (and additional inspection) <input type="checkbox"/> , được coi là phù hợp với yêu cầu KDTV hiện hành của nước nhập khẩu, và trong thời gian bảo quản tại Việt Nam lô hàng này không bị lây nhiễm sinh vật gây hại (they are considered to conform with the current phytosanitary requirements of the importing contracting party, and that during storage in Vietnam, the consignment has not been subjected to risk of infestation or infection).				
<b>KHAI BÁO BỔ SUNG (ADDITIONAL DECLARATION)</b>				
<b>XỬ LÝ (DISINFESTATION AND/OR DISINFECTION TREATMENT)</b>				
10. Ngày DATE		12. Tên thuốc (hóa chất): CHEMICAL DISINFESTANT		14. Thời gian và nhiệt độ DURATION AND TEMPERATURE
11. Phương pháp xử lý (TREATMENT)		13. Nồng độ (CONCENTRATION)		15. Thông tin thêm (ADDITIONAL INFORMATION)
16. Dấu của cơ quan STAMP OF ORGANIZATION		17. Nơi cấp giấy PLACE OF ISSUE		19. Tên, chữ ký của cán bộ kiểm dịch thực vật có thẩm quyền NAME AND SIGNATURE OF AUTHORIZED OFFICER
		18. Ngày cấp DATE ISSUED		
Cục Bảo vệ thực vật hoặc viên chức Kiểm dịch thực vật của Việt Nam không có trách nhiệm nào về mặt tài chính liên quan đến giấy chứng nhận này. No financial liability with respect to this certificate attach to Plant Protection Department of Vietnam or to any of its officers or representatives.				

*Handwritten signature*

## **XVII. TTHC Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quá cảnh**

### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Chủ vật thể nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đăng ký cho cơ quan kiểm dịch thực vật nơi gần nhất.

- Bước 2: Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì yêu cầu chủ vật thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định địa điểm và bố trí công chức kiểm tra ngay lô vật thể.

- Bước 4: Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa cho lô vật thể trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với lô vật thể đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thực vật quá cảnh.

+ Trường hợp phát hiện lô vật thể bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ thì cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định áp dụng các biện pháp xử lý kiểm dịch thực vật phù hợp theo quy định.

#### **2. Cách thức thực hiện:**

Hồ sơ được nộp trực tiếp cho cơ quan kiểm dịch thực vật.

#### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật (theo mẫu qui định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT).

b) Bản sao chụp hoặc bản chính Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do nước xuất khẩu cấp.

Trường hợp chủ vật thể nộp bản sao chụp thì phải nộp bản chính trước khi được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa cho lô vật thể.

c) Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

#### **4. Thời hạn giải quyết: 24 giờ**

#### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xuất nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật

#### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Các cơ quan kiểm dịch thực vật (bao gồm các Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII và IX; các trạm kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu).

*thor*

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa.

**8. Phí, lệ phí:**

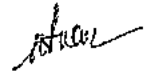
Theo quy định tại Thông tư 223/2012/TT-BTC quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật (Mục VI, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ:**

Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT).

**10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;
- Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định trình tự thủ tục KDTV nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
- Thông tư 223/2012/TT-BTC quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.



**Phụ lục I**  
**MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

.....ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT (\*)**

Kính gửi:.....(\*\*).....

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax/E-mail:

Số Giấy CMND: Ngày cấp: .....Nơi cấp: .....

Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng nhập khẩu khẩu sau (\*\*\*):

1. Tên hàng: ..... Tên khoa học: .....
- Cơ sở sản xuất: .....
- Mã số (nếu có): .....
- Địa chỉ: .....
2. Số lượng và loại bao bì: .....
3. Khối lượng tịnh: ..... Khối lượng cả bì: .....
4. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr...): .....
5. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu: .....
- Địa chỉ: .....
6. Nước xuất khẩu: .....
7. Cửa khẩu xuất: .....
8. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu: .....
- Địa chỉ: .....
9. Cửa khẩu nhập: .....
10. Phương tiện vận chuyển: .....
11. Mục đích sử dụng: .....
12. Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (nếu có): .....
13. Địa điểm kiểm dịch: .....
14. Thời gian kiểm dịch: .....
15. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật cần cấp: .....
16. Nơi hàng đến: .....

Chúng tôi xin cam kết: Bảo quản nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (\*\*\*\*).

**Tổ chức, cá nhân đăng ký**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*[Handwritten signature]*



## Xác nhận của cơ quan Kiểm dịch

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm:.....  
để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi .....giờ ngày ..... tháng ..... năm.....  
Lô hàng chỉ được thông quan sau khi có Giấy chứng nhận kiểm dịch

Vào số số....., ngày.....tháng .....năm .....

.....(\*).....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

## Xác nhận của cơ quan Hải quan

(trong trường hợp lô hàng không được phép nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do:.....  
.....

....., ngày .....tháng ... năm .....

Chi cục Hải quan cửa khẩu.....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

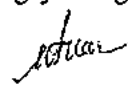
(\*) Đăng ký theo mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

(\*\*) Tên cơ quan Kiểm dịch;

(\*\*\*) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp với lô hàng;

(\*\*\*\*) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu;

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ số Giấy chứng minh nhân dân, ngày tháng và nơi cấp.



Phụ lục II

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT  
NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH VÀ VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA**

(Ban hành kèm theo Thông tư 33 /2014 /TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)  
(TÊN CƠ QUAN KDTV)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT  
NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH VÀ VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA**

Số: ..... /KDTV

Cấp cho: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

**CĂN CỨ CẤP GIẤY:**

Giấy phép kiểm dịch thực vật (KDTV) nhập khẩu số ..... ngày ...../...../.....;

Giấy đăng ký KDTV;  Giấy chứng nhận KDTV của nước xuất khẩu;

Kết quả kiểm tra, phân tích giám định trong phòng thí nghiệm;

Dấu xử lý vật liệu đóng gói bằng gỗ của nước xuất khẩu;

Căn cứ khác: .....

**CHỨNG NHẬN:**

Những vật thể thuộc diện KDTV (vật thể) sau đây: .....

Tên khoa học: .....

Số lượng: .....

Khối lượng: ..... (viết bằng chữ).....

Phương tiện vận chuyển: .....

Nơi đi: .....

Nơi đến: .....

Chưa phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam

Phát hiện loài ..... là đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam. Lô vật thể đã được xử ký đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại trên;

Phát hiện sinh vật gây hại lạ. Lô vật thể đã được xử ký đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại lạ trên;

Lô vật thể trên được phép chờ tới: .....

**QUY ĐỊNH MỘT SỐ ĐIỀU KIỆN TRONG KHI GỬI VÀ NHẬN HÀNG:**

Lô vật thể được phép gieo trồng, sử dụng tại địa điểm quy định trên;

Lô vật thể được phép quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo lộ trình trên và phải tuân thủ mọi quy định về KDTV quá cảnh của Việt Nam

Báo ngay cho cơ quan KDTV/Bảo vệ thực vật nơi gần nhất khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam (trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển, sử dụng, gieo trồng, ...);

Điều kiện khác: .....

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Chủ vật thể không được chờ lô vật thể đến địa điểm khác nếu không được phép của cơ quan KDTV.

## **XVIII. TTHC Cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật**

### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức đăng ký cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ cho Cục Bảo vệ thực vật.

- Bước 2: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Bảo vệ thực vật thẩm định hồ sơ và thông báo bằng văn bản kết quả thẩm định cho tổ chức đăng ký.

- Bước 3: Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Bảo vệ thực vật tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện hành nghề của tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT.

Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **2. Cách thức thực hiện:**

Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện cho Cục Bảo vệ thực vật.

#### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT.

b) Bản thuyết minh về quy trình kỹ thuật, phương tiện, danh mục trang thiết bị xử lý đối với từng biện pháp, loại hình và quy mô đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT.

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp mang theo bản chính để đối chiếu Bảng tốt nghiệp trình độ từ đại học trở lên của người trực tiếp quản lý điều hành.

d) Bản chính Giấy khám sức khỏe của người trực tiếp quản lý điều hành do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; Bản sao chụp giấy khám sức khỏe của người trực tiếp thực hiện xử lý vật thể.

đ) Danh sách người trực tiếp thực hiện xử lý vật thể đã được cấp Thẻ hành nghề.

e) Bản sao chụp Phương án phòng cháy chữa cháy được phê duyệt hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc giấy tờ chứng minh đủ điều kiện về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật; cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt hoặc giấy tờ chứng minh đủ điều kiện về đảm bảo môi trường theo quy định của pháp luật.

g) Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

#### **4. Thời hạn giải quyết:**

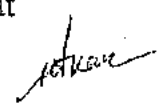
20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

#### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức đăng ký hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật

#### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Bảo vệ thực vật

#### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**



Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (Có giá trị trong thời hạn 05 năm).

#### **8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục II, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

#### **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật ( Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản thuyết minh về quy trình kỹ thuật, phương tiện, danh mục trang thiết bị xử lý đối với từng biện pháp, loại hình và quy mô đăng ký (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT).

#### **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật bao gồm:

+ Có địa điểm xử lý vật thể, nhà xưởng, kho chứa, phương tiện phù hợp với quy mô, biện pháp và loại hình xử lý theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;

+ Có thiết bị đối với từng biện pháp xử lý quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016.

+ Có đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Điều kiện về nhân lực bao gồm:

+ Người trực tiếp quản lý, điều hành tổ chức hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01 - 19:2010/BNNPTNT về quy trình xông hơi khử trùng hoặc tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn cơ sở về xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; bảo đảm sức khỏe theo quy định;

+ Người trực tiếp thực hiện xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật có Thẻ hành nghề do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp; bảo đảm sức khỏe theo quy định.

#### **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

- Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý kiểm dịch thực vật.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

*Được*

Phụ lục I

**DANH MỤC THIẾT BỊ**

(Kèm theo Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ)

**Phần 1. Danh mục thiết bị đối với biện pháp xông hơi khử trùng**

**Bảng 1. Danh mục thiết bị sử dụng cho biện pháp xông hơi khử trùng bằng Methyl Bromide**

TT	Thiết bị
1.	Thiết bị đo nồng độ hơi thuốc
2.	Thiết bị phát hiện rò rỉ thuốc xông hơi
3.	Thiết bị đo tồn dư thuốc sau khi thông thoáng (đo TLV)
4.	Thiết bị thông thoáng, đảo khí
5.	Thiết bị hóa hơi
6.	Thiết bị gia nhiệt
7.	Dụng cụ, trang bị bảo hộ cá nhân (mặt nạ, bình lọc, thiết bị thở ôxy...)
8.	Ống dẫn thuốc
9.	Bạt khử trùng
10.	Vật liệu làm kín khác (bạt giấy dán chuyên dụng, hồ dán, băng dính, rân cát...)
11.	Thiết bị đo nhiệt độ, ẩm độ
12.	Dụng cụ cân, đo
13.	Dụng cụ, thiết bị lấy mẫu và giám định sinh vật gây hại
14.	Dụng cụ, thiết bị phun vệ sinh
15.	Biển cảnh giới
16.	Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy
17.	Bộ dụng cụ sơ cứu

*estua*



**Bảng 2: Danh mục thiết bị sử dụng cho biện pháp xông hơi khử trùng bằng Phosphine**

TT	Thiết bị
1.	Thiết bị đo nồng độ hơi thuốc
2.	Thiết bị phát hiện rò rỉ thuốc xông hơi
3.	Thiết bị đo tồn dư thuốc sau khi thông thoáng (TLV)
4.	Thiết bị thông thoáng
5.	Dụng cụ, trang bị bảo hộ cá nhân (mặt nạ, bình lọc, thiết bị thở ôxy...)
6.	Bạt khử trùng
7.	Vật liệu làm kín khác (bạt giấy dán chuyên dụng, hồ dán, băng dính, rân cát...)
8.	Thiết bị đo nhiệt độ, ẩm độ
9.	Dụng cụ cân, đo
10.	Dụng cụ, thiết bị lấy mẫu và giám định sinh vật gây hại
11.	Dụng cụ, thiết bị phun vệ sinh
12.	Biển cảnh giới
13.	Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy
14.	Bộ dụng cụ sơ cứu

**Phần 2: Danh mục thiết bị đối với biện pháp xử lý hơi nước nóng**

TT	Thiết bị
1.	Buồng xử lý
2.	Máy tạo hơi nước nóng (Máy VHT)
3.	Thiết bị làm mát
4.	Hệ thống làm ẩm
5.	Quạt luân chuyển không khí
6.	Thiết bị đo ẩm độ
7.	Thiết bị cảm ứng đo nhiệt
8.	Thiết bị hiệu chuẩn
9.	Thiết bị ghi dữ liệu về nhiệt độ trong quá trình xử lý
10.	Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy
11.	Bộ dụng cụ sơ cứu
12.	Dụng cụ, thiết bị lấy mẫu và giám định sinh vật gây hại

### Phần 3. Danh mục thiết bị đối với biện pháp xử lý chiếu xạ

TT	Thiết bị
1.	Nguồn phát xạ
2.	Hệ thống băng tải đưa sản phẩm ra vào buồng xử lý
3.	Phòng điều khiển
4.	Thùng chứa sản phẩm
5.	Thiết bị đo liều chiếu xạ
6.	Buồng chiếu xạ
7.	Thiết bị kiểm xạ
8.	Hệ thống khóa liên động để kiểm soát và đảm bảo an toàn
9.	Trang bị bảo hộ và thiết bị kiểm soát liều cá nhân
10.	Bộ dụng cụ sơ cứu
11.	Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy
12.	Dụng cụ, thiết bị lấy mẫu và giám định sinh vật gây hại

### Phần 4. Danh mục thiết bị đối với biện pháp xử lý nhiệt nóng

TT	Thiết bị
1.	Buồng xử lý
2.	Hệ thống cung cấp nhiệt
3.	Cảm biến đo nhiệt
4.	Thiết bị hiển thị nhiệt độ
5.	Hệ thống đảo khí
6.	Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy
7.	Dụng cụ, thiết bị lấy mẫu và giám định sinh vật gây hại

*Handwritten signature*

**Phụ lục II**  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ KIỂM DỊCH THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ**  
**THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

**Kính gửi:** .....

Tên tổ chức: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Đề nghị quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật cho chúng tôi:

**Biện pháp xử lý:**

- Xông hơi khử trùng
- Hơi nước nóng
- Chiếu xạ
- Nhiệt nóng
- Biện pháp khác .....

**Phạm vi và quy mô:** .....

**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản thuyết minh về quy trình kỹ thuật, phương tiện, danh mục trang thiết bị;
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có bản chính để đối chiếu Bằng tốt nghiệp trình độ từ đại học trở lên của người trực tiếp quản lý điều hành;
- Giấy khám sức khỏe theo quy định của người trực tiếp quản lý điều hành;
- Bản sao chụp Giấy khám sức khỏe của người trực tiếp thực hiện xử lý vật thể
- Danh sách người trực tiếp thực hiện xử lý đã được cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;
- Bản sao chụp các giấy tờ liên quan về phòng cháy chữa cháy và môi trường;
- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Vào số số : .....ngày \_\_\_\_ / \_\_\_\_ / \_\_\_\_\_

, ngày..... tháng.....năm.....

**Cán bộ nhận đơn**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)





**Phụ lục VII**  
**MẪU THUYẾT MINH QUY TRÌNH KỸ THUẬT,**  
**PHƯƠNG TIỆN VÀ TRANG THIẾT BỊ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**Phần 1. Mẫu bản thuyết minh qui trình kỹ thuật**

**I. QUI ĐỊNH CHUNG:**

- 1.1. Mục đích và đối tượng xử lý
- 1.2. Giải thích thuật ngữ

**II. YÊU CẦU XỬ LÝ**

- 2.1. Yêu cầu chung
- 2.2. Yêu cầu về vật tư, trang thiết bị
- 2.3. Yêu cầu về kỹ thuật
- 2.3. Giấy tờ, biểu mẫu thực hiện

**III. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN**

3.1. Chuẩn bị

Hồ sơ

Khảo sát

- 3.2. Lập phương án xử lý
- 3.3. Trình tự các bước xử lý
- 3.4. Các bước giám sát xử lý
- 3.5. Kết thúc xử lý
- 3.6. Lưu hồ sơ

**IV. QUI TRÌNH QUẢN LÝ HỒ SƠ LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG XỬ LÝ**

**V. CÁC NỘI DUNG KHÁC**

**Phần 2. Mẫu bản thuyết minh về phương tiện và trang thiết bị xử lý**

Thứ tự	Tên thiết bị/phương tiện	Số lượng	Mô tả tính năng	Thời gian mua	Thời gian hiệu chỉnh gần nhất	Tình trạng sử dụng

*Atua*

Phụ lục V

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ THUỘC ĐIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT  
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT  
PLANT PROTECTION DEPARTMENT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness



**GIẤY CHỨNG NHẬN  
HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ THUỘC ĐIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT**  
*Certificate of Qualified Treatment Practice for Regulated Articles*

Số (No.): .....

Tổ chức (Service provider): .....

Địa chỉ (Address): .....

Biện pháp xử lý (Treatment method): .....

Phạm vi (Scope of services): .....

Quy mô (Scale): .....

Có giá trị đến ngày (Date of expiry): .....

Ngày cấp (date of issue):  
CỤC TRƯỞNG  
DIRECTOR GENERAL

## **XIX. TTHC Cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật**

**Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ cho Cục Bảo vệ thực vật.

- Bước 2: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Bảo vệ thực vật thẩm định hồ sơ và thông báo bằng văn bản kết quả thẩm định cho tổ chức đăng ký.

- Bước 3: Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Bảo vệ thực vật tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện hành nghề của tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT.

Trường hợp không cấp lại phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **2. Cách thức thực hiện:**

Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện cho Cục Bảo vệ thực vật

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Đơn đề nghị cấp lại theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT.

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp mang theo bản chính để đối chiếu Bằng tốt nghiệp trình độ từ đại học trở lên của người trực tiếp quản lý điều hành (trong trường hợp có thay đổi người trực tiếp quản lý, điều hành).

c) Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp của người trực tiếp quản lý, điều hành và những người trực tiếp thực hiện xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

d) Danh sách người trực tiếp thực hiện xử lý đã được cấp Thẻ hành nghề tại thời điểm đề nghị.

đ) Bản thuyết minh về quy trình kỹ thuật, phương tiện, danh mục trang thiết bị hành nghề tại thời điểm đề nghị.

e) Bản sao chụp Phương án phòng cháy chữa cháy được phê duyệt hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc giấy tờ chứng minh đủ điều kiện về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật; cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt hoặc giấy tờ chứng minh đủ điều kiện về đảm bảo môi trường theo quy định của pháp luật.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **4. Thời hạn giải quyết:**

20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức đăng ký hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Bảo vệ thực vật.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

**8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục II, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản thuyết minh về quy trình kỹ thuật, phương tiện và trang thiết bị (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật trong các trường hợp có sự thay đổi về địa chỉ, phạm vi, quy mô hành nghề; hết hạn Giấy chứng nhận hành nghề.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;

- Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý kiểm dịch thực vật.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

**II. Cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc đổi tên của tổ chức hành nghề**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ cho Cục Bảo vệ thực vật;

- Bước 2: Căn cứ hồ sơ, Cục Bảo vệ thực vật cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật theo mẫu qui định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

**2. Cách thức thực hiện:**

Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện cho Cục Bảo vệ thực vật

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*Đưa*

a) Đơn đề nghị cấp lại theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT;

b) Bản chính Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật đã được cấp (trừ trường hợp bị mất);

c) Bản sao chụp giấy tờ chứng minh việc thay đổi tên của tổ chức hành nghề (đối với trường hợp thay đổi tên).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức đăng ký hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Bảo vệ thực vật

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

**8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục II, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc đổi tên của tổ chức hành nghề.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý kiểm dịch thực vật.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

*Handwritten signature*

**Phụ lục III**  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ THUỘC ĐIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ**  
**THUỘC ĐIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

Kính gửi: .....

Tên tổ chức: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Đề nghị quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc điện kiểm dịch thực vật cho chúng tôi:

Lý do cấp lại: .....

**Biện pháp xử lý:**

- Xông hơi khử trùng (ghi rõ loại hình xuất nhập khẩu hoặc bảo quản nội địa)
- Hơi nước nóng
- Chiếu xạ
- Nhiệt nóng
- Biện pháp khác.....

**Phạm vi và quy mô:** .....

**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản thuyết minh về quy trình kỹ thuật, phương tiện, danh mục trang thiết bị;
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có bản chính để đối chiếu Bằng tốt nghiệp trình độ từ đại học trở lên của người trực tiếp quản lý điều hành (trong trường hợp thay đổi người trực tiếp quản lý, điều hành);
- Giấy khám sức khỏe theo quy định của người trực tiếp quản lý điều hành;
- Danh sách người trực tiếp thực hiện xử lý đã được cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc điện kiểm dịch thực vật và Giấy khám sức khỏe của những người này;
- Bản sao chụp các giấy tờ liên quan về phòng cháy chữa cháy và môi trường của lần kiểm tra gần nhất.

Vào số số : .....ngày \_\_\_\_ / \_\_\_\_ / .....

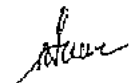
, ngày..... tháng.....năm.....

**Cán bộ nhận đơn**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)



**Phụ lục VII**  
**MẪU THUYẾT MINH QUY TRÌNH KỸ THUẬT,**  
**PHƯƠNG TIỆN VÀ TRANG THIẾT BỊ**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**Phần 1. Mẫu bản thuyết minh quy trình kỹ thuật**

**I. QUI ĐỊNH CHUNG:**

- 1.1. Mục đích và đối tượng xử lý
- 1.2. Giải thích thuật ngữ

**II. YÊU CẦU XỬ LÝ**

- 2.1. Yêu cầu chung
- 2.2. Yêu cầu về vật tư, trang thiết bị
- 2.3. Yêu cầu về kỹ thuật
- 2.3. Giấy tờ, biểu mẫu thực hiện

**III. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN**

3.1. Chuẩn bị

Hồ sơ

Khảo sát

- 3.2. Lập phương án xử lý
- 3.3. Trình tự các bước xử lý
- 3.4. Các bước giám sát xử lý
- 3.5. Kết thúc xử lý
- 3.6. Lưu hồ sơ

**IV. QUI TRÌNH QUẢN LÝ HỒ SƠ LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG XỬ LÝ**

**V. CÁC NỘI DUNG KHÁC**

**Phần 2. Mẫu bản thuyết minh về phương tiện và trang thiết bị xử lý**

Thứ tự	Tên thiết bị/phương tiện	Số lượng	Mô tả tính năng	Thời gian mua	Thời gian hiệu chỉnh gần nhất	Tình trạng sử dụng

*thua*

Phụ lục V

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT  
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT  
PLANT PROTECTION DEPARTMENT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness



**GIẤY CHỨNG NHẬN  
HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT**  
*Certificate of Qualified Treatment Practice for Regulated Articles*

Số (No.): .....

Tổ chức (Service provider): .....

Địa chỉ (Address): .....

Biện pháp xử lý (Treatment method): .....

Phạm vi (Scope of services): .....

Quy mô (Scale): .....

Có giá trị đến ngày (Date of expiry): .....

Ngày cấp (date of issue):  
CỤC TRƯỞNG  
DIRECTOR GENERAL

*Handwritten signature*



## **XX: TTHC Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật**

### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Người đề nghị cấp Thẻ hành nghề nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ cho Cục Bảo vệ thực vật.

- Bước 2: Cục Bảo vệ thực vật kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ ngay khi nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời gian 01 ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Bảo vệ thực vật thực hiện việc cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật theo mẫu qui định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT.

Trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

#### **2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ**

- Trực tiếp

- Bưu điện

#### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT.

b) Bản sao chụp Giấy chứng nhận đã qua tập huấn chuyên môn.

c) Bản chính Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp.

d) Hai ảnh cỡ 2cm x 3cm.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

#### **4. Thời hạn giải quyết:**

- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện.

#### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Cá nhân đăng ký cấp thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

#### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Bảo vệ thực vật**

#### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

#### **8. Phí, lệ phí:**

- Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 ( Mục II, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

#### **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

*retuac*

Đơn đề nghị cấp thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Điều kiện đối với cá nhân được cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật:

- Đã được tập huấn và kiểm tra chuyên môn về xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật theo chương trình do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định; bảo đảm sức khỏe theo quy định.

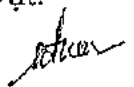
**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

- Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý kiểm dịch thực vật.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.



Phụ lục IV

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ HÀNH NGHỀ XỬ LÝ  
VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM  
DỊCH THỰC VẬT**

Kính gửi: .....

Họ tên: ..... Ngày sinh: ..... Nam/Nữ

Đơn vị công tác: .....

Địa chỉ: .....

Trình độ: .....

**Biện pháp xử lý:**

- Xông hơi khử trùng
- Hơi nước nóng
- Chiếu xạ
- Nhiệt nóng
- Biện pháp khác (.....)

**Hồ sơ kèm theo:**

- Giấy chứng nhận đã qua tập huấn chuyên môn (bản sao chụp)
- Giấy khám sức khỏe
- 02 ảnh 2cm x 3cm

Tôi xin cam đoan sẽ chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật trong suốt quá trình hành nghề, nếu vi phạm tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

**Xác nhận của cơ quan  
chủ quản**  
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày.....tháng .....năm .....

**Người đề nghị cấp**  
(Ký và ghi rõ họ tên)





**Phụ lục VI**  
**MẪU THẺ HÀNH NGHỀ XỬ LÝ**  
**VẬT THỂ THUỘC ĐIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Thẻ có hình chữ nhật, kích thước: 7cm x 10cm, được làm bằng bìa cứng, ép plastic

**Mặt trước thẻ:**

- Bên trái từ trên xuống là logo Cục Bảo vệ thực vật; ảnh của người được cấp thẻ cỡ 2cm x 3cm; góc dưới bên phải ảnh đóng dấu nổi của cơ quan cấp thẻ;
- Bên phải từ trên xuống là quốc hiệu; hàng chữ "Thẻ xông hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật" màu đỏ; các chữ khác màu đen;
- Đóng khung màu xanh lam.

	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	<b>THẺ HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT</b>
	Số thẻ: .....
	Họ và tên: .....
	Ngày sinh: .....
	Biện pháp xử lý: .....
	.....

**Mặt sau thẻ:**

- Nền trắng, hoa văn vàng; chữ đen;
- Được đóng khung màu xanh lá cây

<b>QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC CẤP THẺ</b>
- Thẻ này được cấp theo quy định kiểm dịch thực vật hiện hành
- Chỉ dùng thẻ này khi thi hành nhiệm vụ
- Không cho mượn, lấy, xóa, làm hư hỏng thẻ
- Khi bị mất thẻ phải báo ngay cho cơ quan công an và cơ quan chủ quản
Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...
<b>CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT</b> <b>CỤC TRƯỞNG</b>

*Handwritten signature*

## **XXI. TTHC Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật**

### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Người đề nghị cấp lại Thẻ hành nghề nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ cho Cục Bảo vệ thực vật.

- Bước 2: Cục Bảo vệ thực vật kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ ngay khi nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời gian 01 ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Bảo vệ thực vật thực hiện việc cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật theo mẫu qui định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT.

Trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

#### **2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ**

- Trực tiếp

- Bưu điện

#### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT.

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đã qua tập huấn chuyên môn.

- Bản chính Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp.

- Hai ảnh cỡ 2cm x 3cm.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

#### **4. Thời hạn giải quyết:**

- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện.

#### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Cá nhân đăng ký cấp thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

#### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Bảo vệ thực vật**

#### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

#### **8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục II, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

#### **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**



Đơn đề nghị cấp thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

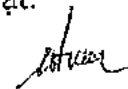
Thẻ hành nghề được cấp lại trong các trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng.

Điều kiện đối với cá nhân được cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật:

Đã được tập huấn và kiểm tra chuyên môn về xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật theo chương trình do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định; bảo đảm sức khỏe theo quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;
- Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý kiểm dịch thực vật.
- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.



**Phụ lục IV**  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ HÀNH NGHỀ XỬ LÝ**  
**VẬT THỂ THUỘC ĐIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ THUỘC ĐIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

Kính gửi: .....

Họ tên: ..... Ngày sinh: ..... Nam/Nữ

Đơn vị công tác: .....

Địa chỉ: .....

Trình độ: .....

**Biện pháp xử lý:**

- Xông hơi khử trùng
- Hơi nước nóng
- Chiếu xạ
- Nhiệt nóng
- Biện pháp khác (.....)

**Hồ sơ kèm theo:**

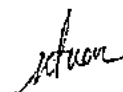
- Giấy chứng nhận đã qua tập huấn chuyên môn (bản sao chụp)
- Giấy khám sức khoẻ
- 02 ảnh 2cm x 3cm

Tôi xin cam đoan sẽ chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật trong suốt quá trình hành nghề, nếu vi phạm tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày.....tháng .....năm .....

**Xác nhận của cơ quan  
chủ quản**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Người đề nghị cấp**  
(Ký và ghi rõ họ tên)





**Phụ lục VI**  
**MẪU THẺ HÀNH NGHỀ XỬ LÝ**  
**VẬT THỂ THUỘC ĐIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Thẻ có hình chữ nhật, kích thước: 7cm x 10cm, được làm bằng bìa cứng, ép plastic

**Mặt trước thẻ:**

- Bên trái từ trên xuống là logo Cục Bảo vệ thực vật; ảnh của người được cấp thẻ cỡ 2cm x 3cm; góc dưới bên phải ảnh đóng dấu nổi của cơ quan cấp thẻ;
- Bên phải từ trên xuống là quốc hiệu; hàng chữ "Thẻ xông hành nghề xử lý vật thể thuộc điện kiểm dịch thực vật" màu đỏ; các chữ khác màu đen;
- Đóng khung màu xanh lam.

	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	<b>THẺ HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ THUỘC ĐIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT</b>
	Số thẻ: .....
	Họ và tên: .....
	Ngày sinh: .....
	Biện pháp xử lý : .....
	.....

**Mặt sau thẻ:**

- Nền trắng, hoa văn vàng; chữ đen;
- Được đóng khung màu xanh lá cây

<b>QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC CẤP THẺ</b>
- Thẻ này được cấp theo quy định kiểm dịch thực vật hiện hành
- Chỉ dùng thẻ này khi thi hành nhiệm vụ
- Không cho mượn, lấy, xóa, làm hư hỏng thẻ
- Khi bị mất thẻ phải báo ngay cho cơ quan công an và cơ quan chủ quản
Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...
<b>CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT</b> <b>CỤC TRƯỞNG</b>

*stuan*



## **XXII. TTHC Cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu**

### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Tổ chức, cá nhân (thương nhân) nộp hồ sơ trực tiếp tại Cục Bảo vệ thực vật hoặc gửi qua đường bưu điện.

Bước 2: Cục Bảo vệ thực vật tiếp nhận hồ sơ và xem xét, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định trong trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ thông qua đường bưu điện.

Bước 3: Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, Cục Bảo vệ thực vật phải cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu theo mẫu 05/BVTV ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT.

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp không cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu, Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ**

- Trực tiếp
- Bưu điện

#### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu theo mẫu số 04/BVTV ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT;
- Bản sao chụp Hợp đồng thương mại;
- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

#### **4. Thời hạn giải quyết:**

- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
- 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ thông qua đường bưu điện.

#### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức, cá nhân (thương nhân).

#### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Bảo vệ thực vật**

#### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu.

Thời hạn có hiệu lực của Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (có giá trị không quá 01 năm kể từ ngày cấp).

### **8. Phí và lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật (Mục II, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

### **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

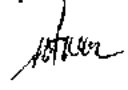
Đơn đề nghị cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (mẫu số 04/BVTV ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT).

### **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Thương nhân chỉ được phép nhập khẩu vật thể thuộc Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam hoặc quá cảnh vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khi có Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu do Cục Bảo vệ thực vật cấp.

### **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;
- Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/2/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
- Thông tư 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.



**Mẫu số 04/BVTV: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP**

**GIẤY PHÉP KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP  
KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU**

Số : .....

Kính gửi: .....

Tổ chức, cá nhân: .....

Địa chỉ: ..... Điện thoại : .....

Đề nghị quý cơ quan cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu cho lô vật thể  
dưới đây của cơ quan chúng tôi:

Tên vật thể: .....

Tên khoa học : .....

Trọng lượng : .....

Số lượng: .....

Phương thức đóng gói : .....

Vùng sản xuất : .....

Nước xuất khẩu : .....

Phương tiện vận chuyển : .....

Cửa khẩu nhập : .....

Địa điểm sử dụng : .....


Thời gian lô vật thể nhập khẩu : .....

Hồ sơ kèm theo : .....

Vào sổ số : ..... ngày \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_\_\_ , ngày..... tháng.....năm.....

**Cán bộ nhận đơn**  
(Ký tên)

**Đại diện cơ quan**  
(Ký tên)



**Mẫu số 05/BVTV: GIẤY PHÉP KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SỐ: ...../BVTV-KD

**GIẤY PHÉP KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU**

Theo pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, căn cứ vào:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép Kiểm dịch thực vật nhập khẩu của.....

Báo cáo kết quả phân tích nguy cơ dịch hại số .... ngày .....tháng .....năm.....

Cục Bảo vệ thực vật đồng ý về mặt kiểm dịch thực vật (KDTV) để tổ chức, cá nhân có tên và địa chỉ dưới đây:

Nhập vào Việt Nam từ nước :

Những vật thể thuộc diện KDTV sau :

Tên khoa học : .....

Với điều kiện phải thực hiện những yêu cầu KDTV sau đây:

1/ Áp dụng các biện pháp xử lý tại nước xuất khẩu:

Khử trùng: Loại thuốc:..... Liều lượng:..... Thời gian:.....

Chiếu xạ: Nguồn:..... Liều lượng:..... Thời gian:.....

Được sản xuất từ khu vực không nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam;

Biện pháp khác: .....

2/ Có Giấy chứng nhận KDTV do cơ quan có thẩm quyền về bảo vệ/KDTV của nước xuất khẩu cấp;

3/ Những vật thể trên:

Chỉ được phép đưa vào qua các cửa khẩu sau đây :

Phải được hoàn tất thủ tục KDTV tại:.....

4/ Lộ trình vận chuyển: .....

*Handwritten signature*

5/ Địa điểm sử dụng:.....

6/ Khi tới nơi qui định, chủ vật thể trên phải thực hiện những nội dung sau đây:

Khai báo với Chi cục Bảo vệ thực vật các tỉnh, thành phố địa điểm gieo trồng để tiếp tục theo dõi tình trạng dịch hại;

Khai báo với Trung tâm KDTV sau nhập khẩu ...;

Chỉ được đưa ra sản xuất sau khi có kết luận của cơ quan KDTV.

Yêu cầu KDTV khác:.....

.....

.....

.....

7/ Giấy phép này có hiệu lực đến ngày ..... tháng .... năm 20...

Hà Nội, ngày .... tháng ... năm 20..

**CỤC TRƯỞNG**

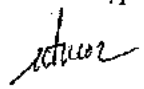
(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú :**

1. Giấy phép KDTV nhập khẩu này được lập thành 4 bản :

- Một bản do cơ quan đặt hàng giữ;
- Một bản do cơ quan nhập khẩu giữ;
- Một bản lưu tại cơ quan KDTV của địa bàn có cửa khẩu mà hàng thực vật nhập vào;
- Một bản lưu tại Cục Bảo vệ thực vật.

2. Cơ quan KDTV nơi nhận phải tiến hành thống kê nghiêm ngặt những Giấy phép KDTV nhập khẩu nhận được



## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH**

### **I. TTHC Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật**

#### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Bước 2: Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 03 ngày làm việc.

+ Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp không cấp phải thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ**

- Trực tiếp

- Bưu điện

- Trực tuyến

#### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc bảo vệ thực vật của người điều khiển phương tiện hoặc người áp tải hàng, khi nộp mang theo bản chính để đối chiếu (đối với vận chuyển bằng đường bộ).

- Một trong bản sao chụp các giấy tờ sau: Hợp đồng cung ứng; Hợp đồng vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật; Hóa đơn tài chính về xuất, nhập hàng hóa thuốc bảo vệ thực vật; Bản kê khai vận chuyển hàng hóa của công ty (có xác nhận và dấu của công ty).

- Lịch trình vận chuyển hàng hóa, địa chỉ và điện thoại của chủ hàng (có xác nhận và dấu của công ty).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

#### **4. Thời hạn giải quyết:**

03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

#### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân**

#### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.

**8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục II, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.
- Căn cứ Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt.
- Căn cứ Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.
- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

*Handwritten signature*

**Phụ lục XXIX**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN**  
**THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh .....

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép vận chuyển.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại ..... Fax.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số ..... ngày.....tháng .....năm.....

Đăng ký doanh nghiệp số..... ngày.....tháng .....năm.....

tại.....

Số tài khoản..... Tại ngân hàng.....

Họ tên người đại diện pháp luật..... Chức danh.....

CMND/Hộ chiếu số..... do..... cấp ngày.../.../.....

Hộ khẩu thường trú.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét và cấp “*Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật*” đối với loại thuốc bảo vệ thực vật sau:

STT	Tên thuốc BVTV/ hoạt chất	Số UN	Loại, nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận chuyển

cho phương tiện giao thông .....

(lưu ý: ghi rõ loại phương tiện vận chuyển, trọng tải phương tiện, biển kiểm soát, tên chủ phương tiện, tên người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, người áp tải hàng, số CMND/Hộ chiếu, hộ khẩu thường trú).

Tôi cam kết đảm bảo an toàn để tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày.....tháng .....năm.....

Người làm đơn  
(Ký tên, đóng dấu)





Phụ lục XXX

**MẪU GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT ...  
CHI CỤC .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY PHÉP**  
**VẬN CHUYỂN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép vận chuyển .....
- Tên phương tiện, biển kiểm soát <sup>(1)</sup> .....
- Tên chủ phương tiện giao thông .....
- CMND/Hộ chiếu số .....do ..... cấp ngày...../...../.....  
Hộ khẩu thường trú.....
- Tên người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ <sup>(2)</sup> .....
- CMND/Hộ chiếu số .....do ..... cấp ngày...../...../.....  
Hộ khẩu thường trú.....
- Tên người áp tải hàng (nếu có)
- Hàng hoá được vận chuyển:

STT	Tên thuốc BVTV/ hoạt chất	Số UN	Loại, nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận chuyển <sup>(3)</sup>

- Hành trình <sup>(4)</sup> từ ..... đến .....
- Thời gian bắt đầu vận chuyển.....
- Thời hạn hiệu lực của giấy phép vận chuyển:.....  
....., ngày.....tháng .....năm.....

**CHI CỤC TRƯỞNG**

(Ký tên, đóng dấu)

Vào sổ đăng ký số:

Ngày .....tháng.....năm....

**Ghi chú:**

- (1), (2) Trường hợp cấp phép cho nhiều phương tiện, nhiều người điều khiển phương tiện thì Giấy phép bổ sung thêm Phụ lục danh sách phương tiện, người điều khiển phương tiện.
- (3), (4) Trường hợp khối lượng vận chuyển khác nhau, lịch trình vận chuyển đến nhiều địa điểm khác nhau thì Giấy phép bổ sung Phụ lục chi tiết các nội dung này.

## **II. TTHC Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)**

**Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Bước 2: Tiếp nhận, thẩm định và cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 10 ngày làm việc.

Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ**

- Trực tiếp
- Bưu điện
- Trực tuyến

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật.

- Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự).

- Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên (đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao).

Số lượng hồ sơ: 01 bản giấy hoặc bản điện tử.

### **4. Thời hạn giải quyết:**

10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân**

### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật:

Đối với các trường hợp quảng cáo trên các phương tiện:

- Báo chí, trang thông tin điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, các sản phẩm in, bản ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác của địa phương.

- Bảng quảng cáo, băng-rôn, biển hiệu, hộp đèn, màn hình chuyên quảng cáo.

- Phương tiện giao thông.

- Hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao;

- Người chuyên tải sản phẩm quảng cáo, vật thể quảng cáo.
- Các phương tiện quảng cáo khác theo quy định của pháp luật.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy xác nhận nội dung quảng cáo

**8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục II, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.
- Căn cứ Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.
- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.
- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

*idua*

Phụ lục XXXIV

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO  
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên công ty, doanh nghiệp

Số: .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO  
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Tên cơ quan có thẩm quyền

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....

Số giấy phép hoạt động : .....

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:.....

Kính đề nghị ... (tên cơ quan có thẩm quyền) xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối  
với thuốc bảo vệ thực vật sau:

STT	Tên thuốc BVTV	Giấy chứng nhận đăng ký	Phương tiện quảng cáo
1.			
...			

Các tài liệu gửi kèm:

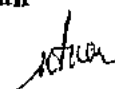
1.....

2.....

3.....

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của  
văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng  
cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Đại diện tổ chức, cá nhân**  
(Ký tên, đóng dấu)



Phụ lục XXXV

**GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

• Tên cơ quan chủ quản  
Tên cơ quan có thẩm quyền xác  
nhận nội dung quảng cáo thuốc  
bảo vệ thực vật

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... ngày.....tháng.....năm 20....

**GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Số: /20.../XNQC-ký hiệu viết tắt của cơ quan có thẩm quyền

(Tên cơ quan có thẩm quyền).....xác nhận:

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo: .....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....

*có nội dung quảng cáo<sup>(1)</sup> các thuốc bảo vệ thực vật trong bảng dưới đây phù hợp với quy định hiện hành.*

STT	Tên thuốc BVTV	Giấy chứng nhận đăng ký	Phương tiện quảng cáo
1.			
2			
...			

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật đúng nội dung đã được xác nhận.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)



1. Nội dung quảng cáo được đính kèm Giấy xác nhận này.

### **III. TTHC Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật**

#### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân (cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật) nộp hồ sơ đến Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 4: Thành lập đoàn đánh giá

Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tính quyết định thành lập Đoàn đánh giá trong thời hạn 05 ngày làm việc.

- Bước 5: Đánh giá thực tế tại cơ sở

Đoàn đánh giá thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá 05 ngày, thời gian đánh giá tại cơ sở không quá 01 ngày làm việc.

- Bước 6: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 05 ngày làm việc.

+ Trường hợp chưa đạt yêu cầu, Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức, cá nhân khắc phục trong vòng 60 ngày. Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại.

+ Trường hợp không cấp, Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ**

- Trực tiếp

- Bưu điện

- Trực tuyến

#### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết:**

- 21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Có giá trị trong thời hạn 05 năm).

**8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục I, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Về nhân lực

Chủ cơ sở bán thuốc, người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, sinh học, lâm sinh hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ về thuốc bảo vệ thực vật do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp.

b) Về địa điểm

- Có địa điểm hợp pháp, bảo đảm về diện tích, khoảng cách an toàn cho người, vật nuôi và môi trường theo đúng quy định.

- Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện; khi xây dựng phải cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m.

c) Về kho thuốc bảo vệ thực vật

Có kho thuốc đúng quy định, trang thiết bị phù hợp để bảo quản, xử lý thuốc bảo vệ thực vật khi xảy ra sự cố:

- Đối với kho thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở bán lẻ

+ Khi xây dựng cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m;

+ Kho có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm.

- Kho thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở bán buôn đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

#### **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

*Atua*



Phụ lục XIV

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật hoặc

Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Đơn vị chủ quản:.....

Địa chỉ: .....

Tel: ..... Fax: ..... E-mail: .....

2. Tên cơ sở: .....

Địa chỉ: .....

Tel: ..... Fax: ..... E-mail: .....

Địa điểm sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

**Đề nghị Quý cơ quan**

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

- Sản xuất hoạt chất

- Sản xuất thuốc kỹ thuật

- Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật

- Đóng gói

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

- Cơ sở có cửa hàng

- Cơ sở không có cửa hàng

Cấp mới  Cấp lại lần thứ .....

Hồ sơ gửi kèm:.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Đại diện cơ sở**

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phụ lục XVI

**MẪU BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH  
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

**I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

1. Đơn vị chủ quản: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

2. Tên cơ sở: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

3. Loại hình hoạt động

- |                                |                          |                            |                          |
|--------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| - DN nhà nước                  | <input type="checkbox"/> | - DN cổ phần               | <input type="checkbox"/> |
| - DN liên doanh với nước ngoài | <input type="checkbox"/> | - Hộ buôn bán              | <input type="checkbox"/> |
| - DN tư nhân                   | <input type="checkbox"/> | - Khác: (ghi rõ loại hình) | <input type="checkbox"/> |
| - DN 100% vốn nước ngoài       | <input type="checkbox"/> | .....                      |                          |

4. Năm bắt đầu hoạt động: .....

5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp  
.....

**II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN**

1. Cửa hàng (áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng)

- Diện tích cửa hàng: .....m<sup>2</sup>
- Diện tích/công suất khu vực chứa/ kho chứa hàng hóa: ..... m<sup>2</sup> hoặc ..... tấn
- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

2. Nhân lực:

Danh sách nhân lực, trong đó:

- Chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này (Ghi rõ tên loại văn bằng, giấy chứng nhận; ngày cấp; thời hạn hiệu lực; tên cơ quan cấp; tên người được cấp).
- Chứng nhận sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của Bộ Y tế (Ghi rõ ngày cấp; tên cơ quan cấp; tên người được cấp).

- Những thông tin khác.

**3. Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật**

Có (tiếp tục khai báo mục 3.1)

Không (tiếp tục khai báo mục 3.2)

**3.1. Nếu có, cung cấp các thông tin sau:**

Nơi chứa thuốc: từ 5000 kg trở lên  dưới 5000 kg

Kích thước kho: chiều dài (m): ..... chiều rộng (m): ..... chiều cao: .....

Thông tin về nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

a) Tên người đại diện: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Mobile: ..... Fax: ..... E-mail: .....

b) Trạm cấp cứu gần nhất: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

c) Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km): .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

d) Đồn cảnh sát gần nhất: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

đ) Tên khu dân cư gần nhất: .....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

**3.2. Nếu không có kho riêng, nêu tên những đơn vị mà cơ sở có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):**.....

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN**

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

*stua*

**Phụ lục XX**  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN**  
**THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT ...**  
**CHI CỤC .....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**  
Số:.....

Tên cơ sở: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Tên đơn vị chủ quản: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

**hoặc**

Chủ cơ sở: .....

Số chứng minh nhân dân số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Địa điểm cửa hàng buôn bán: .....

**Được công nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật**

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày.....tháng....năm....

....., ngày tháng năm

**CHI CỤC TRƯỞNG**

*[Handwritten signature]*

#### **IV. TTHC Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật**

##### **Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

##### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân (cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật) nộp hồ sơ đến Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (trước 03 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn).

- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 4: Thành lập đoàn đánh giá

Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh quyết định thành lập Đoàn đánh giá trong thời hạn 05 ngày làm việc.

Trường hợp cơ sở đã được kiểm tra đánh giá xếp loại A theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản thì không thành lập Đoàn đánh giá.

- Bước 5: Đánh giá thực tế tại cơ sở

+ Đoàn đánh giá thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá 05 ngày, thời gian đánh giá tại cơ sở không quá 01 ngày làm việc.

+ Không đánh giá đối với cơ sở đã được kiểm tra đánh giá xếp loại A.

- Bước 6: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 05 ngày làm việc.

+ Trường hợp chưa đạt yêu cầu, Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức, cá nhân khắc phục trong vòng 60 ngày. Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại.



+ Trường hợp không cấp, Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

## **2. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến.

## **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

## **4. Thời hạn giải quyết:**

- 21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- 07 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với cơ sở được kiểm tra, đánh giá xếp loại A theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.

- 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

## **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân**

## **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

## **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Có giá trị trong thời hạn 05 năm).

## **8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục II, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

## **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

## 10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Trước 03 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận và phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

### a) Về nhân lực

Chủ cơ sở bán thuốc, người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, sinh học, lâm sinh hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ về thuốc bảo vệ thực vật do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp.

### b) Về địa điểm

- Có địa điểm hợp pháp, bảo đảm về diện tích, khoảng cách an toàn cho người, vật nuôi và môi trường theo đúng quy định.

- Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện; khi xây dựng phải cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m.

### c) Về kho thuốc bảo vệ thực vật

Có kho thuốc đúng quy định, trang thiết bị phù hợp để bảo quản, xử lý thuốc bảo vệ thực vật khi xảy ra sự cố:

- Đối với kho thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở bán lẻ

+ Khi xây dựng cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m;

+ Kho có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm.

- Kho thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở bán buôn đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

## 11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

Phụ lục XIV

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật hoặc

Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Đơn vị chủ quản: .....

Địa chỉ: .....

Tel: ..... Fax: ..... E-mail: .....

2. Tên cơ sở: .....

Địa chỉ: .....

Tel: ..... Fax: ..... E-mail: .....

Địa điểm sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

**Đề nghị Quý cơ quan**

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

- Sản xuất hoạt chất

- Sản xuất thuốc kỹ thuật

- Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật

- Đóng gói

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

- Cơ sở có cửa hàng

Cơ sở không có cửa hàng

Cấp mới  Cấp lại lần thứ .....


Hồ sơ gửi kèm: .....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày..... tháng.....năm.....

**Đại diện cơ sở**

(Ký và ghi rõ họ tên)





Phụ lục XVI

**MẪU BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH  
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

**I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

1. Đơn vị chủ quản: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

2. Tên cơ sở: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

**3. Loại hình hoạt động**

- |                                |                          |                            |                          |
|--------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| - DN nhà nước                  | <input type="checkbox"/> | - DN cổ phần               | <input type="checkbox"/> |
| - DN liên doanh với nước ngoài | <input type="checkbox"/> | - Hộ buôn bán              | <input type="checkbox"/> |
| - DN tư nhân                   | <input type="checkbox"/> | - Khác: (ghi rõ loại hình) | <input type="checkbox"/> |
| - DN 100% vốn nước ngoài       | <input type="checkbox"/> | .....                      |                          |

4. Năm bắt đầu hoạt động: .....

5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp  
.....

**II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN**

**1. Cửa hàng (áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng)**

- Diện tích cửa hàng: .....m<sup>2</sup>
- Diện tích/công suất khu vực chứa/ kho chứa hàng hóa: ..... m<sup>2</sup> hoặc ..... tấn
- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

**2. Nhân lực:**

Danh sách nhân lực, trong đó:

- Chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này (Ghi rõ tên loại văn bằng, giấy chứng nhận; ngày cấp; thời hạn hiệu lực; tên cơ quan cấp; tên người được cấp).
- Chứng nhận sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của Bộ Y tế (Ghi rõ ngày cấp; tên cơ quan cấp; tên người được cấp).

- Những thông tin khác.

**3. Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật**

Có (tiếp tục khai báo mục 3.1)

Không (tiếp tục khai báo mục 3.2)

**3.1. Nếu có, cung cấp các thông tin sau:**

Nơi chứa thuốc:      từ 5000 kg trở lên       dưới 5000 kg

Kích thước kho: chiều dài (m): ..... chiều rộng (m): ..... chiều cao: .....

Thông tin về nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

a) Tên người đại diện: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Mobile: ..... Fax: ..... E-mail: .....

b) Trạm cấp cứu gần nhất: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

c) Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km): .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

d) Đồn cảnh sát gần nhất: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

đ) Tên khu dân cư gần nhất: .....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

**3.2. Nếu không có kho riêng, nêu tên những đơn vị mà cơ sở có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):**.....

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN**

(Ký tên, đóng dấu nếu có)



Phụ lục XX  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN  
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT ...  
CHI CỤC .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Số:.....

Tên cơ sở: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Tên đơn vị chủ quản: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

hoặc

Chủ cơ sở: .....

Số chứng minh nhân dân số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Địa điểm cửa hàng buôn bán: .....

**Được công nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật**

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày.....tháng....năm....

....., ngày tháng năm

**CHI CỤC TRƯỞNG**



## V. TTHC Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật

### Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật

#### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ vật thể nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật (vận chuyển nội địa) tại Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Bước 2: Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì yêu cầu chủ vật thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật quyết định địa điểm và bố trí công chức kiểm tra ngay lô vật thể.

- Bước 4: Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với lô vật thể không bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ.

Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật hoặc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa thì Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể biết.

#### 2. Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được nộp trực tiếp cho Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

#### 3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa (theo mẫu qui định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

#### 4. Thời hạn giải quyết: 24 giờ

#### 5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vận chuyển vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật từ vùng bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật

#### 6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:



Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa.

**8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư 223/2012/TT-BTC quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật ( Mục VI, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT).

**10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;
- Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch thực vật nội địa.
- Thông tư 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

*Handwritten signature*

Phụ lục V

**MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 10 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA**

*Kính gửi:* .....

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại: ..... Fax/E-mail:

Số Giấy CMND: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật sau:

1. Tên hàng: ..... Tên khoa học: .....

Cơ sở sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

2. Số lượng và loại bao bì: .....

3. Khối lượng tịnh: ..... Khối lượng cả bì: .....

4. Phương tiện chuyên chở: .....

5. Nơi đi: .....

6. Nơi đến: .....

7. Mục đích sử dụng: .....

8. Địa điểm sử dụng: .....

9. Thời gian kiểm dịch: .....

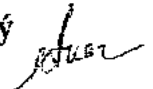
10. Địa điểm, thời gian giám sát xử lý (nếu có): .....

Số bản Giấy chứng nhận KDTV cần cấp: ..... bản chính; ..... bản sao .....

Vào số số: ..... ngày ...../...../.....

**Cán bộ KDTV nhận giấy đăng ký**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Tổ chức, cá nhân đăng ký**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



Phụ lục II

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT  
NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH VÀ VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA**

(Ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(TÊN CƠ QUAN KDTV)

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT  
NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH VÀ VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA**

Số: ...../KDTV

Cấp cho: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

**CĂN CỨ CẤP GIẤY:**

Giấy phép kiểm dịch thực vật (KDTV) nhập khẩu số .....ngày ...../...../.....;

Giấy đăng ký KDTV;  Giấy chứng nhận KDTV của nước xuất khẩu;

Kết quả kiểm tra, phân tích giám định trong phòng thí nghiệm;

Dấu xử lý vật liệu đóng gói bằng gỗ của nước xuất khẩu;

Căn cứ khác: .....

**CHỨNG NHẬN:**

Những vật thể thuộc diện KDTV (vật thể) sau đây: .....

Tên khoa học: .....

Số lượng: .....

Khối lượng: .....(viết bằng chữ).....

Phương tiện vận chuyển: .....

Nơi đi: .....

Nơi đến: .....

Chưa phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam

Phát hiện loài ..... là đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam. Lô vật thể đã được xử ký đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại trên;

Phát hiện sinh vật gây hại lạ. Lô vật thể đã được xử ký đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại lạ trên;

Lô vật thể trên được phép chờ tới: .....

**QUY ĐỊNH MỘT SỐ ĐIỀU KIỆN TRONG KHI GỬI VÀ NHẬN HÀNG:**

Lô vật thể được phép gieo trồng, sử dụng tại địa điểm quy định trên;

Lô vật thể được phép quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo lộ trình trên và phải tuân thủ mọi quy định về KDTV quá cảnh của Việt Nam

Báo ngay cho cơ quan KDTV/Bảo vệ thực vật nơi gần nhất khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam (trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển, sử dụng, gieo trồng, ....);

Điều kiện khác: .....

Thủ trưởng cơ quan  
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Chủ vật thể không được chở lô vật thể đến địa điểm khác nếu không được phép của cơ quan KDTV.

## C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ

### I. TTHC Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật

#### Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật

#### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đặt địa chỉ giao dịch.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận đồng ý cho tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật vào Đơn đề nghị xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.

Trường hợp không xác nhận, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### 2. Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được nộp trực tiếp cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đặt địa chỉ giao dịch.

#### 3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) 02 bản Đơn đề nghị xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT).

b) Bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật, sinh học hoặc Giấy chứng nhận tập huấn về bảo vệ thực vật (đối với dịch vụ thực hiện các biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại thực vật).

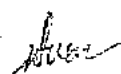
c) Bản sao chụp một trong những giấy tờ xác định địa chỉ giao dịch: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhà ở gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà; Hợp đồng thuê nhà hợp pháp còn hiệu lực tối thiểu là 01 (một) năm; Sổ hộ khẩu (đối với cá nhân).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

#### 4. Thời hạn giải quyết:

03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

#### 5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:





Tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.

**8. Lệ phí (nếu có):** Không

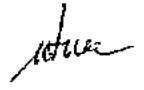
**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT).

**10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013.

- Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chi tiết điều kiện hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.



**Phụ lục I**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN**  
**HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ BẢO VỆ THỰC VẬT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 12 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....

Tên Tổ chức/cá nhân đăng ký: .....

Người đại diện (đối với tổ chức): .....; Chức vụ: .....

Số CMND.....; Ngày cấp:.....; Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Nơi tạm trú: .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Số điện thoại di động: .....; Số điện thoại cố định: .....

Đề nghị xác nhận đăng ký hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật sau đây: (\*)

- **Dịch vụ tư vấn biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại thực vật**
- **Dịch vụ phòng, chống sinh vật gây hại thực vật**

Hồ sơ gửi kèm: .....

Tôi xin cam đoan toàn bộ các thông tin trong hồ sơ là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật./.

Vào số số.....ngày...../...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Xác nhận của UBND xã/phường/thị trấn**

Nêu rõ tên Tổ chức/cá nhân  
và loại hình dịch vụ đề nghị xác nhận  
(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**Đại diện Tổ chức/cá nhân đăng ký**

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

(\* **Ghi chú:** Gạch bỏ nội dung không đăng ký)

